**BỘ TÀI CHÍNH**

**BÁO CÁO TỔNG HỢP Ý KIẾN CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG**

*(Theo Công văn số 15406/BTC-TCT ngày 18/12/2019)*

| **STT** | **Đơn vị** | **Nội dung ý kiến** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1. **BỘ, CQ NGANH BỘ, CQ THUỘC CP** | | | |
| 1 | Bộ Tư pháp | **1. Về dự thảo Tờ trình Chính phủ**  BộTư pháp thấy rằng, dự thảo Tờ trình chưa nêu bật được sự cần thiết phải xây dựng Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn (sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị định). Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, chỉnh lý nội dung của dự thảo Tờ trình theo hướng làm rõ, nổi bật cơ sở thực tiễn của việc ban hành Nghị định trên cơ sở tổng kết, đánh giá quá trình thực hiện Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế (Nghị định số 129/2013/NĐ-CP) và Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 49/2016/NĐ-CP ngày 27/5/2016 của Chính phủ) trong thời gian vừa qua.  Bên cạnh đó,đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý dự thảo Tờ trình đúng với thể thức trình bày theo Mẫu số 03 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (Nghị định số 34/2016/NĐ-CP).  **2. Về nội dung dự thảo Nghị định**  **2.1. Về một số vấn đề lớn của dự thảo Nghị định**  ***2.1.1. Về tính thống nhất của dự thảo Nghị định với các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật Quản lý thuế năm 2019***  Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính (Nghị định số 81/2013/NĐ-CP) thì một trong những căn cứ để quy định hành vi vi phạm hành chính là phải “*có vi phạm các quy định về nghĩa vụ, trách nhiệm, điều cấm của pháp luật về trật tự quản lý hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước*”. Như vậy, để bảo đảm cơ sở pháp lý, về nguyên tắc, văn bản quy phạm pháp luật quy định về nghĩa vụ, trách nhiệm, điều cấm của pháp luật về trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước (văn bản quy phạm pháp luật về nội dung) phải được ban hành và có hiệu lực trước hoặc cùng thời điểm với văn bản quy phạm pháp luật quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước đó. Tuy nhiên, hiện nay, các dự thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế năm 2019 chưa được ban hành, như vậy, chưa có cơ sở pháp lý để quy định một số hành vi vi phạm hành chính trong dự thảo Nghị định. Do đó, việc xây dựng Nghị định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn cần phải được tiến hành đồng thời, rà soát kỹ lưỡng để bảo đảm sự toàn diện và tính thống nhất, đồng bộ với các dự thảo Nghị định hướng dẫn Luật Quản lý thuế năm 2019.  ***2.1.2. Về việc quy định hành vi vi phạm hành chính***  Một số hành vi quy định tại dự thảo Nghị định còn quá chung chung, chưa được mô tả cụ thể theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP, chẳng hạn như: hành vi *“tự in hóa đơn khi không đủ các điều kiện theo quy định”* (điểm a khoản 3 Điều 18 dự thảo Nghị định); hành vi *“không niêm yết thông báo phát hành hóa đơn theo đúng quy định”* (điểm b khoản 2 Điều 22 dự thảo Nghị định); hành vi *“nộp thông báo điều chỉnh thông tin tại thông báo phát hành hóa đơn đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp”* (điểm c khoản 2 Điều 22 dự thảo Nghị định); hành vi *“lập sai loại hóa đơn theo quy định”* (điểm c khoản 1 Điều 23 dự thảo Nghị định); hành vi “*không khai báo đúng quy định việc mất hóa đơn trước khi thông báo phát hành hoặc hóa đơn đã mua nhưng chưa lập”* (điểm b khoản 3 Điều 24 dự thảo Nghị định)… Để thực hiện đúng quy định của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP nêu trên, đồng thời, để bảo đảm tính khả thi của Nghị định khi được ban hành và có hiệu lực, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo quy định các điều kiện cụ thể nêu tại những điều trên hoặc dẫn chiếu các quy định pháp luật nội dung điều chỉnh các vấn đề trên để người có thẩm quyền có căn cứ áp dụng pháp luật trên thực tiễn.  ***2.1.3. Về quy định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả***  *Thứ nhất,* qua rà soát, Bộ Tư pháp thấy rằng, nhiều biện pháp khắc phục hậu quả quy định trong dự thảo Nghị định (khoản 4 Điều 8, khoản 6 Điều 9, khoản 5 Điều 10, khoản 3 Điều 12…) chưa được quy định tại khoản 2 Điều 5 dự thảo Nghị định - quy định chung về những biện pháp khắc phục hậu quả áp dụng cho các hành vi vi phạm được quy định trong Nghị định này. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát kỹ toàn bộ dự thảo Nghị định và quy định bổ sung vào khoản 2 Điều 5 dự thảo Nghị định những biện pháp khắc phục hậu quả được quy định áp dụng đối với từng hành vi vi phạm hành chính cụ thể trong Nghị định, để bảo đảm tính toàn diện và đầy đủ, trên cơ sở đó làm căn cứ quy định chính xác về việc phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của các chức danh có thẩm quyền xử phạt quy định tại Chương IV dự thảo Nghị định.  *Thứ hai,* đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, nghiên cứu không quy định một số biện pháp khắc phục hậu quả như: “*buộc thực hiện đúng quy định của pháp luật về thu hồi, tạm giữ Chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân...*” hoặc “*buộc lắp đặt và trang bị các thiết bị...*” hoặc “*buộc xây dựng phương án xử lý và trang bị thiết bị*” hoặc “*buộc thiết kế, lắp đặt hệ thống điện*” hoặc “*buộc thiết kế hệ thống phòng cháy, chữa cháy*” hoặc “*buộc dừng sử dụng thiết bị điện*” hoặc “*buộc thi công, lắp đặt theo đúng thiết kế*” hoặc “*buộc thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy*”, quy định tại điểm b khoản 6 Điều 9, các điểm a và b khoản 6 Điều 31, khoản 4 Điều 34, khoản 6 Điều 36, các điểm b và c khoản 6 Điều 41 dự thảo Nghị định, ... vì không đáp ứng yêu cầu trong việc quy định biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a khoản 3 Điều 2 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 97/2017/NĐ-CP). Trong trường hợp qua thanh tra, kiểm tra mà phát hiện cá nhân, tổ chức vẫn thực hiện hành vi vi phạm quy định tại các điều khoản có liên quan đã nêu trên của dự thảo Nghị định, thì người có thẩm quyền xử phạt sẽ tiến hành lập biên bản và ra quyết định xử phạt đối với hành vi vi phạm của cá nhân, tổ chức và có thể xem xét áp dụng tình tiết tăng nặng tái phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều 10 Luật XLVPHC. Mặt khác, hiện nay, chưa có các quy định cụ thể trong việc thực hiện biện pháp cưỡng chế buộc thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả dự kiến quy định trong dự thảo Nghị định như đã nêu ở trên.  ***2.1.4. Vấn đề trùng lặp hành vi vi phạm hành chính***  Hành vi không *“Không chấp hành quyết định thanh tra, kiểm tra thuế”* quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 dự thảo Nghị định (bị phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng) trùng lặp với hành vi “*không chấp hành yêu cầu thanh tra, kiểm tra, kiểm soát của người thi hành công vụ*” được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 20 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình (hành vi này bị phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng)[[1]](#footnote-1).  Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát kỹ các hành vi tại dự thảo Nghị định và có hướng xử lý phù hợp. Theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP, trường hợp hành vi vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực này nhưng do tính chất vi phạm đặc thù của hành vi đó, thì có thể quy định và xử phạt trong Nghị định xử phạt vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực khác. Trong trường hợp này, hình thức, mức xử phạt quy định phải thống nhất với quy định tại Nghị định xử phạt vi phạm hành chính của lĩnh vực quản lý nhà nước tương ứng. Do đó, nếu các hành vi vi phạm được quy định tại dự thảo Nghị định có sự trùng lặp với các Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực khác thì hình thức, mức xử phạt đối với các hành vi đó phải thống nhất với quy định tại Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước tương ứng.  ***2.1.5. Về thẩm quyền và phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính***  *a) Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính*  Theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 44 Luật XLVPHC thì Chi cục trưởng Chi cục Thuế có thẩm quyền phạt tiền đến 25 triệu đồng (đối với cá nhân). Theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 44 Luật XLVPHC thì Cục trưởng Cục Thuế có thẩm quyền phạt tiền đến 70 triệu đồng (đối với cá nhân). Tuy nhiên, tại điểm c khoản 3 và điểm c khoản 4 Điều 31 dự thảo Nghị định đang quy định thẩm quyền theo hướng không giới hạn thẩm quyền xử phạt tiền của các chức danh này đối với một số hành vi vi phạm hành chính tại các điều từ Điều 14 đến Điều 16 dự thảo Nghị định.  Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh sửa quy định về thẩm quyền xử phạt tiền của Chi cục trưởng Chi cục Thuế và Cục trưởng Cục Thuế cho phù hợp với quy định của Luật XLVPHC.  *b) Phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính*  Điều 4 Luật XLVPHC quy định: “*Căn cứ quy định của Luật này, Chính phủ quy định thẩm quyền xử phạt, mức phạt tiền cụ thể theo từng chức danh…trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước*”. Khoản 3 Điều 5 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 97/2017/NĐ-CP) quy định: “*Trường hợp nghị định xử phạt vi phạm hành chính có quy định nhiều chức danh tham gia xử phạt thuộc nhiều lĩnh vực quản lý nhà nước khác nhau, thì phải quy định rõ thẩm quyền xử phạt của các chức danh đó đối với từng điều khoản cụ thể*”.  Bộ Tư pháp thấy rằng, hiện nay Điều 31 dự thảo Nghị định đã quy định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và phân định rõ thẩm quyền xử phạt của từng chức danh đối với từng điều khoản cụ thể. Tuy nhiên, Điều 32 dự thảo Nghị định quy định rất chung chung *“Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn của Chánh Thanh tra sở; Chánh Thanh tra Bộ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính*”. Do đó, để thực hiện đúng quy định của Luật XLVPHC và Nghị định số 81/2013/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 97/2017/NĐ-CP) nêu trên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp với các cơ quan có liên quan nghiên cứu, chỉnh sửa quy định tại Điều 32 nêu trên theo hướng quy định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của từng chức danh một cách rõ ràng, cụ thể, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng pháp luật. Theo đó, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của từng chức danh cần phải quy định cụ thể theo hướng gắn với từng hành vi vi phạm tại các điều, khoản, điểm cụ thể, không quy định một cách chung chung, tránh tình trạng tranh chấp về thẩm quyền xử phạt hoặc đùn đẩy trách nhiệm giữa các lực lượng chức năng.  ***2.1.6. Về thủ tục xử phạt vi phạm hành chính và thi hành hành quyết định về thuế, hóa đơn***  *Thứ nhất,* khoản 2 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 quy định: “*Văn bản quy phạm pháp luật phải quy định cụ thể nội dung cần điều chỉnh, không quy định chung chung, không quy định lại các nội dung đã được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật khác*”.  Điều 4 Luật XLVPHC quy định: *“Căn cứ quy định của Luật này, Chính phủ quy định hành vi vi phạm hành chính; hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính; thẩm quyền xử phạt, mức phạt tiền cụ thể theo từng chức danh và thẩm quyền lập biên bản đối với vi phạm hành chính trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước; chế độ áp dụng các biện pháp xử lý hành chính và quy định mẫu biên bản, mẫu quyết định sử dụng trong xử phạt vi phạm hành chính”.*  Qua rà soát, Bộ Tư pháp thấy rằng, Luật XLVPHC chỉ giao Chính phủ quy định chi tiết về thủ tục xử phạt vi phạm hành chính và thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính tại các Điều 64, 75, 78, 81 và 83. Luật quản lý thuế năm 2019 cũng chỉ giao Chính phủ quy định về miễn tiền phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế (Điều 140).  Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu cân nhắc không quy định các Điều 33, 35, 36, 37, 39, 41, 42, 43, 44, 46, 48 dự thảo Nghị định, để bảo đảm phù hợp với quy định của Luật XLVPHC và khoản 2 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, vì các Điều nêu trên của dự thảo Nghị định đang quy định lại các nội dung đã được quy định trong Luật XLVPHC.  *Thứ hai,* điểm đ khoản 2 Điều 34 dự thảo Nghị định quy định: “*Trường hợp người nộp thuế chậm nộp hồ sơ đăng ký thuế, chậm thay đổi thông tin trên đăng ký thuế, chậm nộp hồ sơ khai thuế, quyết toán thuế bằng phương thức điện tử thì thông báo tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế, hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế, hồ sơ khai thuế, quyết toán thuế bằng phương thức điện tử xác định rõ thời gian chậm nộp và hành vi vi phạm hành chính của người nộp thuế thì thông báo này là biên bản vi phạm hành chính điện tử làm căn cứ ban hành quyết định xử phạt*”.  Theo quy định tại Điều 58 Luật XLVPHC hiện hành thì việc lập biên bản vi phạm hành chính là căn cứ để ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính (trừ trường hợp vụ việc đơn giản, không phải lập biên bản vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật XLVPHC và trường hợp vụ việc do cơ quan tố tụng hình sự chuyển hồ sơ để xử phạt theo quy định tại khoản 2 Điều 63 Luật XLVPHC). Quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 34 dự thảo Nghị định nêu trên là trái với quy định của Luật XLVPHC. Do vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bỏ quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 34 dự thảo Nghị định để phù hợp với quy định của Luật XLVPHC.  *Thứ ba,* đối với Điều 45 dự thảo Nghị định, hiện nay, Điều 10 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 16 Điều 1 của Nghị định số 97/2017/NĐ-CP) đã quy định cụ thể hình thức, thủ tục thu, nộp tiền phạt vi phạm hành chính. Do đó, để bảo đảm phù hợp với nguyên tắc nêu tại khoản 2 Điều 8 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, cân nhắc không quy định Điều 45 dự thảo Nghị định.  Về miễn tiền phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bỏ quy định: *“trường hợp bất khả kháng khác theo quy định của Chính phủ”* tại khoản 1 Điều 47 dự thảo Nghị định vì quy định này không phù hợp, mở rộng phạm vi áp dụng so với quy định tại khoản 1 Điều 76 Luật XLVPHC về các trường hợp được hoãn, miễn tiền phạt vi phạm hành chính.  **2.2. Về một số nội dung cụ thể của dự thảo Nghị định**  ***2.2.1. Về Điều 1 dự thảo Nghị định***  Theo quy định tại Điều 4 Luật XLVPHC thì: “*Căn cứ quy định của Luật này, Chính phủ quy định hành vi vi phạm hành chính; hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính; thẩm quyền xử phạt, mức phạt tiền cụ thể theo từng chức danh và thẩm quyền lập biên bản đối với vi phạm hành chính trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước…”.*  Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, chỉnh lý quy định tại khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định theo hướng: (i) bỏ cụm từ “*trình tự, thủ tục xử phạt và thi hành quyết định xử phạt”*, (ii) chỉnh sửa cụm từ *“mức phạt tiền”* thành *“mức xử phạt”*; (iii) bổ sung cụm từ *“thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính”* vào sau cụm từ *“thẩm quyền xử phạt”* để bảo đảm phù hợp với quy định của Luật XLVPHC nêu trên.  ***2.2.2. Về Điều 3 dự thảo Nghị định***  *Thứ nhất,* đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, cân nhắc không quy định các khoản 1, 2, 3, 4 và 9 Điều 3 dự thảo Nghị định vì các nguyên tắc này đã được quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật XLVPHC. Tương tự, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu không quy định điểm b khoản 5 Điều 3 dự thảo Nghị định vì nội dung này đã được quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật XLVPHC để bảo đảm phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 như đã nêu trên về việc “*không quy định lại các nội dung đã được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật khác*”.  *Thứ hai,* điểm a khoản 5 Điều 3 dự thảo Nghị định quy định: “*Trường hợp hành vi vi phạm vẫn tiếp tục thực hiện mặc dù đã bị người có thẩm quyền đang thi hành công vụ buộc chấm dứt hành vi vi phạm thì áp dụng hình thức xử phạt với tình tiết tăng nặng theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định này”.*  Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 2 Điều 4 dự thảo Nghị định thì: “*Vi phạm hành chính với số thuế từ 100.000.000 đồng trở lên hoặc giá trị hàng hóa, dịch vụ từ 500.000.000 đồng trở lên được xác định là vi phạm hành chính về thuế có quy mô lớn. Vi phạm hành chính từ 10 số hóa đơn trở lên được xác định là vi phạm hành chính về hóa đơn có quy mô lớn”.*  Bộ Tư pháp cho rằng, quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 dự thảo Nghị định nêu trên là chưa hợp lý, bởi vì không phải tất cả mọi trường hợp cá nhân, tổ chức vẫn tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm về thuế, hóa đơn mặc dù người có thẩm quyền đã yêu cầu chấm dứt hành vi vi phạm đó đều vi phạm hành chính với quy mô lớn. Mặt khác, *“tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm hành chính mặc dù người có thẩm quyền đã yêu cầu chấm dứt hành vi đó”* là một trong những tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 10 Luật XLVPHC. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, chỉnh sửa quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 dự thảo Nghị định cho phù hợp.  ***2.2.3. Về Điều 5 dự thảo Nghị định***  - Điểm b khoản 1 Điều 5 dự thảo Nghị định quy định: *“Phạt 20% số tiền thuế thiếu, số tiền thuế được hoàn đối với hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn”.* Trong khi đó, điểm c khoản 2 Điều 138 Luật Quản lý thuế năm 2019 lại quy định: *“Phạt 20% tính trên số tiền thuế khai thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc số tiền thuế khai tăng trong trường hợp được miễn, giảm, hoàn, không thu thuế đối với hành vi quy định tại khoản 1 và các điểm b, c khoản 2 Điều 142 của Luật này”.* Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, cân nhắc chỉnh lý điểm b khoản 1 Điều 5 dự thảo Nghị định cho phù hợp với quy định nêu trên của Luật Quản lý thuế năm 2019.  - Điểm a và điểm b khoản 2 Điều 5 dự thảo Nghị định quy định hình thức xử phạt bổ sung “*đình chỉ quyền tự in hóa đơn, quyền khởi tạo hóa đơn điện tử từ 01 tháng đến 03 tháng” và “đình chỉ tự in, đặt in hóa đơn từ 01 tháng đến 03 tháng”.* Tuy nhiên, điểm c khoản 1 Điều 21 và khoản 2 Điều 25 Luật XLVPHC chỉ quy định hình thức xử phạt *“đình chỉ hoạt động có thời hạn”*. Theo đó, đình chỉ hoạt động có thời hạn là hình thức xử phạt được áp dụng đối với cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính trong các trường hợp sau:  (i) Đình chỉ một phần hoạt động gây hậu quả nghiêm trọng hoặc có khả năng thực tế gây hậu quả nghiêm trọng đối với tính mạng, sức khỏe con người, môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ mà theo quy định của pháp luật phải có giấy phép;  (ii) Đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc hoạt động khác mà theo quy định của pháp luật không phải có giấy phép và hoạt động đó gây hậu quả nghiêm trọng hoặc có khả năng thực tế gây hậu quả nghiêm trọng đối với tính mạng, sức khỏe con người, môi trường và trật tự, an toàn xã hội.  Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, cân nhắc quy định hình thức xử phạt bổ sung bảo đảm phù hợp với quy định nêu trên của Luật XLVPHC.  ***2.2.4. Về Điều 6 dự thảo Nghị định***  Điểm d khoản 1 Điều 6 dự thảo Nghị định quy định: *“Đối với tổ chức, cá nhân đã bị khởi tố, truy tố hoặc đã có quyết định đưa ra xét xử theo thủ tục tố tụng hình sự, sau đó có quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án nhưng hành vi vi phạm có dấu hiệu vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn thì trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày ra quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án, cơ quan đã ra quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án phải gửi quyết định và hồ sơ vụ việc cho cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn*. *Thời hiệu xử phạt vi phạm áp dụng theo quy định tại điểm a, b, c khoản này. Thời gian cơ quan tiến hành tố tụng thụ lý, xem xét được tính vào thời hiệu*”.  Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 1 Điều 63 Luật XLVPHC thì: *“Đối với vụ việc do cơ quan tiến hành tố tụng hình sự thụ lý, giải quyết, nhưng sau đó lại có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra hoặc quyết định đình chỉ vụ án, nếu hành vi có dấu hiệu vi phạm hành chính, thì trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày ra quyết định, cơ quan tiến hành tố tụng hình sự phải chuyển các quyết định nêu trên kèm theo hồ sơ, tang vật, phương tiện của vụ vi phạm và đề nghị xử phạt vi phạm hành chính đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính”.*  Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, chỉnh lý quy định tại điểm d khoản 1 Điều 6 dự thảo Nghị định cho phù hợp, thống nhất với quy định tại khoản 1 Điều 63 Luật XLVPHC.  Bên cạnh đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, cân nhắc không quy định khoản 3 Điều 6 dự thảo Nghị định vì không thuộc phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định này.  ***2.2.5.******Về Điều 11 dự thảo Nghị định***  *Thứ nhất,* các khoản 1, 2 và 3 Điều 11 dự thảo Nghị định quy định:  *“1. Phạt cảnh cáo đối với hành vi nộp hồ sơ khai thuế quá thời hạn từ 01 ngày đến 05 ngày và có tình tiết giảm nhẹ.*  *2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi nộp hồ sơ khai thuế quá thời hạn từ 01 ngày đến 30 ngày, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.*  *3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với hành vi nộp hồ sơ khai thuế quá thời hạn quy định từ trên 30 ngày đến 60 ngày”.*  Tuy nhiên, không quy định rõ thời điểm là căn cứ xác định thời gian quá hạn (kể từ thời điểm nào, ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai thuế hay ngày gia hạn cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai thuế). Do đó, để bảo đảm tính rõ ràng, cụ thể của quy định đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu chỉnh lý quy định tại các khoản nêu trên của Điều 11 dự thảo Nghị định theo hướng bổ sung thời điểm là căn cứ để xác định thời gian quá hạn.  *Thứ hai,* đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, làm rõ căn cứ của việc quy định nêu tại khoản 5 Điều 11 dự thảo Nghị định “*Riêng trường hợp nếu số tiền bị xử phạt áp dụng theo khoản này lớn hơn số thuế phát sinh trên hồ sơ khai thuế thì mức phạt tiền tối đa đối với trường hợp này bằng số tiền thuế phát sinh phải nộp trên hồ sơ khai thuế”.*  Bên cạnh đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, cân nhắc không quy định khoản 6, khoản 7 Điều 11 dự thảo Nghị định vì không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này (khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định).  ***2.2.6. Về Điều 13 dự thảo Nghị định***  - Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, làm rõ quy định “*mà không có lý do chính đáng”* nêu tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 13 dự thảo Nghị định là những lý do gì, để bảo đảm tính rõ ràng, minh bạch của quy định.  - Bộ Tư pháp thấy rằng, hành vi *“từ chối, trì hoãn việc cung cấp hồ sơ, tài liệu, hoá đơn, chứng từ, sổ kế toán liên quan đến nghĩa vụ thuế…”* quy định tại điểm c khoản 1 Điều 13 dự thảo Nghị định (bị phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng) có thể trùng lặp với hành vi *“không cung cấp số liệu, tài liệu, sổ kế toán liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế…”* quy định tại điểm a khoản 2 Điều 13 dự thảo Nghị định (bị phạt tiền từ 5.000.000 đến 10.000.000 đồng). Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, cân nhắc chỉnh sửa cho phù hợp bảo đảm quy định mức phạt tiền tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi vi phạm hành chính, đồng thời, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của dự thảo Nghị định.  ***2.2.7. Về Điều 14 dự thảo Nghị định***  - Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, cân nhắc chỉnh sửa tiêu đề của khoản 1 Điều 14 dự thảo Nghị định thành: *“Phạt 20% tính trên số tiền thuế khai thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc số tiền thuế khai tăng trong trường hợp được miễn, giảm, hoàn”* để bảo đảm tính đầy đủ, chính xác và phù hợp với quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 Luật Quản lý thuế năm 2019.  - Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, làm rõ căn cứ pháp lý để quy định xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 14 dự thảo Nghị định, bảo đảm phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP.  - Khoản 2 Điều 14 dự thảo Nghị định quy định: *“Các trường hợp vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này ngoài việc bị xử phạt theo quy định tại khoản 1 Điều này còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là nộp đủ số tiền thuế thiếu, số tiền thuế được hoàn, miễn giảm sai vào ngân sách nhà nước. Đồng thời, bị tính tiền chậm nộp theo quy định tại Điều 59 Luật Quản lý thuế”.*  Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 3 Điều 138 Luật Quản lý thuế năm 2019 thì: *“Các biện pháp khắc phục hậu quả trong xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế bao gồm: a) Buộc nộp đủ số tiền thuế trốn, thiếu; b) Buộc nộp đủ số tiền đã miễn, giảm, hoàn, không thu thuế không đúng”.*  Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, chỉnh sửa quy định tại khoản 2 Điều 14 dự thảo Nghị định thành: *“2. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc nộp đủ số tiền thuế thiếu; số tiền thuế đã miễn, giảm, hoàn không đúng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này”.*  ***2.2.8. Về Điều 15 dự thảo Nghị định***  - Qua rà soát, Bộ Tư pháp thấy rằng, Điều 143 Luật Quản lý thuế năm 2019 về hành vi trốn thuế không quy định hành vi “*không khai, khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn, được miễn, giảm thuế”.* Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, làm rõ căn cứ quy định xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều 15 dự thảo Nghị định để bảo đảm phù hợp với Luật Quản lý thuế năm 2019 và quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP.  - Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, cân nhắc chỉnh sửa khoản 6 Điều 15 dự thảo Nghị định thành: *“6. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc nộp đủ số tiền thuế trốn đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều này”.*  Đồng thời, đề nghị nghiên cứu, cân nhắc đưa nội dung: “*Số tiền thuế trốn là số tiền thuế phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật mà người nộp thuế bị cơ quan có thẩm quyền phát hiện và xác định trong biên bản vi phạm hành chính, biên bản kiểm tra, thanh tra”* lên Điều 2 dự thảo Nghị định quy định về giải thích từ ngữ để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của văn bản.  ***2.2.9. Về Điều 16 dự thảo Nghị định***  Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, cân nhắc bổ sung từ *“quản lý”* vào sau từ *“cơ quan”* nêu tại khoản 1 Điều 16 dự thảo Nghị định để bảo đảm phù hợp, thống nhất với quy định tại khoản 1 Điều 144 Luật Quản lý thuế.  Bên cạnh đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu không quy định khoản 2 Điều 16 dự thảo Nghị định vì không phù hợp với phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.  ***2.2.10. Về Điều 19 dự thảo Nghị định***  - Khoản 4 Điều 18 dự thảo Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi *“tự in hóa đơn giả” và “khởi tạo hóa đơn điện tử giả”,* Bộ Tư pháp thấy rằng, hành vi này có sự trùng lặp với hành vi phạm tội “in trái phép hóa đơn” quy định tại Điều 203 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và hành vi phạm tội: *“làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”* quy định tại Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).  Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát kỹ hành vi nêu trên và các hành vi khác quy định tại dự thảo Nghị định, chỉnh sửa theo hướng làm rõ các dấu hiệu cấu thành hành vi vi phạm hành chính để xác định rõ ranh giới giữa hành vi vi phạm hành chính và hành vi phạm tội nhằm bảo đảm phù hợp với quy định của Bộ luật hình sự hiện hành cũng như bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, tạo thuận lợi cho cơ quan, người có thẩm quyền có cơ sở để xử phạt.  - Khoản 6 Điều 18 dự thảo Nghị định quy định:  *“**6. Biện pháp khắc phục hậu quả:*  *a) Buộc hủy các hóa đơn được in hoặc khởi tạo không đúng quy định đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 và khoản 4 Điều này.*  *b) Buộc phải khởi tạo, đăng ký hóa đơn điện tử đúng quy định đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 2, điểm b, c khoản 3 Điều này.*  *c) Buộc bổ sung thông tin trên đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử đối với hành vi quy định tại điểm c khoản 1, điểm b khoản 2, điểm d khoản 3 Điều này.*  *d) Buộc kết chuyển dữ liệu điện tử từ máy tính tiền với cơ quan thuế đối với hành vi quy định tại điểm đ khoản 3 Điều này.”*  Tuy nhiên, qua rà soát, Bộ Tư pháp thấy rằng, khoản 1 Điều 18 dự thảo Nghị định không có điểm c; khoản 2 Điều 18 dự thảo Nghị định không có điểm a, điểm b; khoản 3 Điều 18 dự thảo Nghị định không có điểm đ. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, rà soát, chỉnh lý quy định tại khoản 6 Điều 18 dự thảo Nghị định để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và chính xác.  Bên cạnh đó, biện pháp khắc phục hậu quả: “*Buộc bổ sung thông tin trên đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử*” quy định tại điểm c khoản 6 Điều 18 dự thảo Nghị định không phù hợp với hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 3 Điều 18 dự thảo Nghị định “*Sử dụng hóa đơn điện tử được khởi tạo từ máy tính tiền không có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế”.* Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, chỉnh sửa điểm c khoản 6 Điều 18 dự thảo Nghị định, bảo đảm phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 97/2017/NĐ-CP).  ***2.2.11. Về Điều 20 dự thảo Nghị định***  - Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, làm rõ lý do, căn cứ quy định nội dung: “*Trường hợp tổ chức nhận đặt in hóa đơn chuyển nhượng khâu in ra phim (chế bản) cho cơ sở in khác thì bị xử phạt ở mức tối thiểu của khung phạt tiền quy định tại Khoản này”* tại khoản 5 Điều 20 dự thảo Nghị định.  - Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung từ *“hoạt động”* vào trước cụm từ *“in hóa đơn”* tại khoản 8 Điều 20 dự thảo Nghị định để bảo đảm phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 21 Luật XLVPHC.  ***2.2.12. Về Điều 23 dự thảo Nghị định***  Qua rà soát, Bộ Tư pháp thấy rằng, khoản 3 Điều 23 dự thảo Nghị định không có điểm e, điểm k và điểm l. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, rà soát, chỉnh lý quy định tại khoản 6 Điều 23 dự thảo Nghị định để bảo đảm tính chính xác.  ***2.2.13. Về Điều 35 dự thảo Nghị định***  Khoản 1 Điều 61 Luật XLVPHC quy định: *“Đối với hành vi vi phạm hành chính mà pháp luật quy định áp dụng hình thức xử phạt tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc áp dụng mức phạt tiền tối đa của khung tiền phạt đối với hành vi đó từ 15.000.000 đồng trở lên đối với cá nhân, từ 30.000.000 đồng trở lên đối với tổ chức thì cá nhân, tổ chức vi phạm có quyền giải trình trực tiếp hoặc bằng văn bản với người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính*”.  Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo không quy định khoản 1 Điều 35 dự thảo Nghị định vì không phù hợp với quy định nêu trên tại Điều 61 Luật XLVPHC. Mặt khác, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo không quy định các khoản 2, 3 và 4 Điều 35 dự thảo Nghị định để bảo đảm thực hiện đúng quy định tại khoản 2 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, vì Điều 61 Luật XLVPHC đã quy định cụ thể thủ tục giải trình đối với cá nhân, tổ chức vi phạm được quyền giải trình, đồng thời, không giao Chính phủ quy định chi tiết Điều này.  ***2.2.14. Về Điều 49 dự thảo Nghị định***  Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, cân nhắc chỉnh lý quy định tại điểm c khoản 2 Điều 49 dự thảo Nghị định thành: *“Điều 3 Nghị định số 49/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn”* để bảo đảm tính chính xác và đầy đủ của quy định. Đồng thời, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, làm rõ quy định tại khoản 3 Điều 49 dự thảo Nghị định*: “Áp dụng các quy định về xử phạt, hoãn, miễn, giảm tiền phạt và các quy định khác về xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn có lợi đối với trường hợp vi phạm hành chính về thuế xảy ra trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà sau đó mới bị phát hiện hoặc đang xem xét, giải quyết”,* các quy định khác bao gồm những quy định nào, như thế nào là “có lợi”, áp dụng đối với trường hợp, đối tượng nào, riêng đối với vi phạm hành chính về thuế hay bao gồm cả vi phạm hành chính về hóa đơn, để bảo đảm tính rõ ràng, minh bạch của quy định.  **3. Về mẫu biên bản và quyết định sử dụng trong xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn**  - Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, cân nhắc bổ sung vào sau quy định tại Điều 50 dự thảo Nghị định:*“Tùy theo từng trường hợp cụ thể mà có thể bổ sung thêm dòng, chỉ tiêu đảm bảo phản ánh đủ các nội dung hành vi vi phạm trong quá trình lập biên bản và ra quyết định xử phạt”* nội dung: “*nhưng phải bảo đảm phù hợp với quy định của Luật XLVPHC”*, để bảo đảm tính chặt chẽ, đầy đủ của quy định.  - Về các mẫu biên bản, mẫu quyết định sử dụng trong xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn (Phụ lục ban hành kèm theo dự thảo Nghị định), đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, tham khảo các mẫu biên bản, quyết định được ban hành kèm theo Nghị định số 97/2017/NĐ-CP (ví dụ: Mẫu biên bản MBB01, MBB02, MBB03; mẫu quyết định MQĐ01, MQĐ02, MQĐ03, MQĐ 04, MQĐ05, MQĐ13, MQĐ26, MQĐ27, MQĐ29, MQĐ36) để quy định đầy đủ nội dung các biên bản và quyết định sử dụng trong xử phạt vi phạm hành chính bảo đảm phù hợp với Luật XLVPHC.  - Tại mẫu biên bản số 06/BB - Biên bản kiểm tra (hoặc thanh tra) thuế và biên bản vi phạm hành chính, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu bổ sung nội dung cụ thể phải có trong biên bản vi phạm hành chính được quy định tại khoản 2 Điều 58 Luật XLVPHC thành một mục riêng trong mẫu biên bản này để bảo đảm tính đầy đủ của biên bản làm căn cứ ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.  - Về các mẫu quyết định số 01/QĐ, 02/QĐ, 03/QĐ, 05/QĐ, 06/QĐ, 07/QĐ, 08/QĐ, 09/QĐ, 10/QĐ và 11/QĐ: Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu bổ sung vào phần căn cứ ban hành quyết định “tên, chức vụ” của người có thẩm quyền ban hành quyết định, đồng thời, nghiên cứu sửa nội dung:*“Nghị định số …/****2019****/NĐ-CP ngày… tháng … năm* ***2019*** *của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và hóa đơn”* thành *“Nghị định số …/****2020****/NĐ-CP ngày… tháng … năm* ***2020*** *của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và hóa đơn”.*  Tại footnote hướng dẫn về việc ký các quyết định nêu trên quy định: *“Trong trường hợp có quyết định giao quyền xử phạt vi phạm hành chính thì thực hiện thể thức ký thay theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ về thể thức kỹ thuật trình bày văn bản hành chính”.* Tuy nhiên, ngày 05/3/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 30/2020/NĐ-CP về công tác văn thư thay thế Nghị định số 110/2004/NĐ-CP ngày 08/4/2004 của Chính phủ về công tác văn thư và Nghị định số 09/2010/NĐ-CP ngày 08/02/2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 110/2004/NĐ-CP, trong đó ban hành kèm theo các phụ lục hướng dẫn thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản hành chính. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, chỉnh lý quy định này cho phù hợp.  - Đối với mẫu quyết định số 04/QĐ (Quyết định thi hành một phần Quyết định xử phạt vi phạm hành chính): Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu không quy định mẫu quyết định này, vì Luật XLVPHC không quy định về việc thi hành một phần quyết định xử phạt vi phạm hành chính và đình chỉ thi hành hình thức phạt tiền, Luật XLVPHC hiện hành chỉ có quy định về tạm đình chỉ thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong trường hợp phải chuyển hồ sơ vụ vi phạm cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự tại Điều 62.  **4. Về thể thức, kỹ thuật soạn thảo văn bản**  Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát kỹ, chỉnh sửa các lỗi chính tả, lỗi kỹ thuật trong dự thảo Tờ trình Chính phủ, dự thảo Nghị định để bảo đảm chất lượng của hồ sơ dự thảo văn bản trước khi gửi Bộ Tư pháp thẩm định và trình Chính phủ. Ví dụ: Khoản 1 Điều 16 dự thảo Nghị định có 02 từ *“cầu”*, điểm h khoản 4 Điều 23 dự thảo Nghị định có 02 từ *“đơn”*. |  |
| 2 | Bộ KH&ĐT | \*Về dự thảo tờ trình  1. Tại Mục IV khoản 2 điểm 2.2, tiết a (trang 6, 7) dự thảo tờ trình Bộ Tài chính đề nghị nâng mức phạt tiền cao nhất lên 5 lần đối với hành vi vi phạm thủ tục thuế so với quy định hiện hành, đồng thời dẫn chiếu số liệu vụ việc thống kê tăng 5,6 lần so với năm 2014. Tuy nhiên, đề có căn cứ thuyết phục hơn khi trình Chính phủ về việc tăng mức phạt, đề nghị quý Bộ nghiên cứu bổ sung so sánh tốc độ tăng số vụ việc vi phạm với tộ độ tăng về số lượng doanh nghiệp giai đoạn 2014-2018 nhằm làm rõ sự thay đổi về tỷ trọng số doanh nghiệp vi phạm so với số doanh nghiệp tại từng thời điểm. Bên cạnh đó, ngoài nguyên nhân do mức phạt còn thấp, chưa đủ nghiêm khắc…, đề nghị quý Vụ làm rõ, đánh giá thêm các nguyên nhân khác để từ đó đề xuất giải pháp khắc phục một cách đồng bộ, hợp lý, không chỉ có giải pháp tăng mức phạt như dự thảo.  2.Đề nghị quý Bộ rà soát lại nội dung quy định tại các Mục IV, khoản 2, điểm 2.2. tiết c (trang 9 khổ thứ 3) “phạt 2 lần tính trên số thuế trốn đối với hành vi trốn thuế mà có 01 tình tiết giảm nhẹ” để đảm bảo không mâu thuẫn với quy định “phạt 1 lần tính trên số thuế trốn đối với hành vi trốn thuế có từ 1 tình tiết giảm nhẹ trở lên” tại trang 9, khổ thứ nhất.  \*Về dự thảo NĐ  1.Tiết b4 Khoản 1 Điều 5: đề nghị quý Bộ nghiên cứu, quy định rõ các trường hợp thuộc đối tượng bị phạt 01 lần, 02 lần hoặc 03 lần số tiền thuế trốn để đảm bảo tính rõ ràng, minh bạch trong quá trình triển khai thực hiện.  2. Tại Điều 8 (trang 9-10): theo quy định tại khoản 1 Điều 200 Luật doanh nghiệp “doanh nghiệp có quyền tạm ngừng kinh doanh nhưng phải thông báo bằng văn bản về điểm và thời hạn tạm ngừng hoặc tiếp tục kinh doanh cho cơ quan đăng ký kinh doanh chậm nhất 15 ngày trước ngày tạm ngừng hoặc tiếp tục kinh doanh. Quy định này áp dụng trong trường hợp doanh nghiệp tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo.”.  Do đó, để đảm bảo thống nhất với quy định nêu trên và xác định cụ thể thời điểm xử phạt vi phạm về thời hạn đăng ký tiếp tục kinh doanh, đề nghị quý Bộ cân nhắc sử dụng thống nhất cụm từ “tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo” thay cho thuật ngữ “tiếp tục hoạt động, kinh doanh trước thời hạn” được quy định tại Điều 8 dự thảo NĐ này.  3. Khoản 1, 2 Điều 10 (trang 11) đề nghị quý Bộ nghiên cứu giảm mức phạt tiền hoặc áp dụng hình thức phạt cảnh cáo đối với hành vi ghi thiếu, ghi sai các chỉ tiêu trong hồ sơ thuế nhưng không liên quan đến nghĩa vụ thuế, để đảm bảo tính hợp lý, thực tiễn hơn đối với các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ, mới gia nhập thị trường.  4. Tiết b, c Khoản 1 Điều 13 (trang 13) đề nghị quý Vụ làm rõ quy định về “lý do chính đáng”, thẩm quyền chấp nhận “lý do chính đáng” để đảm bảo tính rõ ràng, minh bạch trong quá trình triển khai thực hiện.  5. Điều 23 (trang 21-23)  - Khoản 1 điểm b: đề nghị quý Bộ nghiên cứu, quy định rõ, cụ thể hơn hành vi vi phạm và cân nhắc việc sử dụng ví dụ minh họa tại dự thảo NĐ.  - Khoản 6: đề nghị rà soát lại các khoản, điểm dẫn chiếu theo khoản 3 vì trong dự thảo thì khoản 3 không có các điểm chi tiết (a, h, I, l…) đề nghị quý Bộ rà soát tương tự đối với toàn bộ dự thảo NĐ.  6. Điều 25 (trang 24): đề nghị quý Bộ nghiên cứu, bổ sung thêm các quy định về hình thức xử lý trong trường hợp tổ chức, cá nhân làm mất cháy hỏng hóa đơn do nguyên nhân khách quan như thiên tai, hỏa hoạn… để phù hợp với bản chất sự việc và thực tiễn phát sinh.  7. Tại Khoản 1, 2 Điều 29 (trang 26) đề nghị quý Bộ nghiên cứu bổ sung các quy định loại trừ đối với trường hợp chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử chậm do nguyên nhân khác quan như lỗi hệ thống thông tin.  8. Điều 31 (trang 28): đề nghị quý Bộ rà soát quy định mức xử phạt theo thẩm quyền để phù hợp với điều 44 Luật xử lý vi phạm hành chính.  9. Điểm c Khoản 2 Điều 44 (trang 39): đề nghị quý Bộ nghiên cứu, quy định theo hướng đối với doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo quy định của Luật doanh nghiệp, căn cứ xác định doanh nghiệp đã bị giải thể là tình trạng pháp lý của doanh nghiệp lưu giữ tại cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Lý do:  + Về trình tự, thủ tục giải thể doanh nghiệp quy định tại Điều 202, 203 Luật DN cà Điều 59 NĐ 78/2015/NĐ-CP quy định cơ quan đăng ký kinh doanh cập nhật tình trạng pháp lý doanh nghiệp đã giải thể của doanh nghiệp trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp;  + Khoản 4 Điều 3 NĐ 78/2015/NĐ-CP quy định cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp là tập hợp dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp trên phạm vi toàn quốc. Thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và tình trạng pháp lý của doanh nghiệp lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp có giá trị pháp lý là thong tin gốc về doanh nghiệp.  10. Điểm c Khoản 1 Điều 45 (trang 40): đề nghị nghiên cứu, bổ sung quy định “ghi biên lai thu tiền đưa cho người bị xử phạt” sau cụm từ “…có trách nhiệm xử phạt tại chỗ” để đảm bảo người bị phạt có căn cứ chứng minh đã thực hiện nộp tiền phạt.  11. Điểm b Khoản 2 Điều 49 (trang 43): theo quy định tại Khoản 1 Điều 12 Luật ban hành VBQPPLquy định văn bản QPPL chỉ được sửa đổi bổ sung thay thế hoặc bãi bỏ bằng VBQPPL của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó… Do đó, đề đảm bảo tuân thủ quy định nêu trên, tại Điều 49 Khoản 2 điểm b đề nghị xác định cụ thể các điều khoản điểm được quy định tại NĐ 109 thay thế cho quy định “các nội dung khác về hóa đơn quy định tại Nghị định số 109/2013/NĐ-CP” dự Dự thảo. |  |
| 3 | Bộ Quốc phòng | 1. Điều 4 cân nhắc không quy định “vi phạm hành chính lần đầu” là tình tiết giảm nhẹ để đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật XLVPHC và thống nhất với quy định cụ thể trong dự thảo NĐ (VD điểm b Khoản 2 Điều 4 quy định vi phạm hành chính lần đầu đối với số thuế từ 100 triệu đồng trở lên hoặc giá trị hàng hóa từ 500 triệu đồng trở lên.   2.Tiết b điểm b Khoản 1 Điều 5 đề nghị quy định rõ cụ thể số tiền thuế trốn để áp dụng mức phạt tiền từ 1 đến 3 lần.  3. Chỉnh lý khoản 2 Điều 14 thành biện pháp khắc phục hậu quả.  4.Tại Điều 19, đề nghị bổ sung khoản 4 quy định xử phạt đối với hành vi chuyển nhượng toàn bộ hoặc một khâu bất kỳ trong hợp đồng in hóa đơn cho cơ sở in khác.  5. Đề nghị bổ sung vào chương III dự thảo NĐ quy định xử phạt đối với hành vi “quay vòng” hóa đưn để vận chuyển hàng hóa trong khâu lưu thông và hành vi dùng hóa đơn của hàng hóa này chứng minh cho hành dịch vụ khác để đảm bảo thống nhất với khoản 5 Điều 2 dự thảo NĐ và đáp ứng yêu cầu thực tiễn đấu tranh phòng, chống vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa đơn.  6.Đề nghị bổ sung thẩm quyền của Bộ đội biên phòng, cảnh sát biển theo Luật xử lý VPHC đối với các hành vi quy định tại Điều 18, Khoản 5 Điều 19 và Điều 23, 24, 25, 26, 27 vì quá trình thực thi quản lý địa bàn các lực lượng này thường xuyên phát hiện các hành vi trên.  7.Điều 32, đề nghị quy định cụ thể chức danh có thẩm quyền xử phạt đối với từng điều khoản quy định tại NĐ này (tương tự cách thức quy định tại Điều 31 dự thảo NĐ).  8. Đề nghị chỉnh sửa về thể thực, kỹ thuật trình bày văn bản đảm bảo đúng quy định của Luật ban hành VBQPPL và NĐ 34/2016/NĐ-CP. |  |
| 4 | Bộ Xây dựng | Đã có VB gửi không có ý kiến |  |
| 5 | Bộ TN&MT | 1. Khoản 1 Điều 2 dự thảo Nghị định: đề nghị Bộ Tài chính xem xét, bổ sung nội dung “tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước” vào danh mục liệt kê các khoản thu khác thuộc NSNN do cơ quan thuế quản lý thu. 2. Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, hiệu chỉnh hình thức văn bản theo đúng quy định của Luật ban hành văn bản QPPL (Khoản 7 Khoản 8 Điều 3 đề nghị tách thành từng khổ văn bản riêng biệt...). |  |
| 6 | Bộ VHTT&DL | 1. Điểm b Khoản 2 Điều 4: đề nghị chuyển toàn bộ nội dung tại điểm này lên phần giải thích từ ngữ. Lý do: Luật xử lý vi phạm hành chính không giao Chính phủ quy định chi tiết về tình tiết tăng nặng. 2. Điểm g Khoản 1 Điều 15 đề nghị bỏ cụm từ “người nộp thuế” để đảm bảo sự thống nhất về cách hành văn với các điểm còn lại thuộc khoản 1 Điều 15. 3. Điều 31 dự thảo đề nghị quy định các mức phạt tối đa của từng cấp có thẩm quyền thuộc cơ quan thuế đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 44 Luật XLVPHC. |  |
| 7 | UB Dân tộc | Nhất trí |  |
| 8 | Bảo hiểm XH VN | Nhất trí |  |
| 9 | Kiểm toán Nhà nước | I. Về dự thảo Nghị định  1. Khoản 1 Điều 2: Vi phạm hành chính về thuế là hành vi có lỗi của người nộp thuế, tổ chức, cá nhân có liên quan vi phạm quy định của pháp luật về quản lý thuế, pháp luật về thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan thuế quản lý thu khác (tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước; tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; tiền cấp quyền khai thác tài nguyên, sử dụng khu vực biển; lợi nhuận còn lại, cổ tức được chia cho phần vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp) mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.  Đề nghị (i) bỏ từ "có lỗi: để tránh trùng lặp về ý với từ "vi phạm" nêu bên dưới; (ii) chỉnh sửa cụm từ "do cơ quan thế quản lý thu khác" sau cụm từ "do cơ quan thuế quản lý thu" thành "do cơ quan thuế hoặc cơ quan khác quản lý thu"; (iii) bổ sung "thu tiền sử dụng đất trồng lúa" vào trong ngoặc đơn.  2. Khoản 2 Điều 2 đề nghị bỏ từ "có lỗi" để tránh trùng lặp ý với từ "vi phạm" nêu bên dưới.  3. Điểm e Khoản 4 Điều 2: các trường hợp được coi là sử dụng hóa đơn, chứng từ không hợp pháp: e) Hóa đơn, chứng từ của tổ chức, cá nhân khác (trừ hóa đơn do cơ quan thuế phát hành) để lập khi bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ. Đề nghị xem xét lại đối với trường hợp hóa đơn do người NNT tự in và đăng ký phát hành với cơ quan thuế.  4. Khoản 8 Điều 3: bổ sung từ "Trường hợp" vào đầu câu cho phù hợp với các Khoản khác.  5. Điểm b Khoản 2 Điều 4: Vi phạm hành chính với số thuế từ 100.000.000 đồng trở lên hoặc giá trị hàng hóa, dịch vụ từ 500.000.000 đồng trở lên được xác định là vi phạm hành chính về thuế có quy mô lớn. Vi phạm hành chính từ 10 số hóa đơn trở lên được xác định là vi phạm hành chính về hóa đơn có quy mô lớn. Đề nghịbiên tập làm rõ với số thuế vi phạm này có phải là tình tiết tăng nặng hay không.  6. Điểm a Khoản 1 Điều 5: đề nghị làm rõ thế nào là hành vi không nghiêm trọng để thuận lợi trong việc áp dụng.  7. Điểm b4 Khoản 1 Điều 5 đối với hành vi trốn thuế, phạt từ 1 đến 3 lần số tiền thuế trốn. Đề nghị bổ sung khái niệm trốn thuế vào Điều 2 để thuận tiện cho việc áp dụng.  8.Điểm c Khoản 1 Điều 14: phạt 20% ... đối với hành vi khai sai làm giảm số thuế phải nộp...là hành vi trốn thuế. Đề nghị rà soát lại do mẫu thuẫn vởi điểm b4 khoản 1 Điều 5.  9.Điểm b Khoản 1 Điều 18 "b) Khởi tạo hóa đơn điện tử không đủ hoặc không đúng các nội dung trên hóa đơn theo quy định, trừ trường hợp quy định tại điểm a Khoản 2 Điều này;  2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với một trong các hành vi tự in hóa đơn, khởi tạo hóa đơn điện tử không đủ hoặc không đúng nội dung hóa đơn theo quy định.". Đề nghị biên tập rõ sự khác nhau giữa các mức phạt đối với hành vi khởi tạo hóa đơn điện tử không đủ hoặc không đúng nội dung hóa đơn theo quy định, trường hợp nào áp dụng mức phạt cảnh cáo, trường hợp nào áp dụng mức phạt tiền.  10. Điểm b Khoản 2 Điều 26: đề nghị bổ sung trừ "trường hợp quy định tạu Khoản 1 Điều này" để đảm bảo tính loogic.  11. Điều 31: đề nghị rà soát sửa đổi cho phù hợp với quy định tại Luật Xử lý VPHC (các mức phạt đưa ra tại dự thảo NĐ này đều vượt gấp 2 lần so với mức tối đa quy định tại Điều 44 Luật xử lý vi phạm hành chính.  12. Điểm d Khoản 2 Điều 34: ... số lượng biên bản được lập và việc giao biên bản cho người nộp thuế thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản 1 này. Đề nghị rà soát lại do quy định về số lượng biên bản và việc giao biên bản tại Điểm c Khoản 2.  13. Điểm a Khoản 3 Điều 45: tính tiền chậm nộp phạt theo mức 0,05%/ngày. Đề nghị sửa lại cho phù hợp với Điểm a Khoản 2 Điều 59 Luật quản lý thuế.  II.Về trình bày, dẫn chiếu, lỗi soạn thảo.   1. Khoản 7, 8 Điều 3: đề nghị tách riêng thành 2 khổ riêng biệt. 2. Khoản 3 Điều 8: Phạt tiền … đối với hành đăng ký thuế. Đề nghị sửa thành “hành vi đăng ký thuế”. 3. Chỉnh sửa số thứ tự các Khoản trong Điều 6, Điều 8 cho phù hợp. 4. Điểm a, b Khoản 1 Điều 18:… trừ trường hợp quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này. Đề nghị rà soát lại do Khoản 2 Điều 18 không có Điểm a. 5. Điểm a, b, c, d Khoản 6 Điều 18 dẫn chiếu đến các quy định tại Điểm a Khoản 2 Điểm c Khoản 1 Điểm b Khoản 2, Điểm đ Khoản 3 Điều 18: đề nghị rà soát lại điều 18 do không có các điểm khoản được dẫn chiếu. 6. Khoản 5 Điều 23: bổ sung đóng ngoặc đơn trước cụm từ “cho người mua theo quy định”. 7. Khoản 6 Điều 23 dẫn chiếu đến các Điểm a, e, h, I, k, l Khoản 3 và Khoản 4 Điều 23. Đề nghị soát lại do Khoản 3 Điều 23 không có các điểm a, e, h, I, k, l và Khoản 4 Điều 23 không có nội dung tương ứng với Điểm d Khoản 6. 8. Khoản 1 Điều 24: phạt cảnh cáo đối với hành vi… đề nghị sửa thành “Phạt cảnh cáo đối với hành vi” 9. Khoản 4, 5 Điều 28: đề nghị tách thành 2 khổ riêng biệt. 10. Bỏ khoản 3 và Khoản 4 Điều 30. 11. Khoản 2, 3 Điều 39 dẫn chiếu các trường hợp giải trình theo Điều 36. Đề nghị rà soát lại vì các trường hợp giải trình quy định tại Điều 35. 12. Khoản 4 Điều 39 dẫn chiếu Khoản 2 Điều 387. Đề nghị rà soát lại do Khoản 2 Điều 38 không quy định chuyển hồ sơ mà quy định tại Khoản 2 Điều 37. 13. Đề nghị rà soát bỏ những điểm đã được gạch bỏ. Đồng thời sửa lại số thứ tự cho phù hợp. |  |
| 10 | Đài THVN | Nhất trí |  |
| 11 | Cổng thông tin điện tử Chính phủ | Thông báo không có ý kiến tham gia của người dân |  |
| 12 | Viện KSND tối cao | 1.Để đảm bảo phù hợp với khái niệm “Vi phạm hành chính” tại Điều 3 Luật XLVPHC, đề nghị sửa lại khái niệm vi phạm hành chính về thuế và vi phạm hành chính về hóa đơn tại Khoản 1 Khoản 2 Điều 2 như sau:  “1.Vi phạm hành chính về thuế *là hành vi có lỗi ~~của người nộp thuế,~~do ca nhân, tổ chức~~, cá nhân có liên quan~~* ***thực hiện***, vi phạm quy định của *pháp luật về quản lý thuế, pháp luật về thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan thuế quản lý thu khác (tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước; tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; tiền cấp quyền khai thác tài nguyên, sử dụng khu vực biển; lợi nhuận còn lại, cổ tức được chia cho phần vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp) mà* ***không phải là tội phạm và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt vi phạm hành chính*** *~~chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.~~*  *2.Vi phạm hành chính về hóa đơn là hành vi có lỗi của* ***cá nhân,*** *tổ chức~~, cá nhân~~* ***thực hiện****, vi phạm quy định của pháp luật về hóa đơn mà* ***không phải là tội phạm và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt vi phạm hành chính*** *~~chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.~~*  2. Điều 3 đề nghị bổ sung nguyên tắc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính về thuế, hóa đơn để đảm bảo phù hợp với Điều 3 Luật xử lý vi phạm hành chính 2012.  Tại Khoản 1 Điều 3 để nghị bổ sung từ “phải” để đảm bảo tính trách nhiệm, nghiêm minh trong việc phát hiện, ngăn chặn vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn, cụ thể là: “Mọi hành vi vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn **phải** được phát hiện, ngăn chặn kịp thời và phải bị xử lý nghiêm minh...”  3.Đề nghị chuyển nội dung tình tiết tăng nặng tại điểm b khoản 2 Điều 4 về Điều 2 để đảm bảo tính lô gic. Còn tại điểm b khoản 2 Điều 4 chỉ quy định như sau: “Vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn có quy mô lớn quy định tại khoản ... Điều 2 của Nghị định này.”  4. Điều 31 quy định thẩm quyền xử phạt chưa phù hơp với quy định tại Điều 44 Luật xử lý vi phạm hành chính... đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh sửa lại cho phù hợp với Điều 44 Luật xử lý vi phạm hành chính. |  |
| 13 | Bộ Công thương | 1. Phạm vi điều chỉnh   *Khoản 1 Điều 1 quy định: Người nộp thuế nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã theo hình thức liên thông có hành vi vi phạm hành chính về thủ tục đăng ký thuế thì không thực hiện xử phạt vi phạm thủ tục đăng ký thuế theo quy định tại Nghị định này mà thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.* Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo quy định rõ “pháp luật có liên quan” là gồm những văn bản quy phạm pháp luật nào để đảm bảo tính minh bạch, thống nhất trong áp dụng pháp luật.   1. Giải thích từ ngữ   Khoản 3 Điều 2 dự thảo quy định “*Vi phạm hành chính lần đầu là trường hợp tổ chức, cá nhân vi phạm mà trước đó chưa bị xử phạt về hành vi đó hoặc bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đó nhưng được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính”.* Để đảm bảo tính rõ ràng của quy định, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh sửa lại như sau: “*Vi phạm hành chính lần đầu là trường hợp tổ chức, cá nhân vi phạm mà trước đó chưa bị xử phạt về hành vi đó hoặc* ***đã*** *bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đó nhưng được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính* ***theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Luật Xử lý vi phạm hành chính****”*   1. Về nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn   Theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 Luật ban hành VBQPPL năm 2015 *“Văn bản quy phạm pháp luật phải quy định cụ thể nội dung cần điều chỉnh, không quy định chung chung, không quy định lại các nội dung đã được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật khác”*. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bỏ quy định tại Khoản 1, 2, 3, 4 Điều 3 dự thảo Nghị định do các nguyên tắc này đã được quy định tại điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 3 Luật xử lý vi phạm hành chính.   1. Về tình tiết tăng nặng trong lĩnh vực thuế, hóa đơn   Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh sửa nội dung điểm b khoản 2 Điều 4 dự thảo Nghị định như sau: “*Vi phạm hành chính với số thuế từ 100.000.000 đồng trở lên hoặc giá trị hàng hóa, dịch vụ từ 500.000.000 đồng trở lên ~~được xác định là vi phạm hành chính về thuế có quy mô lớn.~~* ***hoặc*** *vi phạm hành chính từ 10 số hóa đơn trở lên được xác định là vi phạm hành chính về hóa đơn có quy mô lớn* ***theo quy định tại điểm l khoản 1 Điều 10 Luật Xử lý vi phạm hành chính****.”*   1. Về hiệu lực thi hành   Khoản 1 Điều 49 dự thảo Nghị định quy định: *“Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020”*. Trong khi đó theo quy định tại Khoản 2 Điều 35 Nghị định số 119/2018/NĐ-CP quy định về hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, dịch vụ thì “*việc tổ chức thực hiện hóa đơn điện tử, hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo quy định của Nghị định này thực hiện xong đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh chậm nhất là ngày 01 tháng 11 năm 2020.* Khoản 3 Điều 26 TT68/2019/TT-BTC quy định “*Từ ngày 01 tháng 11 năm 2020, các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh phải thực hiện đăng ký áp dụng hóa đơn điện tử theo hướng dẫn tại Thông tư này.”.* Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu sửa đổi, quy định về hiệu lực thi hành của dự thảo Nghị định để đảm bảo thống nhất, đồng bộ với các quy định nêu trên khi áp dụng xử phạt vi phạm hành chính đối với hóa đơn điện tử. |  |
| 14 | Bộ Ngoại giao | 1. Về dự thảo tờ trình: tại phần I sự cần thiết ban hành Nghị định: đề nghị nêu cụ thể hơn về những bất cập trong áp dụng nguyên tắc xử phạt và thẩm quyền xử phạt giữa lĩnh vực thuế và hóa đơn, từ đó tạo cơ sở sửa đổi, bổ sung Nghị định.   Dự thảo NĐ có đối tượng điều chỉnh rộng bao gồm cả các doanh nghiệp nước ngoài, do đó đề nghị cân nhắc bổ sung vào hồ sơ dự thảo NĐ báo cáo đánh giá tác động các quy định mới, đồng thời nghiên cứu bổ sung tại dự thảo Tờ trình về thông lệ quốc tế, cũng như đánh giá sự tương thích của dự thảo Nghị định với thông lệ và cam kết quốc tế của Việt Nam.   1. Về dự thảo Nghị định:  * Đề nghị cân nhắc bổ sung vào Điều 3 nguyên tắc xử phạt: trường hợp các điều ước quốc tể mà VN là thành viên có quy định khác thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó. * Tại Khoản 3 Điều 5 đề nghị bổ sung biện pháp khắc phục hậu quả “nộp phần tăng của số tiền được hoàn đối với hành vi khai sai dẫn đến tăng số tiền thuế được hoàn” để tương ứng với hành vi tại điểm b3 Khoản 1 cùng Điều khi khai sai dẫn đến tăng số tiền thuế được hoàn. |  |
| 15 | Bộ Nội vụ | 1. Đề nghị rà soát bỏ các ví dụ trong dự thảo Nghị định vì không phù hợp với Điều 2, Khoản 1 Điều 3, Khoản 1 Điều 8 Luật ban hành văn bản QPPL và Điều 60 NĐ 34/2016/NĐ-CP. 2. Dự thảo Nghị định bố cục theo chương mục điều khoản điểm là phù hợp. Tuy nhiên tại một số điều, khoản, điểm chưa bố cục theo nguyên tắc này, ví dụ: điểm b khoản 1 Điều 5, điểm b khoản 2 Điều 41, điểm a khoản 2 Điều 45… Vì vậy, đề nghị rà soát bố cục. |  |
| 16 | Bộ TTTT | Nhất trí |  |
| 17 | Ngân hàng NN | 1.Về hành vi vi phạm về thuế, hóa đơn: Luật QLT được ban hành vào ngày 13/6/2019, trong đó giao Chính phủ quy định chi tiết một số điều. Tuy nhiên, đến nay Chính phủ chưa ban hành văn bản hướng dẫn thi hành. Do đó, đề nghị cân nhắc việc xây dựng NĐ phù hợp với việc ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành Luật QLT để đảm bảo NĐ quy định đầy đủ chế tài xử phạt đối với các hành vi vi phạm thuế, hóa đơn.  2. Đề nghị xem xét, cân nhắc bỏ quy định tại Khoản 4, Khoản 5 Điều 2 với lý do:  - Căn cứ Điều 4 Luật XLVPHC, dự thảo NĐ chỉ được quy định về hành vi vi phạm hành chính (đã được quy định tại các vBQPPL về quản lý NN của từng ngành, lĩnh vực); hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính; thẩm quyền xử phạt, mức phạt tiền cụ thể theo từng chức danh và thẩm quyền lập biên bản; chế độ áp dụng các biện pháp xử lý hành chính và quy định mẫu biên bản, mẫu quyết định xử phạt.  - Tại thuyết minh có nêu “khi các doanh nghiệp chuyển sang sử dụng hóa đơn điện tử, NĐ 51 bị bãi bỏ sẽ không còn quy định giải thích cụm “sử dụng hóa đơn bất hợp pháp, sử dụng bất hợp pháp hóa đơn… Do đó, tại dự thảo bổ sung cụm từ giải thích từ ngữ. Tuy nhiên, tại Điều 89, Điều 90 Luật QLT giao Chính phủ quy định chi tiết về hóa đơn điện tử, việc lập, quản lý sử dụng hóa đơn điện tử nên quy định về sử dụng hóa đơn không hợp pháp và sử dụng không hợp pháp hóa đơn tại dự thảo NĐ này là chưa phù hợp.  3. Khoản 1 Điều 16:  TT23/2014/TT-NHNN quy định: Chủ tài khoản thanh toán có nghĩa vụ “duy trì số dư tối thiểu trên tài khoản thanh toán theo quy định của tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán” (điểm e khoản 2 Điều 5); tổ chức cung ứng tài khoản thanh toán nơi mở tài khoản thanh toán cho khách hàng có quyền “quy định số dư tài khoản tối thiếu trên tài khoản thanh toán và thông báo công khai, hướng dẫn cụ thể để khách hàng biết (điểm d Khoản 1 Điều 6).  Số dự tối thiếu trên tài khoàn dùng để duy trì việc quản lý, sử dụng tài khoản. Hiện nay hầu hết tổ chức tín dụng áp dụng số dư tối thiểu để duy trì tài khoản thanh toán bằng đồng VN là 50.000đ đối với cá nhân và 1.000.000đ đối với tổ chức. Trong trường hợp số dư tài khoản của NNT không đủ so với số tiền yêu cầu trích chuyển mà tổ chức tín dụng phải trích toàn bộ số dư (bao gồm số dư tối thiểu) thì tài khoản sẽ bị đóng. Khi có tiền chuyển đến tài khoản thì NNT cùng không nhận đc mà TCTD cũng không thể tiếp tục trích chuyển tiền của NNT khi cơ quan quản lý thuế đề nghị. Do vậy đề nghị sửa quy định tại dự thảo NĐ theo hướng bổ sung trừ số dư tối thiểu để duy trì tài khoản của NNT.  4.Điểm c Khoản 2 Điều 12 và Điểm b Khoản 2 Điều 17: điểm d Khoản 1 Điều 3 Luật XLVPHC quy định “Một hành vi vi phạm hành chính chỉ bị xử phạt một lần”. Do đó, đề nghị rà soát nội dung 2 quy định trên để tránh trùng lặp.  5.Điều 32: Đề nghị quy định thẩm quyền xử phạt của các chức danh thanh tra, chủ tịch UBND các cấp để đảm bảo phù hợp với Luật xử lý vi phạm hành chính và Điều 5 NĐ 81/2013/NĐ-CP.  6.Điểm d Khoản 2 Điều 34: đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, cân nhắc sửa quy định cụ thể như sau: “*Trường hợp thanh tra thuế, kiểm tra thuế… theo quy định tại điểm c khoản này.* |  |
| 18 | Thanh tra CP | 1.Đề nghị nghiên cứu, bổ sung:  +.Khoản 1 Điều 36: *“1.Trường hợp, vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn không thuộc thẩm quyền xử phạt của người lập biên bản hoặc vượt quá thẩm quyền xử phạt của người lập biên bản thì biên bản được chuyển ngay đến người có thẩm quyền xử phạt để tiến hành xử phạt.”*  *+* Khoản 1 Điều 37*: “1.Trong quá trình xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn nếu xét thấy tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về thuế, hóa đơn có dấu hiệu tội phạm, thì người có thẩm quyền xử phạt phải chuyển ngay hồ sơ cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự.”*  2. Đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu, bổ sung quy định thời hạn cụ thể phải chuyển hồ sơ đến người có thẩm quyền xử phạt, cơ quan tiến hành tố tụng hình sự để đảm bảo chặt chẽ, thống nhất, kịp thời trong xử lý. |  |
| 19 | THông tấn xã VN | Nhất trí |  |
| 1. **UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW** | | | |
| 1 | Hà Nội | **UBND thành phố Hà Nội:**  1.Điều 2: Dự thảo nên quy định rõ : “Hóa đơn hết giá trị sử dụng”,“Hóa đơn hỏng” Cần làm rõ chữ “hỏng” hỏng về nghĩa nội dung hay hỏng về mặ hình thức. Một số người hiểu nhầm hóa đơn xóa bỏ cũng coi là hỏng, hóa đơn rách ghép lại cho là dùng được.  2.Tại khoản 4 điều 2 dự thảo nên bổ sung thêm nội dung: *Hóa đơn mua hàng hoá, dịch vụ mà thời điểm mua hàng hoá, dịch vụ ghi trên hóa đơn trước ngày xác định bên bán không hoạt động tại địa chỉ kinh doanh đã đăng ký với cơ quan nhà nước mà hóa đơn đó không kê khai nghĩa vụ thuế.*  3.Tại khoản 5 điều 2 dự thảo nên bổ sung thêm nội dung:*Sử dụng hóa đơn của doanh nghiệp đã bị cơ quan thuế đã có thông báo bỏ địa chỉ kinh doanh mà người bán không kê khai thực hiện nghĩa vụ thuế.*  4.Tại khoản 4 Điều 7: *Không xử phạt hành vi vi phạm thủ tục thuế đối với cá nhân trực tiếp quyết toán thuế thu nhập cá nhân mà có phát sinh số tiền thuế được hoàn; hộ gia đình, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán thuế quy định tại Điều 51 Luật quản lý thuế.”*Đề xuất: Nêu rõ đối tượng được áp dụng và các trường hợp được áp dụng không xử phạt về thủ tục thuế đối với hộ gia đình, cá nhân kinh doanh. Lý do: - Toàn bộ hộ kinh doanh, cá nhân nộp theo phương pháp khoán thuế không bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế?- Hay chỉ hộ kinh doanh bị cơ quan thuế ấn định thuế?.  5.Tại khoản 1 điều 9 dự thảo nên bổ sung thêm nội dung:  *Cá nhân không kinh doanh đã được cấp mã số thuế TNCN theo số chứng minh nhân dân cũ nay đổi sang thẻ căn cước mới, khi thay đổi thông tin sẽ không bị xử phạt vi phạm hành chính.*  6.Điều 10: Về việc xử phạt hành vi khai sai, khai không dầy đủ các nội dung trong hồ sơ thuế (Điều 10 dự thảo Nghị định): Tại Khoản 2 Điều 10 Dự thảo Nghị định có nêu: “*2*. Phạt tiền từ *2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng* đối với hành vi ghi thiếu, ghi sai các chỉ tiêu trên tờ khai thuế, tờ khai quyết toán thuế *nhưng không liên quan đến xác định nghĩa vụ thuế*”. Đề nghị bổ sung, sửa lại như sau:“*2*. Phạt tiền từ *2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng* đối với hành vi ghi thiếu, ghi sai các chỉ tiêu trên tờ khai thuế, tờ khai quyết toán thuế và các phụ lục kèm theo *nhưng không liên quan đến xác định nghĩa vụ thuế*”. Lý do: Có nhiều trường hợp NNT có vi phạm kê khai Phụ lục thông tin về giao dịch liên kết như: - Kê khai thiếu các chỉ tiêu: “phương pháp xác định giá thị trường”, “Tổng giá trị giao dịch phát sinh từ hoạt động kinh doanh”…  7.Điểm c, khoản 4 Điều 11: Không nộp hồ sơ khai thuế nhưng không phát sinh số thuế phải nộp;  Đề xuất: NNT quá 120 ngày không nộp hồ sơ khai thuế kể từ ngày hết thời hạn nộp HSKT được coi là không nộp hồ sơ khai thuế nhưng không phát sinh số thuế phải nộp. Lý do: Chưa có căn cứ nào để biết người nộp thuế không nộp hồ sơ khai thuế. Nên quy định cụ thể một mốc nào đó để xác định NNT không nộp HSKT.  8.Quy định tại Khoản 5 điều 11 Dự thảo dễ dẫn tới sự bất cập: trường hợp số thuế phải nộp < 15 triệu thì mức phạt theo trường hợp này có thể thấp hơn mức phạt tại khoản 4 điều này. Do đó có thể xem xét sửa lại như sau :  *"Riêng trường hợp nếu số tiền bị xử phạt áp dụng theo khoản này lớn hơn số thuế phát sinh trên hồ sơ khai thuế thì mức phạt tiền tối đa đối với trường hợp này bằng số tiền thuế phát sinh phải nộp trên hồ sơ khai thuế nhưng không thấp hơn mức phạt quy định tại khoản 4 điều này ".*  9.Điểm b, c Khoản 1 Điều 14:  Trường hợp khai sai dẫn đến trốn thuế nhưng đáp ứng được các điệu kiện được chuyển sang hành vi khai sai. Thực tế, có một số trường hợp trốn thuế nhưng không kê khai nên dù NNT đã có các biện pháp khác phục hậu quả, có tình tiết giảm nhẹ nhưng không thể chuyển sang hành vi khai sai dẫn đến thiếu thuế phải nộp, do đó gây khó khăn lớn cho việc xử phạt, đặc biệt sẽ tăng số trường hợp phải truy cứu trách nhiệm hình sự do trốn thuế trên 100 triệu đồng.  Dự thảo mới vẫn chưa thay đổi về trường hợp được chuyển sang khai sai. Để tạo điều kiện cho các trường hợp khác, tránh việc truy cứu tránh nhiệm hình sự đối với các trường hợp trốn thuế trên 100 triệu đồng mà không phải là khai sai dẫn đến trốn thuế, nên sửa đổi lại như sau:  Điều *14.* Xử phạt hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn  1. *Phạt 20% tính trên số tiền thuế khai thiếu hoặc số tiền thuế đã được hoàn cao hơn so với quy định đối với các hành vi sau đây:*...  b) *Khai sai hoặc không kê khai* làm giảm số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn, số *tiền* thuế được miễn, giảm không thuộc trường hợp quy định tại điểm a, Khoản này nhưng *người nộp thuế đã tự giác* kê khai hoặc kê khai bổ sung và *nộp đủ số tiền thuế thiếu vào ngân sách nhà nước trước thời điểm cơ quan thuế kết thúc thời hạn thanh tra, kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế;*  c) *Khai sai hoặc không kê khai* làm giảm số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn, số thuế được miễn, giảm đã bị cơ quan có thẩm quyền lập biên bản kiểm tra thuế, kết luận thanh tra thuế xác định là hành vi trốn thuế, ~~nhưng người nộp thuế vi phạm lần đầu~~, có tình tiết giảm nhẹ và đã tự giác nộp đủ số tiền thuế vào ngân sách nhà nước trước thời điểm cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử phạt thì cơ quan thuế lập biên bản ghi nhận để xác định lại hành vi khai *sai dẫn đến* thiếu thuế;.  10.Điểm d khoản 1 Điều 14: Về việc xử phạt hành vi khai sai (Điều 14 dự thảo Nghị định)  Điểm d, Khoản 1 Điều 14 Mục I Chương II dự thảo có nêu: “*d) Khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn đối với giao dịch liên kết mà người nộp thuế đã lập hồ sơ xác định giá thị trường hoặc đã lập tờ khai giao dịch liên kết gửi cơ quan thuế theo quy định;*  Đề nghị ban soạn thảo xem xét, làm rõ các nội dung sau:  + Nên sử dụng thống nhất khái niệm “Tờ khai” hay “phụ lục kèm theo Tờ khai”.  Lý do: theo quy định hiện hành thì không có khái niệm “Tờ khai giao dịch liên kết” mà chỉ có: *(i) Phụ lục thông tin về giao dịch liên kết (nếu có) theo mẫu 03-7/TNDN kèm theo Tờ khai QT thuế TNDN theo quy định tại Khoản 4 Điều 12 Thông tư 156/2013/TT-BTC; (ii) Các phụ lục mẫu số 01, 20, 03, 04 theo Nghị định 20/2017/NĐ-CP (kèm theo Tờ khai QT thuế TNDN)*.  Đề xuất: dùng đúng các từ ngữ quy định tại các văn bản có liên quan: “… *kkông kê khai Phụ lục thông tin về giao dịch liên kết*…”  + Đề nghị làm rõ việc xử phạt trong các trường hợp NNT có hành vi vi phạm và bị ấn định thuế về giao dịch liên kết theo quy đinh tại Điểm a và Điểm d Khoản 3 Điều 12 Nghị định 20/2017/NĐ-CP:  *“3. Cơ quan thuế có quyền ấn định… trong các trường hợp người nộp thuế có các hành vi vi phạm pháp luật về xác định giá giao dịch liên kết sau:*  *“a) Người nộp thuế không kê khai, kê khai không đầy đủ thông tin hoặc không nộp Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; ...*  *d) Người nộp thuế có hành vi vi phạm các quy định về xác định giá giao dịch liên kết tại Điều 11 Nghị định này”.*  Cụ thể là trong trường hợp NNT thuộc trường hợp được miễn hồ sơ xác định giá thị trường nhưng có hành vi vi phạm “*không* *kê khai xác định giá giao dịch liên kết theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 20/2017/NĐ-CP”* nên bị ấn định về thuế.  Đề xuất:  Bổ sung hướng dẫn tại điểm d Khoản 1 Điều 14:  “NNT thuộc trường hợp được miễn hồ sơ xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết và bị ấn định thuế do không kê khai Phụ lục thông tin về giao dịch liên kết gửi cơ quan thuế theo quy định”.  11.Khoản c Điểm 1 Điều 15: Tại khoản c điểm 1 Điều 15 chương II tại dự thảo Nghị định như sau:  …..c) Không lập hoá đơn khi bán hàng hoá, dịch vụ **Bổ sung cụm từ** *( trừ trường hợp người nộp thuế đã đã kê khai, tính nộp thuế tương ứng với giá trị hàng hóa đã bán nhưng chưa xuất hóa đơn)* hoặc lập hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ sai về số lượng, giá trị hàng hóa, dịch vụ để khai thuế thấp hơn thực tế và bị phát hiện sau thời hạn nộp hồ sơ khai thuế;  *Lý do đề xuất:* Thực tế qua công tác thanh tra, kiểm tra các đơn vị đã bán hàng nhưng tại thời điểm đơn vị đang trong quá trình bị cưỡng chế hóa đơn về nghĩa vụ thuể đơn vị đã tự kê khai thuế và xác định thời điểm để kê khai nghĩa vụ thuế với nhà nước về thuế TNDN, GTGT. Tuy nhiên tại thời điểm đơn vị kê khai nộp thuế đơn vị chưa xuất hóa đơn do đang trong thời hạn bị cưỡng chế hóa đơn hoặc làm thủ tục xin cấp hóa đơn bán lẻ chưa được thực hiện. Như vậy đối với trường hợp này chỉ xác định xử lý vi phạm hành chính về việc xuất hóa đơn không đúng thời điểm vì việc tính kê khai, tính thuế đơn vị đã kê khai và tính nộp thuế kịp thời không dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp đối với việc bán hàng không xuất hóa đơn.  12.Tại điểm a, khoản 1 Điều 22: Nộp thông báo điều chỉnh thông tin tại thông báo phát hành hóa đơn đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp *khi thay đổi tên hoặc địa chỉ kinh doanh;*  Đề xuất: Nộp thông báo điều chỉnh thông tin tại thông báo phát hành hóa đơn đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp *khi thay đổi tên hoặc địa chỉ kinh doanh* **chậm sau 10 ngày kể từ ngày bắt đầu sử dụng hóa đơn tại địa chỉ mới *hoặc bắt đầu sử dụng hóa đơn với tên mới.***  Lý do:Nêu không đầy đủ, chưa rõ ý là không nộp thì bị phạt hay chậm thì bị phạt .  13.Tại điểm c, khoản 2, Điều 22: Nộp thông báo điều chỉnh thông tin tại thông báo phát hành hóa đơn đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp;  Đề xuất: Nộp thông báo điều chỉnh thông tin tại thông báo phát hành hóa đơn đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp **khi thay đổi cơ quan thuế quản lý  từ sau 20 ngày kể từ ngày bắt đầu sử dụng hóa đơn tại địa chỉ mới**.”  Lý do: Nêu không đầy đủ, chưa rõ ý là không nộp thì bị phạt hay chậm thì bị phạt.  14. Điều 24:  Tại “Điều 24: Xử phạt hành vi vi phạm quy định về khai báo mất, cháy, hỏng hóa đơn”  Dự thảo nghị định mới nêu các quy định xử phạt cụ thể về hành vi khai báo mất cháy hỏng hóa đơn (hóa đơn trước khi thông báo phát hành hoặc hóa đơn đã mua nhưng chưa lập). Còn hành vi khai báo mất cháy hỏng hóa đơn đối với hóa đơn đã phát hành hoặc đã sử dụng lại không thấy ghi rõ.  Nếu đã có một điều riêng để quy định xử phạt về hành vi khai báo mất cháy hỏng hóa đơn thì cần bao quát hết các trường hợp để tránh trường hợp nhầm lẫn hoăc trùng với hành vi tại điều 28: “Điều 28. Xử phạt hành vi quy định về lập, gửi thông báo và báo cáo cho cơ quan thuế (trừ thông báo phát hành hóa đơn)”  15. Điều 27:  Mức sử phạt đối với hành vi vi phạm sử dụng hóa đơn tại Điều *27.* Xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về sử dụng hóa đơn .  Dự thảo mới chỉ thay đổi khung phạt cho môt số trường hợp, tuy nhiên thực tế hiện nay rất thiếu công bằng do cùng hành vi vi phạm nhưng hậu quả khác nhau thì mức phạt vẫn gống nhau (ví dụ sử dung hóa đơn bất hợp pháp, sử dụng bất hợp pháp hóa đơn có giá trị 20 triệu đồng cùng mức xử phạt như hóa đơn 500 triệu đồng hoặc hàng tỷ đồng). Do đó cần cụ thể mức vi phạm theo số tiền (gồm hoặc không bao gồm thuế GTGT ghi trên hóa đơn- tùy quan điểm) ghi trên hóa đơn và bỏ mức thấp nhất 20 triệu thành 10 triệu đồng.  16.Tại “Điều 28. Xử phạt hành vi quy định về lập, gửi thông báo và báo cáo cho cơ quan thuế (trừ thông báo phát hành hóa đơn)”  Hành vi nộp chậm thông báo, báo cáo hóa đơn và hành vi không nộp thông báo, báo cáo hóa đơn cần có căn cứ để xác định rõ ràng giữa hai hành vi.(VD về mốc thời gian.)  17. **Về việc xác định “kê khai sai” trong Phụ lục thông tin giao dịch liên kết**  Đề nghị ban soạn thảo xem xét có quy định cho các trường hợp:  + Phương pháp xác định giá thị trường tại Hồ sơ quốc gia (do DN cung cấp cho Đoàn thanh tra) là hoàn toàn khác với phương pháp xác định giá thị trường kê khai tại Phụ lục thông tin về giao dịch liên kết **thì xác định là kê khai sai sai hay không có Hồ sơ chứng minh việc lưa chọn và áp dụng phương pháp xác định giá thị trường?**.  Đề xuất: Cơ quan thuế xác định là DN không có hồ sơ chứng minh các phương pháp xác định giá đã kê khai với cơ quan thuế tại Phụ lục thông tin giao dịch liên kết.  + NNT kê khai thiếu chỉ tiêu “phương pháp xác định giá thị trường” tại Phụ lục thông tin về giao dịch liên kết nhưng có cung cấp hồ sơ quốc gia (Hồ sơ xác định giá thị trường, có nêu phương pháp xác định giá thị trường) thì áp dụng quy định phạt như thế nào?  Đề xuất: Cơ quan thuế xác định là DN có vi phạm kê khai không đầy đủ nội dung trong hồ sơ thuế (Phụ lục kèm theo Tờ khai QT thuế).  18.Tại Dự thảo chưa có quy định liên quan đến trường hợp, NNT khắc phục hậu quả bằng cách chủ động nộp tiền vào NSNN |  |
| 2 | Vĩnh Long | **Sở Tài chính:**  **1/ Tại Điểm b Khoản 3 Điều 10 dự thảo Nghị định:**  - Đề nghị bổ sung thêm quy định như sau:  *b)* Hành vi quy định tại khoản *3* Điều 14; khoản 7 Điều *15* Nghị định này.  *“Trường hợp mức xử phạt áp dụng theo điểm b khoản này lớn hơn mức xử phạt theo quy định tại Điều 14, Điều 15 Nghị định này thì xử phạt theo Điều 14, Điều 15 Nghị định này (số tiền thuế làm căn cứ tính tính phạt được xác định trong điều kiện là có phát sinh số thuế phải nộp).”*  **Lý do:**  - Khi chuyển từ hành vi kê khai sai, trốn thuế sang xử phạt về thủ tục thuế thì mức phạt phải thấp hơn mức phạt theo kê khai sai, trốn thuế. Thực tế đã phát sinh nhiều trường hợp người nộp thuế có hành vi kê khai sai hoặc trốn thuế (nhưng không làm ảnh hưởng số thuế phải nộp) có số thuế vi phạm không lớn, nếu xử phạt về thủ tục thuế lại nặng hơn xử phạt kê khai sai, trốn thuế là không hợp lý.  - Trường hợp này cũng giống như quy định tại khoản 5 Điều 11 dự thảo Nghị định.  **2/ Bổ sung điểm d vào khoản 2 Điều 23 dự thảo Nghị định:**  “*d. Điều chỉnh hóa đơn không đúng quy định tại khoản 2 Điều 17, khoản 1 Điều 24 Nghị số 119/2018/NĐ-CP ngày 12/9/2018 của Chính phủ.”*  Lý do:  - Qua thực tế có phát sinh trường hợp người bán phát hiện hóa đơn có sai sót, tự điều chỉnh hóa đơn mà không lập biên bản điều chỉnh hóa đơn, không gửi hóa đơn cho người mua biết để kê khai bổ sung điều chỉnh.  - Hành vi này chưa có quy định xử phạt.  **3/ Bổ sung vào khoản 2 Điều 36 dự thảo Nghị định nội dung:**  *“theo* *quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 21 và Điểm a Khoản 2 Điều 22 Luật quản lý số 38/2019/QH14”*  Cụ thể:  *“Trường hợp cơ quan kiểm toán nhà nước, cơ quan thanh tra Chính phủ trực tiếp kiểm toán, thanh tra người nộp thuế* ***theo*** ***quy định tại*** ***Điểm a Khoản 2 Điều 21 và Điểm a Khoản 2 Điều 22 Luật quản lý số 38/2019/QH14*** *có kiến nghị về nghĩa vụ thuế của người nộp thuế và lập biên bản vi vi phạm hành chính về thuế thì cơ quan kiểm toán, cơ quan thanh tra Chính phủ chuyển hồ sơ vụ vi phạm đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế để xử phạt theo quy định. Cơ quan thuế căn cứ hồ sơ vi phạm do cơ quan kiểm toán, cơ quan thanh tra chuyển đến để xử phạt (không bao gồm nội dung xử lý truy thu, truy hoàn thuế, tính tiền chậm nộp).”*  Lý do: để tránh hiểu nhầm là cả khoản 2 Điều 21, khoản 2 Điều 22 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14.  **4/ Tại khoản 1, khoản 2 Điều 39 dự thảo Nghị định:**  ***“Điều 39. Thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn***  *1. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn phải ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn.*  *2. Đối với vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp mà không thuộc trường hợp giải trình hoặc đối với vụ việc thuộc trường hợp giải trình theo quy định tại Điều 36 Nghị định này thì thời hạn ra quyết định xử phạt tối đa là 30 ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính hoặc kể từ ngày lập biên bản thanh tra/kiểm tra thuế kiêm biên bản vi phạm hành chính.”*  **Đề nghị điều chỉnh lại như sau:**  ***“Điều 39. Thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn***  ***1. Thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn thực hiện theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính.***  *2. Đối với vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp mà không thuộc trường hợp giải trình,* ***Đoàn thanh tra, kiểm tra và người nộp thuế còn có ý kiến khác nhau về kết luận thanh tra, kiểm tra****, hoặc đối với vụ việc thuộc trường hợp giải trình theo quy định tại Điều 36 Nghị định này thì thời hạn ra quyết định xử phạt tối đa là 30 ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính hoặc kể từ ngày lập biên bản thanh tra/kiểm tra thuế kiêm biên bản vi phạm hành chính.”*  **Lý do:**  - Theo dự kiến sửa đổi bổ sung khoản 1 Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 thì thời hạn ra quyết định xử phạt là 07 ngày làm việc, do đó khi Luật xử lý vi phạm hành chính có thay đổi thì không phải điều chỉnh lại;  - Trường hợp Đoàn thanh tra, kiểm tra còn có ý kiến khác nhau thì hồ sơ phải chuyển qua bộ phận pháp chế cấp ý kiến pháp lý; trường hợp Đoàn thanh tra, kiểm tra và bộ phận pháp chế không thống nhất thì phải xin thêm ý kiến của các bộ phận chức năng, các cơ quan có liên quan … để xử lý nên cần có thời gian nhiều hơn trường hợp bình thường.  **5/ Đóng góp về mẫu biểu:**  - Mẫu số: 02/QĐ *(Ban hành kèm theo Nghị định …)* đề nghị nên bổ sung thêm nội dung về ấn định thuế, lý do: Trong thanh tra, kiểm tra tại trụ sở NNT thường có phát sinh nội dung này, do đó cần có quy định để thực hiện thống nhất.  - Mẫu số: 06/BB *(Ban hành kèm theo Nghị định …),* tại *“Mục VI/ KIẾN NGHỊ VÀ YÊU CẦU:”* đề nghị bổ sung thêm như sau: *“Mục VI/* ***KẾT LUẬN****, KIẾN NGHỊ VÀ YÊU CẦU:”* thì mới đầy đủ nội dung của Biên bản. |  |
| 3 | Đà Nẵng | **UBND giao Sở Tài chính:**  **I. PHẦN DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**  1. Tại Khoản 2 Điều 5 dự thảo Nghị định xử phạt VPHC về thuế và hoá đơn có quy định về (hình thức xử phạt bổ sung). Tuy nhiên, tại Điều 31 dự thảo Nghị định không có quy định thẩm quyền áp dụng hình thức xử phạt bổ sung.  Đề nghị bổ sung thẩm quyền xử phạt bổ sung cho phù hợp.  Đề nghị giải thích rõ thêm (hình thức xử phạt bổ sung) có bắt buộc áp dụng kèm theo hình thức xử phạt chính không (vì theo quy định tại Khoản 3 Điều 21 Luật xử phạt VPHC quy định “Đối với mỗi vi phạm hành chính, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính chỉ bị áp dụng một hình thức xử phạt chính; có thể bị áp dụng một hoặc nhiều hình thức xử phạt bổ sung quy định tại khoản 1 Điều này. Hình thức xử phạt bổ sung chỉ được áp dụng kèm theo hình thức xử phạt chính”).  2. Tại Khoản 1a, b Điều 6 dự thảo quy định: “1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn  a) Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về hóa đơn là 01 năm, kể từ ngày thực hiện hành vi vi phạm đến ngày ra quyết định xử phạt.  b) Thời hiệu xử phạt đối với hành vi vi phạm thủ tục thuế là 02 năm, kể từ ngày thực hiện hành vi vi phạm đến ngày ra quyết định xử phạt.  Ngày thực hiện hành vi vi phạm hành chính về thuế là ngày kế tiếp ngày kết thúc thời hạn phải thực hiện thủ tục về thuế theo quy định của Luật quản lý thuế. Đối với trường hợp thực hiện thủ tục về thuế bằng điện tử thì ngày thực hiện hành vi vi phạm hành chính về thuế là ngày kế tiếp ngày kết thúc thời hạn thực hiện thủ tục theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.”  Việc quy định thời hiện xử phạt đối với hành vi vi phạm về hoá đơn, thủ tục thuế, kể từ ngày thực hiện hành vi vi phạm đến ngày ra quyết định xử phạt là không phù hợp với quy định tại Khoản 1b Điều 6 Luật xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13, cụ thể.  “b) Thời điểm để tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính quy định tại điểm a khoản 1 Điều này được quy định như sau:  Đối với vi phạm hành chính đã kết thúc thì thời hiệu được tính từ thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm.  Đối với vi phạm hành chính đang được thực hiện thì thời hiệu được tính từ thời điểm phát hiện hành vi vi phạm;”  Đề nghị điều chỉnh lại cho phù hợp với quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13.  3. Tại Khoản 7 Điều 11 dự thảo quy định: “Người nộp thuế chậm nộp hồ sơ khai thuế bị xử phạt theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều này…”.  Đề nghị bỏ Khoản 6 vì Khoản 6 không quy định hình thức xử phạt mà chỉ giải thích từ ngữ.  4. Tại Khoản 6 Điều 15 dự thảo quy định: “6. Các hành vi trốn thuế bị xử phạt quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều này còn bị buộc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là nộp đủ số tiền thuế trốnvào ngân sách nhà nước Số tiền thuế trốnlà số tiền thuế phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định…”  Đề nghị thêm dấu cách giữa từ “trốnvào” và từ “trốnlà”, thêm dấu (.) chấm câu trước “.Số tiền thuế trốn là số tiền thuế phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định…”.  5. Tại Khoản 1a, 1b Điều 18 dự thảo quy định: ”1. Phạt cảnh cáo đối với một trong các hành vi sau đây:  a) Tự in hóa đơn không đủ hoặc không đúng các nội dung trên hóa đơn theo quy định nhưng đã tự khắc phục, đảm bảo phản ánh đầy đủ nghiệp vụ kinh tế phát sinh, không ảnh hưởng đến số thuế phải nộp (trừ trường hợp quy định tại điểm a Khoản 2 Điều này);  b) Khởi tạo hóa đơn điện tử không đủ hoặc không đúng các nội dung trên hóa đơn theo quy định (trừ trường hợp quy định tại điểm a Khoản 2 Điều này)”.  Đề nghị xem lại đoạn câu (trừ trường hợp quy định tại điểm a Khoản 2 Điều này). Lý do: Tại Khoản 2 Điều 18 dự thảo không có quy định quy định điểm a.  6. Tại Khoản 6a, 6b, 6c Điều 18 dự thảo quy định: ”6. Biện pháp khắc phục hậu quả  a) Buộc hủy các hóa đơn được in hoặc khởi tạo không đúng quy định đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 và khoản 4 Điều này.  b) Buộc phải khởi tạo, đăng ký hóa đơn điện tử đúng quy định đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 2, điểm b, c khoản 3 Điều này.  c) Buộc bổ sung thông tin trên đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử đối với hành vi quy định tại điểm c khoản 1, điểm b khoản 2, điểm d khoản 3 Điều này.”  Đề nghị xem lại đoạn câu (quy định tại điểm a Khoản 2 và điểm b Khoản 2). Lý do: Tại Khoản 2 Điều 18 dự thảo không có quy định quy định điểm a và điểm b.  7. Tại Khoản 6c Điều 18 dự thảo quy định: ”6. Biện pháp khắc phục hậu quả  c) Buộc bổ sung thông tin trên đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử đối với hành vi quy định tại điểm c khoản 1, điểm b khoản 2, điểm d khoản 3 Điều này.”  Đề nghị xem lại đoạn câu (quy định tại điểm c khoản 1). Lý do: tại Khoản 1 Điều 18 dự thảo Nghị định không có quy định điểm c.  8. Tại Khoản 4 Điều 23 dự thảo quy định: Thứ tự các điểm a, b, c, d, đ, g, h, i, k. Đề nghị sửa lại thứ tự các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, i.  9. Tại Khoản 6a, 6b, 6c, 6d Điều 23 dự thảo quy định: “6. Biện pháp khắc phục hậu quả  a) Buộc hủy hóa đơn đã lập không đúng quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a, h, i, l khoản 3 Điều này.  b) Buộc lập hóa đơn điện tử đúng loại giao cho người mua đối với hành vi quy định tại điểm e khoản 3 Điều này.  c) Buộc tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử gửi cơ quan thuế đối với hành vi quy định tại điểm k Khoản 3 Điều này.  d) Buộc lập hóa đơn đúng quy định giao cho người mua đối với hành vi quy định tại khoản 4 Điều này”.  Đề nghị sửa đổi và xem xét lại như sau:  - Tại điểm 6a, 6b, 6c đề nghị thay thế cụm từ “Khoản 3 Điều này” thành Khoản 4 Điều này”. Lý do: cho phù hợp với nội dung.  - Xem lại “điểm e Khoản 3” và ”điểm k Khoản 3”. Lý do: chưa phù hợp với nội dung.  - Tại điểm 6d đề nghị thay thế cụm từ “Khoản 4 Điều này” thành “Khoản 5 Điều này”. Lý do: Cho phù hợp với nội dung.  10. Tại Điều 25 đề nghị bỏ điểm a. Lý do: tại Điều 25 không có điểm b và điểm c.  11. Tại Khoản 4 Điều 30 dự thảo quy định: “4.Hình thức xử phạt bổ sung: đình chỉ hoạt động từ 01 đến 03 tháng đối với hành vi quy định tại Khoản 2, 3, 4 Điều này”.  Đề nghị bỏ Khoản 4 Điều 30. Lý do: cho phù hợp  12. Tại Khoản 2đ Điều 34 dự thảo quy định: “đ) Lập biên bản vi phạm hành chính điện tử  Trường hợp người nộp thuế chậm nộp hồ sơ đăng ký thuế, chậm thay đổi thông tin trên đăng ký thuế, chậm nộp hồ sơ khai thuế, quyết toán thuế bằng phương thức điện tử thì thông báo tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế, hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế, hồ sơ khai thuế, quyết toán thuế bằng phương thức điện tử xác định rõ thời gian chậm nộp và hành vi vi phạm hành chính của người nộp thuế thì thông báo này là biên bản vi phạm hành chính điện tử làm căn cứ ban hành quyết định xử phạt”.  Tuy nhiên, trên thực tế Thông báo về việc tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế, hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế, hồ sơ khai thuế, quyết toán thuế bằng phương thức điện tử chưa thể hiện nội dung vi phạm hành chính của người nộp thuế. Vì vậy, khi nội dung này được thông qua thì cần có sự điều chỉnh nội dung của Thông báo tiếp nhận để cho phù hợp.  13. Tại Khoản 1c Điều 38 dự thảo quy định: “c) Đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn quy định tại Điều 6 Nghị định này hoặc hết thời hạn ra quyết định xử phạt theo quy định tại Điều 40 Nghị định này”.  Đề nghị sửa “Điều 40” thành “Điều 39”. Lý do: Để cho phù hợp.  14. Tại Khoản 3 Điều 39 dự thảo quy định: “3. Trường hợp vụ việc đặc biệt nghiêm trọng, có nhiều tình tiết phức tạp và thuộc trường hợp giải trình theo quy định tại Điều 36 Nghị định này…”  Đề nghị sửa “Điều 36 Nghị định này” thành “Điều 35 Nghị định này”. Lý do: Để cho phù hợp.  15. Tại Khoản 4 Điều 39 dự thảo quy định: ”4. Trường hợp vụ việc do cơ quan tiến hành tố tụng hình sự chuyển hồ sơ vụ vi phạm để người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn ra quyết định xử phạt thì thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là 30 ngày, kể từ ngày nhận được các quyết định quy định tại khoản 2 Điều 38 Nghị định này...”  Đề nghị sửa “ Khoản 2 Điều 38 Nghị định này” thành “Khoản 2 Điều 37 Nghị định này”. Lý do: Để cho phù hợp.  16. Tại Khoản 2b Điều 41 dự thảo quy định: “b) Quyết định xử phạt vi phạm hành chính được giao trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện bằng hình thức bảo đảm và thông báo cho cá nhân, tổ chức bị xử phạt biết”.  Đề nghị bỏ cụm từ “và thông báo cho cá nhân, tổ chức bị xử phạt biết”. Lý do: Quyết định xử phạt VPHC đã giao trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện bằng hình thức bảo đảm thì không cần phải Thông báo cho cá nhân, tổ chức bị xử phạt.  17. Tại điểm b2 Khoản 2 Điều 41 dự thảo quy định: “b2)…Trường hợp cơ quan thuế gửi quyết định xử phạt qua bưu điện thì giấy báo phát của bưu điện (xác nhận đã giao quyết định xử phạt cho tổ chức, cá nhân bị xử phạt) được lưu vào hồ sơ xử phạt”.  Đề nghị xem xét sửa đổi hoặc bỏ nội dung này. Lý do: Sẽ gây khó khăn cho bộ phận xử lý khi phải theo dõi giấy xác nhận của bưu điện và liên hệ bộ phận văn thư để nhận (chỉ cần lưu ở bộ phận văn thư khi cần thiết thì có thể đối chiếu).  **II. PHẦN BIỂU MẪU BIÊN BẢN VÀ QUYẾT ĐỊNH**  1. Tại các mẫu Biên bản vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn tại Phụ lục kèm theo dự thảo Nghị định đề nghị bỏ bớt các chỉ tiêu không cần thiết như: nghề nghiệp (đối với cá nhân) và số GCN đăng ký đầu tư/doanh nghiệp hoặc GP thành lập/đăng ký hoạt động (tổ chức) vì đối với cơ quan Thuế việc quản lý căn cứ vào mã số thuế.  2. Tại các mẫu Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn tại Phụ lục kèm theo dự thảo Nghị định đề nghị có rà soát lại phần căn cứ ban hành quyết định, thực hiện thống nhất tại tất cả các mẫu theo quy định tại Luật xử phạt vi phạm hành chính (chức danh người ra quyết định, chức vụ, đơn vị công tác,..). |  |
| 4 | Điện Biên | UBND tỉnh Điện Biên nhất trí |  |
| 5 | Bạc Liêu | UBND:  - Về mẫu Biên bản Kiểm tra (hoặc Thanh tra) thuế và biên bản vi phạm hành chính (Mẫu số: 06/BB). Kiến nghị Tổng cục Thuế bố cục lại mục IV của Biên bản thành 3 mục nhỏ để tách bạch, rõ ràng thành 3 nội dung: Kết luận; Kiến nghị và Yêu cầu, cụ thể chỉnh sửa lại như sau:  IV. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ YÊU CẦU  1. Kết luận:  - Về việc mở, ghi chép, hạch toán trên sổ sách kế toán và hoá đơn chứng từ:  ...........................................................................................................................................  - Về việc kê khai thuế, nộp thuế:  ...........................................................................................................................................  Ghi chú: Nếu có sai phạm phát hiện qua việc kiểm tra (hoặc thanh tra) phải nêu cụ thể:  - Hành vi vi phạm hành chính:[4].............................................................................  - Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ (nếu có):...............................................................  - Nguyên nhân vi phạm (nếu phát hiện được):.....................................................  2. Kiến nghị:  - Kiến nghị về mức xử phạt vi phạm hành chính về các hành vi vi phạm đã được phát hiện qua kiểm tra (hoặc thanh tra) đối với cơ quan (Bộ phận chức năng của cơ quan thuế) có thẩm quyền để ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm của người nộp thuế.  - Kiến nghị với các cơ quan (Bộ phận chức năng của cơ quan thuế) về các biện pháp, trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn đối với người nộp thuế.  3. Yêu cầu:  - Nếu có số thuế phải truy thu thêm thì phải yêu cầu người nộp thuế nộp đầy đủ, kịp thời vào tài khoản của cơ quan thuế khi có quyết định xử lý của cơ quan quản lý thuế.  - Nếu còn nợ đọng thuế phải yêu cầu người nộp thuế nộp ngay vào Ngân sách Nhà nước.  - Đối với các vi phạm về chế độ mở, ghi chép, hạch toán trên sổ sách kế toán và hoá đơn chứng từ phải yêu cầu người nộp thuế chấn chỉnh kịp thời.  - Các yêu cầu, kiến nghị hoặc ghi nhận khác (nếu có). |  |
| 6 | Thái Bình | Sở Tài chính Thái Bình:(1) Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20/6/2012, Điều 4- quy định:“Thẩm quyền quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước và chế độ áp dụng các biện pháp xử lý hành chính Căn cứ quy định của Luật này, Chính phủ quy định hành vi vi phạm hành chính; hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính; thẩm quyền xử phạt, mức phạt tiền cụ thể theo từng chức danh và thẩm quyền lập biên bản đối với vi phạm hành chính trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước; chế độ áp dụng các biện pháp xử lý hành chính và quy định mẫu biên bản, mẫu quyết định sử dụng trong xử phạt vi phạm hành chính”.  (2) Theo dự thảo Nghị định, tại Điều 32- “Quy định Thẩm quyền xử phạt hành chính về thuế, hóa đơn của Thanh tra, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp:  Thẩm quyền xử phạt VPHC về *thuế, hóa đơn* của Chánh thanh tra sở; Chánh Thanh tra bộ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính”  Hiện nay Chánh thanh tra sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp không có thẩm quyền xử phạt về lĩnh vực thuế; mặt khác Nội dung dự thảo Điều 32 của Nghị định quy định chưa rõ về thẩm quyền xử phạt hóa đơn.  Đề nghị Bộ Tài chính, Tổng Cục thuế xem xét, làm rõ thêm, Trường hợp nếu giao thẩm quyền cho Chánh thanh tra sở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp ở địa phương được phép xử phạt vi phạm hành chính đối với lĩnh vực này thì cần quy định cụ thể. |  |
| 7 | Quảng Nam | 1. Khoản 2 Điều 5 các trường hợp coi là sử dụng không hợp pháp hóa đơn, chứng từ:   Hiện nay một số khoản chi phí được trừkhi xác định thuế TNDN phải nộp mà không có hóa đơn chứng từ nhưng phải có bộ chứng từ theo quy định như chi phí tiền lương, tiền công. Trong trường hợp qua thanh tra, kiểm tra xác định được doanh nghiệp có hành vi làm khống khoản chi phí tiền lương tiền công (tăng cao hơn so với thực tế) thì đây là hành vi làm giả chứng từ để kê khai làm giảm số thuế phải nộp là hành vi vi phạm hành chính về thuế và phải bị xử lý theo quy định. Tuy nhiên căn cứ Khoản 5 Điều 2 thì việc làm khống chứng từ lương không phả là trường hợp được coi là sử dụng không hợp pháp hóa đơn, chứng từ. Cho nên Cục Thuế đề xuất bổ sung them những trường hợp này vào trong quy định về các trường hợp được coi là sử dụng không hợp pháp hóa đơn chứng từ đề dễ dàng thống nhất trong cách hiểu và tăng cường tính răn đe.   1. Điểm c Khoản 2 Điều 5 quy định đình chỉ hoạt động từ 01 đến 03 tháng. Tuy nhiên, việc đình chỉ hoạt động kinh doanh ngoài thẩm quyền của cơ quan thuế. 2. Điều 7 đề nghị bổ sung thêm trường hợp:  * *Không xử phạt hành vi vi phạm thủ tục thuế đối với cá nhân trực tiếp quyết toán thuế thu nhập cá nhân mà có phát sinh số tiền thuế còn được khấu trừ nhưng chưa đề nghị hoàn (giống như trường hợp có phát sinh số tiền thuế được hoàn).* * *Không xử phạt hành vi vi phạm thủ tục thuế đối với cá nhân trực tiếp quyết toán thuế TNCN mà có phát sinh số thuế phải nộp (do trường hợp này đã bị tính tiền chậm nộp trên số tiền thuế khai chậm).*   4.Tại điểm b Khoản 1 Điều 18 quy định:  *1. Phạt cảnh cáo đối với một trong các hành vi sau đây:*  *a) Tự in hóa đơn không đủ hoặc không đúng các nội dung trên hóa đơn theo quy định nhưng đã tự khắc phục, đảm bảo phản ánh đầy đủ nghiệp vụ kinh tế phát sinh, không ảnh hưởng đến số thuế phải nộp (****trừ trường hợp quy định tại điểm a Khoản 2 Điều này);***  *b) Khởi tạo hóa đơn điện tử không đủ hoặc không đúng các nội dung trên hóa đơn theo quy định, trừ trường hợp quy định tại* ***điểm a Khoản 2 Điều này;***  Tham gia: đề nghị xem xét lại cụm từ “quy định tại điểm a Khoản 2 Điều này’ vì tại Khoản 2 Điều 18 không có điểm a. Đồn thời quy định rõ các trường hợp áp dụng nội dung tại Khoản 2 Điều 18 để phân biệt các trường hợp áp dụng hình thức cảnh cáo theo nội dung tại điểm b Khoản 1 Điều 18.  5.Tại Điều 19 đề nghị xem xét lại số thứ tự các Khoản thuộc Điều 19.  6. Điểm a Khoản 1 Điều 22 quy định:  a) Nộp thông báo điều chỉnh thông tin tại thông báo phát hành hóa đơn đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp *khi thay đổi tên hoặc địa chỉ kinh doanh;*  *b)* Nộp bảng kê hóa đơn chưa sử dụng đến cơ quan thuế nơi chuyển đến khi doanh nghiệp thay đổi địa chỉ kinh doanh dẫn đến thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp chậm sau 10 ngày kể từ ngày bắt đầu sử dụng hóa đơn tại địa chỉ mới *hoặc bắt đầu sử dụng hóa đơn với tên mới*;.  Đề nghị bổ sung cụm từ “chậm sau 10 ngày” vào điểm a để làm rõ nội dung sai phạm tại điểm a.  7. Điểm c Khoản 2 Điều 22: tương tự Điểm a Khoản 1 Điều 22 (nêu trên) đề nghị bổ sung từ ngữ để làm rõ nội dung sai phạm.  8. Điểm c Khoản 2 Điều 23 quy định: *c) Không gạch chéo, hủy, xóa bỏ đối với hóa đơn đã lập, hóa đơn chưa lập, hóa đơn không còn giá trị sử dụng theo quy định;*  Đề nghị xem xét làm rõ nội dung sai phạm quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 23.  9. Khoản 6 Điều 23: đề nghị xem xét lại nội dung các cụm từ “… quy định tại điểm a, h, I, l khoản 3 Điều này”; “…quy định tại Điểm e Khoản 3 Điều này” và “quy định tại Điểm k Khoản 3 Điều này.” Vì nội dung tại Khoản 3 Điều 23 không có các điểm a, h, I, l, e, k.  10. Điểm c Khoản 2 Điều 27: đề nghị xem xét bổ sung nội dung tại điểm này đối với trường hợp bên mua hàng sử dụng hóa đơn không hợp pháp do lỗi của bên bán (lỗi vô ý và lỗi cố ý) với mức xử phạt phù hợp dể tăng cường tính răn đe.  11. Điểm c Khoản 2.2 Mục IV (dòng 3 trang 9) đề nghị xem xét lại cụm từ có 01 tình tiết giảm nhẹ (phạt 2 lần) vì không phù hợp với nội dung dự thảo NĐ. |  |
| 8 | Gia Lai | Sở Tài chính nhất trí với dự thảo Nghị định |  |
| 9 | Sơn La | UBND giao Cục Thuế:   1. Khoản 1 Khoản 6 Điều 18 xử phạt hành vi vi phạm tự in hóa đơn; khởi tạo hóa đơn điện tử; đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử có nêu: “(*trừ trường hợp quy định tại điểm a Khoản 2 Điều này), ... điểm c khoản 1 Điều này, ...điểm đ khoản 3 Điều này”.* Tuy nhiên khoản 2 không có điểm a khoản 1 không có điểm c và khoản 3 không có điểm đ. Vì vậy đề nghị xem xét hiệu chỉnh lại. 2. Điểm a Khoản 1 Điều 22 chưa rõ ràng về hành vi. Đề nghị xem xét sửa lại như sau: “*a) Không nộp thông báo điều chỉnh thông tin tại thông báo phát hành hóa đơn đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp khi thay đổi tên hiawcj địa chỉ kinh doanh trong thời hạn theo quy định.”* 3. Điểm c Khoản 2 Điều 22 nêu không rõ ràng về hành vi vi phạm, Đề nghị xem xét sửa lại là: :”*c) Không nộp thông báo điều chỉnh thông tin tại thông báo phát hành hóa đơn đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp trong thời hạn theo quy định.”*   Điểm d Khoản 2 Điều 22 quy định xử phạt hành vi nộp bảng kê hóa đơn chưa sử dụng. Điều này khi thực hiện sẽ gây khó khăn cho cơ quan thuế trong công tác quản lý hóa đơn vì có những doanh nghiệp sử dụng hóa đơn với số lượng ít, không phát sinh thường xuyên, hàng quý doanh nghiệp báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp trong khi đó cơ quan thuế chưa nắm được tình hình sử dụng hóa đơn của doanh nghiệp mới chuyển đến. Mặt khác, theo quy định về đăng ký thuế thì thời hạn thông báo thay đổi thông tin đăng ký thuế chỉ có 10 ngày... Để phù hợp với các quy định hiện hành và giúp cơ quan thuế kịp nắm bắt tình hình sử dụng hóa đơn của doanh nghiệp khi thay đổi địa chỉ kinh doanh dẫn đến thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp, đề nghị xem xét sửa lại như sau: *d) Nộp bảng kê hóa đơn chưa sử dụng đến cơ quan thuế nơi chuyển đến khi doanh nghiệp thay đổi địa chỉ kinh doanh dẫn đến thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp từ sau ~~20~~* ***10*** *ngày* ***làm việc*** *kể từ ngày ~~bắt đầu sử dụng hóa đơn~~* ***chuyển đến*** *tại địa chỉ mới.*   1. Điểm a, b, c Khoản 6 Điều 23 quy định về biện pháp khắc phục hậu quấu khi NNT vi phạm các hành vi quy định tại điểm a, h, e, l, i, k Khoản 3 Điều 23. Đề nghị xem xét và sửa lại vì Khoản 3 Điều 23 không có các điểm trên.   Khoản 1 Điều 39 quy định về thời hạn ra quyết định xử phạt. Điểm này phù hợp với Khoản 1 Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính. Tuy nhiên nếu biên bản hành chính lập vào dịp cuối ngày nghỉ lễ, nghỉ tết thì thời hạn xử phạt sẽ không đảm bảo, vì vậy đề nghị xem xét sửa lại thời hạn ban hành quyết định xử phạt thành 07 ngày làm việc |  |
| 10 | Phú Thọ | Sở Tài chính tham gia nhất trí |  |
| 11 | Hưng Yên | Sở Tài chính   1. Điểm b Khoản 2 Điều 34: đề nghị làm rõ “hai người chứng kiến” ký biên bản vi phạm hành chính là ai? 2. Điểm b Khoản 2 Điều 41 đề nghị bỏ đoạn “*Trường hợp cơ quan thuế gửi quyết định xử phạt qua bưu điện thì giấy báo phát của bưu điện (xác nhận đã giao quyết định xử phạt cho tổ chức, cá nhân bị xử phạt) được lưu vào hồ sơ xử phạt.”* vì thực tếkhi bưu điện gửi được các quyết định xử phạt cho tổ chức, cá nhân thì không chuyển lại giấy báo phát cho cơ quan thuế. |  |
| 12 | Bình Thuận | Sở Tài chính nhất trí dự thảo |  |
| 13 | Cần Thơ | UBND giao Cục Thuế   1. Điều 2: đề nghị bổ sung thêm khái niệm “Chứng từ” vì đây là một các lý do trình Chính phủ để ban hành Nghị định này nhưng nội dung lại không thấy đề cập. 2. Khoản 2 Điều 5 đề nghị viết như sau:   *“5.Các trường hợp được coi là sử dụng không hợp pháp hóa đơn, chứng từ:*   1. *Sử dụng hóa đơn, chứng từ giả: Sử dụng hóa đơn, chứng từ của tổ chức, cá nhân khác (điểm đ); Sử dụng hóa đơn, chứng từ in, khởi tạo trùng số trong cùng một ký hiệu hóa đơn, ký hiệu mẫu hóa đơn của tổ chức, cá nhân; Sử dụng hóa đơn, chứng từ không đăng ký sử dụng với cơ quan thuế (điểm c);* 2. *Sử dụng hóa đơn, chứng từ chưa có giá trị sử dụng: Sử dụng hoa đơn điện tử chưa có mã của cơ quan thuế (điểm đ); Sử dụng hóa đơn, chứng từ trước khi đăng ký phát hành với cơ quan thuế;* 3. *Sử dụng hóa đơn, chứng từ hết giá trị sử dụng; Sử dụng hóa đơn, chứng từ khi đã có thông báo ngừng sử dụng (điểm d) hoặc đã có thông báo mất; Người mua kê khai thuế bằng hóa đơn, chứng từ của các tổ chức cá nhân sau ngày các tổ chức, cá nhân đã có thông báo ngừng sử dụng mã số thuế.”.*   *3.*Khoản 4 Điều 2 dự thảo Nghị định: *h) Hoá đơn mua hàng hoá, dịch vụ mà thời điểm mua hàng hoá, dịch vụ ghi trên hóa đơn* ***trước ngày xác định bên bán không hoạt động tại địa chỉ kinh doanh đã đăng ký với cơ quan nhà nước hoặc chưa có thông báo của cơ quan thuế về việc bên bán không hoạt động tại địa chỉ kinh doanh*** *đã đăng ký với cơ quan nhà nước nhưng cơ quan thuế hoặc cơ quan công an hoặc các cơ quan chức năng khác đã có kết luận đó là hoá đơn không hợp pháp.*  Đóng góp, trường hợp này rất khó khăn cho bên mua hàng vì hóa đơn mua trước thời điểm được xác định bên bán bỏ địa chỉ kinh doanh (TB người nộp thuế không còn hoạt động tại địa điểm kinh doanh đã đăng ký, có gửi trên web để tra cứu) thì không có thông báo nào để người mua tra cứu. Trường hợp CQT hoặc cơ quan chức năng có kết luật là hóa đơn không hợp pháp thì có ra thông báo gì cho NNT? Có công khai trên web để người mua có thể tra cứu được không?  4.Tại điểm g Khoản 5 Điều 2: thuế và hóa đơn, chứng từ là lĩnh vực do cơ quan thuế quản lý và chịu trách nhiệm xử lý. Do vậy, quy định trong dự thảo “*hoặc do cơ quan công an hoặc các cơ quan chức năng khác đã có kết luận đó là các hóa đơn không hợp pháp”* đề nghị viết để xác định được rõ ràng hơn về trách nhiệm của cơ quan thuế: “*hoặc kết luận của cơ quan công an hoặc các cơ quan chức năng khác đã có xác nhận của cơ quan thuế đó là hóa đơn không hợp pháp.”*  5.Điểm a Khoản 1 Điều 6: đề nghị nâng mức thời gian quy định về thời hiệu xử phạt về hóa đơn là 2 năm. Điều này là cần thiết vì thực tế hiện nay cơ quan thuế tập trung kiểm tra theo nguyên tắc quản lý rủi ro, đôi lúc việc phát hiện hành vi vi phạm hành chính về hóa đơn chậm.  6. Khoản 2 Điều 7 đề nghị sửa như sau: “*Quyết định xử lý của cơ quan thuế liên quan đến nội dung xác định nghĩa vụ thuế theo quy định tại khoản này bao gồm: ~~quyết định hoàn thuế;~~ quyết định miễn, giảm thuế; quyết định gia hạn nộp hồ sơ khai thuế; số thuế giá trị gia tăng được khấu trừ hoặc số lỗ chuyển kỳ sau trên quyết định xử lý sau thanh tra, kiểm tra thuế. Trường hợp thanh tra, kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế chưa phát hiện ra sai sót của người nộp thuế trong việc kê khai, xác định số tiền thuế phải nộp hoặc số tiền thuế được miễn, giảm nhưng sau đó hành vi vi phạm hành chính về thuế của người nộp thuế bị phát hiện thì vẫn bị xử lý theo quy định.* Vì đối với trường hợp NNT được hoàn thuế trước kiểm tra sau nếu khi kiểm tra sau hoàn thuế phát hiện NNT kê khai sai làm tăng số thuế được hoàn thì NNT sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế.  7.Tại Điều 10 quy định:  **Điều *10*. Xử phạt hành vi khai *sai, khai* không đầy đủ các nội dung trong hồ sơ thuế**  *1.* Phạt tiền từ *1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng* đối với hành vi ghi thiếu, ghi sai các chỉ tiêu ***trong hồ sơ thuế nhưng không liên quan đến xác định nghĩa vụ thuế****, trừ hành vi quy định tại khoản 2 Điều này.* .  *2*. Phạt tiền từ *2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng* đối với hành vi ghi thiếu, ghi sai các chỉ tiêu trên **tờ khai thuế, tờ khai quyết toán thuế *nhưng không liên quan đến xác định nghĩa vụ thuế*.**  *3*. Phạt tiền từ *5.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:*  *a) Ghi thiếu, ghi sai các chỉ tiêu liên quan* ***đến xác định nghĩa vụ thuế trong hồ sơ thuế;***  *b) H*ành vi quy định tại khoản *3* Điều 14; khoản 7 Điều *15* Nghị định này.  Theo quy định trên thì rất khó trong quá trình xử lý vì tờ khai thuế, tờ khai quyết toán thuế la fmootj thành phàn của Hồ sơ thuế. Đề xuất nội dung của khoản 1 2 quy định chung 1 nội dung.  8.Tại điểm b khoản 1 Điều 18 không có điểm a tại khoản 2 Điều này.  9. Khoản 1, 2 Điều 18: đối với khoản 1b và Khoản 2 quy định giống nhau đề không đủ không đúng nội dung theo quy định. Như vậy trường hợp nào phạt cảnh cáo, trường hợp nào phạt tiền.  10. Điểm b Khoản 1 Điều 21 “Sử dụng hóa đơn đã được thông báo phát hành với cơ quan thuế nhưng chưa đến thời hạn sử dụng (0*5* ngày kể từ ngày gửi thông báo phát hành). Quy định thời hạn 5 ngày tại TT39 đã được sửa đổi tại TT37/2017 (02 ngày).  11. Điểm a Khoản 1 Điều 22: nội dung này chưa hết ý, nộp chậm sau thời gian bao lâu thì bị phạt, còn đây nộp mà vẫn phạt.  12. Điểm c Khoản 2 Điều 22: nội dung này chưa hết ý, nộp chậm sau thời gian bao lâu thì bị phạt, còn đây nộp mà vẫn phạt.  13. Điểm c Khoản 3 Điều 22 đề nghị bổ sung “Ngày ghi trên hóa đơn đã lập xảy ra trước ngày mua hóa đơn của cơ quan thuế *hoặc trước ngày thông báo phát hành hóa đơn tự in, hóa đơn đặt in.*  14*.*Điểm c Khoản 1 Điều 23: nội dung này chỉ thực hiện đối với hóa đơn giấy, không thực hiện được đối với hóa đơn tự in, hóa đơn điện tử. Ở nội dung này đang hướng dẫn chung cho tất cả các loại hóa đơn nên chưa đầy đủ nội dung.  15. Điểm K Khoản 4 Điều 23 đề nghị ghi rõ lập hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ ... để không nhầm lần với các loại hóa đơn bán hàng, hóa đơn GTGT.  16. Khoản 1 và Khoản 2 b Điều 24 bị phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền nếu chậm thay đổi thông tin đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử từ 01 ngày đến 10 ngày: không rõ xác định từ 01 đến 10 ngày theo mốc thời gian nào?  17. Khoản 3c Điều 18 đối tượng sử dụng hóa đơn điện tử có mã hoặc không mã đã được quy định tại NĐ119. Việc đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử của các doanh nghiệp đều gửi tới cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế và cơ quan thuế sẽ trả lời chấp nhận hoặc không chấp nhận sau 01 ngày làm việc. Do đó, việc quy định xử phạt từ 4 đến 8 triệu đồng đối với hành vi đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử sai trường hợp là hết sức vô lý. Đề nghị bỏ quy định này.  18. Khoản 1 Điều 24: nội dung này chưa hoàn chỉnh: phạt cảnh cáo thiếu chữ cảnh; thời hạn thiếu chữ hạn. Tương tự khoản 2 Điều nàu cũng thiếu từ “hạn” . Mặt khác, cần làm rõ hơn cụm từ “hóa đơn trước khi thông báo phát hành” trong Điều 24: hóa đơn trước khi thông báo phát hành thì chưa có giá trị sử dụng nên chưa phân biệt chưa lập hay đã lập.  19. Tại Khoản 1 Điều 25 quy định phạt từ 1.000.000đ đến 3.000.000đ đối với hành vi không lập đủ, **không đúng các nội dung bắt buộc** trên hóa đơn theo quy định. Trong các nội dung bắt buộc phải có của hóa đơn, nội dung: tên, địa chỉ của người mua và của người bán rất dễ có sai sót. Trong các văn bản hiện hành và dự thảo TT hướng dẫn NĐ 119 cũng hướng dẫn: nếu MST ghi đúng, chỉ sai sót về tên, địa chỉ thì phải lập thông báo điều chỉnh thông tin trên hóa đơn, không phải lập lại hóa đơn thay thế và bị xử phạt. Với nội dung hàng hóa, dịch vụ viết sai, người bán được lập thay thế hóa đơn. Do vậy, đề nghị bỏ quy định xử phạt nếu lập “không đúng” các nội dung bắt buộc của hóa đơn.  20. Điểm đ, Khoản 2 Điều 25: đối với hóa đơn điện tử, cơ quan thuế không còn dịch vụ bán hóa đơn cho người kinh doanh mà chỉ còn cấp từng lần. Do vậy, đề nghị bỏ điểm đ quy định “ Ngày ghi trên hóa đơn đã lập xảy ra trước ngày mua hóa đơn của cơ quan thuế”.  21. Điểm h Khoản 2 Điều 25: đối với hóa đơn điện tử, khái niệm “liên hóa đơn” không còn tồn tại. Do vậy, đề nghị bỏ một đoạn trong điểm h quy định “hoặc sai lệch các tiêu thức bắt buộc giữa các liên của hóa đơn”.  22. Đề nghị bổ sung vào Điều 25 nội dung sau: “*làm mất, cháy, hỏng hóa đơn đã phát hành, đã mua của cơ quan thuế nhưng chưa lập (các liên của 1 số hóa đơn) nhưng khách hàng chưa nhận được hóa đơn”.*  23. Tại Điều 26 xử phạt hành vi vi phạm quy định về hủy hóa đơn quy định đối với hóa đơn giấy. Đề nghị chuyển lên mục 1 chương II… đối với hóa đơn tự in, đặt in.  24. Điều 27 quy định xử phạt của các khoản thuộc điều này mâu thuẫn nhau: “Chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử quá thời hạn” đồng nghĩa với “không chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử đủ điều kiện theo quy định”.  25. Điểm a Khoản 2 Điều 28 “Không đảm bảo điều kiện cung cấp dịch vụ truyền nhận hóa đơn điện tử và dữ liệu hóa đơn điện tử giữa người mua dịch vụ với cơ quan thuế”. Đề nghị bỏ vì vi phạm này không thể xảy ra do NĐ 119 quy định cơ quan thuế là đơn vị chủ động lựa chọn và ký hợp đồng với các tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn đủ điều kiện theo quy định. |  |
| 14 | Cà Mau | UBND giao Cục Thuế:   1. Khoản 1 Điều 15 đề nghị bổ sung từ “phạm” sau cụm từ “người nộp thuế vi”. 2. Tại Điều 19 quy định về xử phạt vi phạm quy định về đặt in hóa đơn: bố cục Khoản 1, 2, 3, 5, 6, 7 đề nghị điều chỉnh bố cục các khoản cho hợp lý. 3. Điểm b Khoản 1 Điều 20: đề nghị bỏ từ “từ” . 4. Điểm c Khoản 2 Điều 22: quy định: “*c) Nộp* *thông báo điều chỉnh thông tin tại thông báo phát hành hóa đơn đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp.”* viết chưa đầy đủ, chưa rõ ý như Điểm c Khoản 3 Điều 3 NĐ 49/2016. 5. Khoản 4 Điều 23 đề nghị điều chỉnh bố cục tại điểm a, b, c cho hợp lý. 6. Khoản 6 Điều 23 không có các điểm a, h, I, l; Điểm a, k như quy định tại các Điểm a, b, c Khoản 6 Điều 23. 7. Điều 24: đề nghị bổ sung từ “cảnh” sau từ “phạt” và từ “hạn” sau từ “thời”. 8. Điều 28 bố cục khoản 1, 2, 4, 6, 7. Đề nghị sắp xếp lại bố cục.   Điều 38: đề nghị điều chỉnh lại Điều 40 thành Điều 39. |  |
| 15 | Đắk Lắk | Sở Tài chính:  1.Khoản 1 Điều 2 đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau:  “1.Vi phạm hành chính về thuế *là hành vi có lỗi của người nộp thuế, tổ chức, cá nhân có liên quan* vi phạm quy định của *pháp luật về quản lý thuế, pháp luật về thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan thuế quản lý ~~thu khác~~ (tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước****; thuế sử dụng đất phi nông nghiệp****; tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; tiền cấp quyền khai thác tài nguyên, sử dụng khu vực biển; lợi nhuận còn lại, cổ tức được chia cho phần vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp) mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.*  Theo quy định tại Thông tư số 153/2011 hàng năm NNT không phải thực hiện kê khai vào Tờ khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp nếu không có sự thay đổi về NNT và các yếu tố dẫn đến thay đổi số thuế phải nộp. Trường hợp phát sinh các sự việc dẫn đến sự thay đổi về NNT, các yếu tố dẫn đến thay đổi số thuế phải nộp thì NNT phải kê khai bổ sung trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày phát sinh các sự việc, các yếu tố làm thay đổi số thuế phải nộp. Tuy nhiên hiện nay chưa có quy định về xử phạt đối với việc chậm nộp bổ sung Tờ khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp. |  |
| 16 | Hải Dương | Cục Thuế :  1/ Tại Điểm b3, Khoản 1, Điều 5 quy định về hình thức xử phạt chính:  *“*…*Phạt 20% số tiền thuế thiếu,* ***số tiền thuế được hoàn*** *đối với hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn.”*  Đề nghị sửa nội dung *“…Phạt 20% số tiền thuế thiếu, số tiền thuế được hoàn”* thành*“…Phạt 20% số tiền thuế thiếu,* ***số tiền thuế được hoàn cao hơn quy định****”*.  2/ Tại Điểm a, Khoản 2, Điều 34 quy định về việc lập biên bản vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn:  *“Biên bản vi phạm hành chính phải ghi rõ ngày, tháng, năm, địa điểm lập biên bản; họ, tên, chức vụ người lập biên bản; họ, tên, địa chỉ, nghề nghiệp của người vi phạm hoặc tên, địa chỉ của tổ chức vi phạm;* ***giờ****, ngày, tháng, năm, địa điểm xảy ra vi phạm; hành vi vi phạm hành chính; …”*  Đề nghị sửa thành *“…;* ***giờ (nếu có)****,**ngày, tháng, năm, địa điểm xảy ra vi phạm…”* do trên thực tế nhiều trường hợp cơ quan Thuế lập biên bản sau khi vi phạm hành chính đã xảy ra nên khó xác định chính xác được giờ xảy ra hành vi vi phạm.  3/ Tại Khoản 2, 3 Điều 39 quy định về thời hạn ra quyết định XPVPHC về thuế, hóa đơn :  *“2. Đối với vụ việc có nhiều* ***tình tiết phức tạp*** *mà không thuộc trường hợp giải trình hoặc đối với vụ việc thuộc trường hợp giải trình theo quy định tại Điều 36 Nghị định này thì thời hạn ra quyết định xử phạt tối đa là 30 ngày, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính hoặc kể từ ngày lập biên bản thanh tra/kiểm tra thuế kiêm biên bản vi phạm hành chính.*  *3. Trường hợp* ***vụ việc đặc biệt nghiêm trọng****, có nhiều tình tiết phức tạp và thuộc trường hợp giải trình theo quy định tại Điều 36 Nghị định này mà người có thẩm quyền xử phạt xét thấy cần có thêm thời gian để xác minh, thu thập chứng cứ thì người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc phải báo cáo thủ trưởng trực tiếp của mình bằng văn bản để xin gia hạn; việc gia hạn phải bằng văn bản; thời gian gia hạn không quá 30 ngày.”*  Đề nghị bổ sung khái niệm hoặc quy định cụ thể các trường hợp được coi là *“tình tiết phức tạp”* và *“vụ việc đặc biệt nghiêm trọng”* để thuận lợi khi xác định tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi và tránh tình trạng lợi dụng lý do trên để chậm trễ ra quyết định xử phạt. |  |
| 17 | Hòa Bình | UBND tỉnh Hòa Bình:  1.Khoản 4 Điều 7 đề nghị sửa lại là:  *4. Không xử phạt hành vi vi phạm thủ tục thuế đối với cá nhân trực tiếp quyết toán thuế thu nhập cá nhân mà có phát sinh số tiền thuế được hoàn; hộ gia đình, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán thuế quy định tại Điều 51 Luật quản lý thuế* ***khi bị ấn định thuế****.* Lý do để phù hợp với quy định tại Khoản c Điểm 2 Điều 141 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14.  2. Khoản 1 Điều 15 đề nghị sửa lại là: *“1. Phạt tiền 1 lần tính trên số thuế trốn đối với người nộp thuế vi* ***phạm*** *có từ một tình tiết giảm nhẹ trở lên khi thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau.”* |  |
| 18 | Khánh Hòa | UBND tỉnh Khánh Hóa:  1.Nhìn chung các mức phạt bằng tiền tăng quá cao so với Nghị định số 129 hiện hành, đề nghị dự thảo xây dựng mức xử phạt bằng tiền phù hợp (nên chăng tối đa bằng 02 lần so với hiện hành); đồng thời giai đoạn hiện nay tất cả các doanh nghiệp vừa và nhỏ, siêu nhỏ, hộ cá nhân kinh doanh đang bước đầu sử dụng hóa đơn điển tử, việc cập nhật các quy định về HĐĐT đối với đối tượng này là hạn chế nên dẫn đến sai sót, vi phạm, vì vậy đề nghị điều chỉnh một số điều khoản xử phạt bằng tiền sang cảnh cáo trong trường hợp vi phạm lần đầu nhằm nhắc nhở.  2. Khoản 5 Điều 2 đề nghị bổ sung: “e) Sử dụng hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ, chứng từ mà cơ quan thuế, cơ quan công an và các cơ quan chức năng khác đã kết luận là sử dụng không hợp pháp hóa đơn, chứng từ.”  3. Điều 8 đề nghị sửa đổi các cụm từ “*đăng ký tạm ngừng hoạt động”* thành *“thông báo tạm ngừng hoạt động”; “đăng ký tiếp tục hoạt động” thành “thông báo tiếp tục hoạt động”* nhằm phù hợp với quy định tại Điều 37 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14.  4.Tại điểm a. b Khoản 1; Điểm a, b Khoản 6 Điều 18 có nêu “*quy định tại điểm a khoản 2 …Điều này”*nhưng tại Khoản 2 Điều 18 không có điểm a.  Tại điểm c, d Khoản 6 Điều 18 có nêu “*quy định tại điểm c khoản 1, điểm b khoản 2 … điều này”* và “*quy định tại điểm đ khoản 3 Điều này”* nhưng tại Điều 18 Khoản 1 không có điểm c; Khoản 2 không có điểm b; Khoản 3 không có điểm đ. Đề nghị rà soát và điều chỉnh.  5.Điều 21 có cụm từ *“Hóa đơn* *được mua đã hết giá trị sử dụng”,* đề nghị làm rõ nghĩa cụm từ này khi áp dụng việc xử phạt.   1. Điều 22  * Điểm a Khoản 1 ghi “a) Nộp thông báo điều chỉnh thông tin tại thông báo phát hành hóa đơn đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp *khi thay đổi tên hoặc địa chỉ kinh doanh;”.* Quy định này không xác định cụ thể về thời hạn chậm nộp thông báo điều chỉnh thông tin, đề nghị sửa: “*Chậm nộp thông báo điều chỉnh thông tin tại thông báo phát hành hóa đơn đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp khi thay đổi tên hoặc địa chỉ kinh doanh sau 10 ngày kể từ ngày bắt đầu sử dụng hóa đơn theo thông tin mới.”*   Tương tự, tại Điểm c Khoản 2 ghi: *“c) Nộp thông báo điều chỉnh thông tin tại thông báo phát hành hóa đơn đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp;”* Đề nghị sửa *“c) Chậm nộp thông báo điều chỉnh thông tin tại thông báo phát hành hóa đơn đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp từ sau 20 ngày, kể từ ngày bắt đầu sử dụng hóa đơn them thông tin mới;”*   1. Điều 29 đề nghị quy định rõ thời hạn “*Chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử cho cơ quan thuế không đầy đủ theo quy định”* làm cơ sở xác định việc trễ hạn, áp dụng xử phạt. Do thời gian đầu thực hiện hóa đơn điện tử , cơ sở hạ tầng cơ quan thuế có thể chưa đáp ứng (nghẽn mạng, quá tải, lỗi file dữ liệu, quá dung lượng…), đề nghị cần giảm mức phạt hoặc gia hạn thời gian thực hiện Điều phạt này sau 1 đến 2 năm. 2. Điểm a Khoản 3 Điều 45 ghi: *a) Tổ chức, cá nhân chậm nộp tiền phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn thì bị tính tiền chậm nộp tiền phạt theo mức 0,05%/ngày tính trên số tiền phạt chậm nộp.”.* Đề nghịxem xét điều chỉnh mức phạt 0,03%/ngày cho thống nhất với khoản tiền chậm nộp tiền thuế theo Luật quản lý thuế. |  |
| 19 | Long An | UBND giao Sở Tài chính”   1. Đề nghị bổ sung cụm từ “quá hạn khai thuế mà” vào Khoản 5 Điều 22:   *“5. Trường hợp tổ chức, cá nhân không lập thông báo phát hành hóa đơn trước khi hóa đơn được đưa vào sử dụng nếu các hóa đơn này không gắn với nghiệp vụ kinh tế phát sinh hoặc* ***quá hạn khai thuế mà*** *chưa được kê khai, nộp thuế theo quy định thì bị xử phạt theo quy định tại Điều 27 Nghị định này hoặc Điều 14, Điều 15 Chương II Nghị định này.”.* Lý do có trường hợp DN sử dụng hóa đơn trước khi phát hành nhưng phát hiện ngay và báo cáo đến cơ quan thuế nhưng chưa đến kỳ kê khai, nộp thuế.   1. Đề nghị bổ sung cụm từ **“trong quá trình sử dụng và”** vào điểm a, b Khoản 3 Điều 25: “*Trường hợp mất, cháy, hỏng hóa đơn đã lập, trừ liên giao cho khách hàng,* ***trong quá trình sử dụng và*** *trong thời gian lưu trữ thì xử phạt theo pháp luật về kế toán.* Lý do phù hợp với NĐ 41/2018 (điểm g Khoản 2 Điều 8).   Đề nghị bổ sung vào điểm đ Khoản 2 Điều 34 dự thảo NĐ nội dung lập biên bản vi phạm hành chính điện tử đối với hồ sơ thông báo, báo cáo về hóa đơn. Lý do điểm đ Khoản 2 Điều 3 có quy định trường hợp NNT chậm nộp hồ sơ đăng ký thuế, chậm thay đổi thông tin trên đăng ký thuế, chậm nộp hồ sơ khai thuế, quyết toán thuế bằng điện tử… nhưng chưa quy định trong lĩnh vực hóa đơn (như chậm BC26/AC, TB03, TB04 … qua hệ thống kê khai thuế. |  |
| 20 | Quảng Ngãi | UBND tỉnh giao Cục Thuế:  Tại Điều 8 dự thảo Nghị định quy định *xử phạt hành vi vi phạm về thời hạn đăng ký thuế; đăng ký tạm ngừng hoạt động, kinh doanh; đăng ký tiếp tục hoạt động…*  Theo quy định tại NĐ 78/2015 về đăng ký doanh nghiệp quy định về cơ quan đăng ký kinh doanh và quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp thì việc đăng ký doanh nghiệp là việc người thành lập doanh nghiệp đăng ký thông tin về doanh nghiệp dự kiến thành lập, doanh nghiệp đăng ký những thay đổi hoặc dự kiến thay đổi trong thông tin về đăng ký thuế trực tiếp với phòng đăng ký kinh doanh. Do vậy việc xử lý kịp thời các hành vi vi phạm của NNT tại Điều 8 dự thảo Nghị định này đề nghị bổ sung thêm thẩm quyền xử phạt của cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư. |  |
| 21 | Quảng Ninh | UBND giao Cục Thuế:  1.Khoản 5 Điều 11 đối với đoạn “*Riêng trường hợp nếu số tiền bị xử phạt áp dụng theo khoản này lớn hơn số thuế phát sinh trên hồ sơ khai thuế thì mức phạt tiền tối đa đối với trường hợp này bằng số tiền thuế phát sinh phải nộp trên hồ sơ khai thuế.”* . Đề nghị áp dụng đoạn trên cho các khoản 2, khoản 3, khoản 4 khoản 5 Điều 11.  2. Điểm a Khoản 1 Điều 22 đề nghị bổ sung như sau: “a) Nộp thông báo điều chỉnh thông tin tại thông báo phát hành hóa đơn đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp khi thay đổi tên hoặc địa chỉ kinh doanh ***chậm sau 10 ngày kể từ ngày bắt đầu sử dụng hóa đơn tại địa chỉ mới hoặc bắt đầu sử dụng hóa đơn với tên mới****;”*  3. Điểm a Khoản 2 và Khoản 3 Điều 29: đề nghị quy định rõ hành vi không chuyển dữ liệu cho cơ quan thuế được tính từ ngày thứ bao nhiêu kể từ ngày hết thời hạn theo quy định thì doanh nghiệp sẽ bị xử phạt hành vi vi phạm theo quy định tại Khoản 3 Điều 29. |  |
| 22 | Thanh Hóa | **Cục Thuế tham gia:**  **1/ Tại Khoản 1 Điều 2 Dự thảo Nghị định đã nêu:**  “1. Vi phạm hành chính về thuế *là hành vi có lỗi của người nộp thuế, tổ chức, cá nhân có liên quan* vi phạm quy định của *pháp luật về quản lý thuế, pháp luật về thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan thuế quản lý thu khác (tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuê mặt nước; tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; tiền cấp quyền khai thác tài nguyên, sử dụng khu vực biển; lợi nhuận còn lại, cổ tức được chia cho phần vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp) mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.”.*  Đề nghị bổ sungcác khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan thuế quản lý thu khác đầy đủ theo Điểm a Khoản 2 Điều 3 Luật số 38/2019/QH14.  **2/ Tại Khoản 5 Điều 3 Dự thảo Nghị định đã nêu:**  “*5. Một hành vi vi phạm hành chính chỉ bị xử phạt một lần, cụ thể:*  *..*  *c) Hành vi vi phạm về sử dụng hóa đơn không hợp pháp, sử dụng không hợp pháp hóa đơn thuộc trường hợp bị xử phạt theo Điều 14, Điều 15 Nghị định này thì không bị xử phạt về hành vi vi phạm quy định về sử dụng hóa đơn theo Điều 27Nghị định này.*.”  **Đề nghị sửa lại như sau:**  “*5. Một hành vi vi phạm hành chính* ***về thuế, về hóa đơn*** *chỉ bị xử phạt một lần, cụ thể:*  *…*  *c) Hành vi vi phạm về sử dụng* ***hóa đơn bị ngừng sử dụng trong thời gian áp dụng biện pháp cưỡng chế ngừng sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế*** *thuộc trường hợp bị xử phạt theo Điều 14, Điều 15 Nghị định này thì không bị xử phạt về hành vi vi phạm quy định về sử dụng hóa đơn theo Điều 27 Nghị định này.*”  **Lý do:**  + Theo quy định của dự thảo của Nghị định này thì: Khi NNT lập hóa đơn không đúng thời điểm hoặc không lập hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ sẽ bị xử phạt *theo Điều 14, Điều 15 Nghị định đồng thời bị xử phạt về hành vi vi phạm quy định về sử dụng hóa đơn theo Khoản 3; điểm a Khoản 4 hoặc khoản 5 Điều 23 Nghị định này.*  + Khi NNT sử dụng hóa đơn không hợp pháp, hóa đơn không đúng quy định để kê khai thuế GTGT đầu vào và hạch toán chi phí sản xuất kinh doanh nhưng không dẫn đến thiếu số thuế phải nộp, tăng số thuế được miễn, giảm hoặc chưa được hoàn thuế thì không bị xử phạt theo quy định tại Điều 14, Điều 15 mà xử phạt theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định này. Khi đó NNT có hành vi vi phạm vẫn bị bị xử phạt về hành vi vi phạm quy định về sử dụng hóa đơn theo Điều 27 Nghị định này.  + Đối với trường hợp bên mua hàng hóa khi sử dụng hóa đơn của bên bán hàng đang bị cưỡng chế hóa đơn. Trong trường hợp này là lỗi của bên bán hàng nên cần xử lý nghiêm. Đối với bên mua hàng khi đã xử phạt về thuế đề nghị không xử phạt sử dụng hóa đơn không hợp pháp vì đây là lỗi của bên bán hàng.  **3/ Tại điểm a Khoản 3 Điều 5 Dự thảo Nghị định đã nêu:**  *“3. Biện pháp khắc phục hậu quả*  *a) Buộc nộp đủ số tiền thuế thiếu, số tiền thuế trốn vào ngân sách nhà nước”.*  **Đề nghị sửa lại như sau:**  *“3. Biện pháp khắc phục hậu quả*   1. *Buộc nộp đủ số tiền thuế thiếu, số tiền thuế trốn,* ***tiền chậm nộp*** *vào ngân sách nhà nước.*   **4/ Tại điểm a Khoản 1 Điều 6 Dự thảo Nghị định đã nêu:**  *“1.Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn*  *a)Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về hóa đơn là 01 năm, kể từ ngày thực hiện hành vi vi phạm đến ngày ra quyết định xử phạt.”*  **Đề nghị sửa lại như sau:**  *“a). Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về hóa đơn là* ***02*** *năm, kể từ ngày thực hiện hành vi vi phạm đến ngày ra quyết định xử phạt****.****”*  **Lý do:** Hiện nay hồ sơ khai thuế không còn bảng kê hóa đơn hàng hóa mua vào, bán ra nên cơ quan thuế khi kiểm tra hồ sơ khai thuế tại bàn sẽ không phát hiện những sai phạm kịp thời về hóa đơn của người nộp thuế. Trong trường hợp NNT sử dụng hóa đơn không hợp pháp để kê khai thuế trong quý 1 năm trước nhưng sớm nhất phải quý 2 năm sau cơ quan thuế mới thực hiện kiểm tra chấp hành pháp luật thuế năm trước tại trụ sở người nôp thuế. Như vậy các hành vi này kể từ ngày thực hiện hành vi vi phạm đến ngày cơ quan thuế có quyết định kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế đã **quá thời hạn 01năm** nên sẽ không thể xử phạt vi phạm hành chính về hóa đơn.  **5/ Tại Khoản 3 và khoản 5, điều 7 Dự thảo Nghị định nêu:**  *“3*. *Không xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với t*rường hợp khai sai, người nộp thuế đã khai bổ sung hồ sơ khai thuế và đã tự giác nộp đủ số tiền thuế phải nộp trước thời điểm cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế *hoặc trước thời điểm cơ quan thuế phát hiện không qua thanh tra, kiểm tra thuế tại trụ sở của người nộp thuế hoặc trước khi cơ quan có thẩm quyền phát hiện.”*  **Đề nghị sửa lại Khoản 3 điều 7 như sau:**  *“3*. *Không xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với t*rường hợp khai sai, người nộp thuế đã khai bổ sung hồ sơ khai thuế và đã tự giác nộp đủ số tiền thuế phải nộp trước thời điểm cơ quan thuế ***hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền*** công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế *hoặc trước thời điểm cơ quan thuế phát hiện* ***thông*** *qua thanh tra, kiểm tra thuế tại trụ sở của người nộp thuế hoặc trước khi cơ quan có thẩm quyền phát hiện.”*  **6/ Tại khoản 5, điều 11 Dự thảo Nghị định nêu:**  *“5. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi nộp hồ sơ khai thuế sau 90 ngày kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ khai thuế, có phát sinh số thuế phải nộp và người nộp thuế đã nộp đủ số tiền thuế, tiền chậm nộp vào ngân sách nhà nước trước thời điểm cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế hoặc trước thời điểm cơ quan thuế lập biên bản về hành vi chậm nộp hồ sơ thuế theo khoản 1 Điều 143 Luật quản lý thuế…*”  **Đề nghị sửa lại Khoản 5 điều 11 như sau**  5. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi nộp hồ sơ khai thuế sau 90 ngày kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ khai thuế, có phát sinh số thuế phải nộp và người nộp thuế đã nộp đủ số tiền thuế, tiền chậm nộp vào ngân sách nhà nước trước thời điểm cơ quan thuế ***hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền*** công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế hoặc trước thời điểm cơ quan thuế lập biên bản về hành vi chậm nộp hồ sơ thuế theo khoản 1 Điều 143 Luật quản lý thuế.”  **7/ Tại khoản 2 Điều 16 Dự thảo Nghị định nêu:**  ***“****2. Bên bảo lãnh phải nộp thay tiền thuế, tiền chậm nộp tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp tiền phạt (nếu có) cho người nộp thuế theo nội dung cam kết tại văn bản bảo lãnh trong trường hợp người nộp thuế không nộp vào ngân sách nhà nước.*  *Nếu quá thời hạn bảo lãnh mà người nộp thuế chưa nộp hoặc chưa nộp đủ tiền thuế nợ, tiền chậm nộp tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp tiền phạt mà bên bảo lãnh chưa thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thì bên bảo lãnh bị tính tiền chậm nộp do chậm nộp tiền thuế, tiền phạt và có thể bị cưỡng chế theo quy định tại Luật quản lý thuế.”*  **Đề nghị sửa lại như sau:**  ***“****2. Bên bảo lãnh phải nộp thay tiền thuế, tiền chậm nộp tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp tiền phạt (nếu có) cho người nộp thuế theo nội dung cam kết tại văn bản bảo lãnh trong trường hợp người nộp thuế không nộp vào ngân sách nhà nước.*  *Nếu quá thời hạn bảo lãnh mà người nộp thuế chưa nộp hoặc chưa nộp đủ tiền thuế nợ, tiền chậm nộp tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp tiền phạt mà bên bảo lãnh chưa thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thì bên bảo lãnh bị tính tiền chậm nộp do chậm nộp tiền thuế, tiền phạt và* ***bị áp dụng biện pháp*** *cưỡng chế theo quy định tại Luật quản lý thuế.”*  **8/ Tại điểm a và điểm b Khoản 1 Điều 18 Dự thảo Nghị định đã nêu:**  “*1. Phạt cảnh cáo đối với một trong các hành vi sau đây:*  *a) Tự in hóa đơn không đủ hoặc không đúng các nội dung trên hóa đơn theo quy định nhưng đã tự khắc phục, đảm bảo phản ánh đầy đủ nghiệp vụ kinh tế phát sinh, không ảnh hưởng đến số thuế phải nộp (****trừ trường hợp quy định tại điểm a Khoản 2 Điều này)****;*  *b) Khởi tạo hóa đơn điện tử không đủ hoặc không đúng các nội dung trên hóa đơn theo quy định,* ***trừ trường hợp quy định tại điểm a Khoản 2 Điều này****;*”  **Đề nghị Nghị định hướng dẫn nội dung quy định tại điểm a Khoản 2 Điều này.**  **Lý do:** Qua nghiên cứu dự thảo Nghị định không có nội dung tại Điểm a Khoản 2 Điều này.  **9/ Tại Điểm c, Khoản 3 Điều 18 Dự thảo Nghị định đã nêu**:  *“3*. Phạt tiền từ4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với một trong các hành vi:  …  c) Đăng ký sai trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử có mã hoặc không có mã của cơ quan thuế;  ….”  **Đề nghị Nghị định bỏ nội dung tại Điểm c Khoản 3 Điều 18.**  **Lý do:** Sau khi NNT đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử có mã/không có mã của Cơ quan Thuế, Cơ quan Thuế thực hiện ra thông báo chấp nhận/không chấp nhận sử dụng hóa đơn điện tử có mã/không có mã của Cơ quan Thuế. Đơn vị chưa sử dụng hóa đơn nên không phạt hành vi này.  **10/ Tại Khoản 6 Điều 18 Dự thảo Nghị định đã nêu:**  “6. Biện pháp khắc phục hậu quả  a) Buộc hủy các hóa đơn được in hoặc khởi tạo không đúng quy định đối với hành vi quy định tại **điểm a khoản 2**, điểm a khoản 3 và khoản 4 Điều này.  b) Buộc phải khởi tạo, đăng ký hóa đơn điện tử đúng quy định đối với hành vi quy định tại **điểm a khoản 2**, điểm b, c khoản 3 Điều này.  c) Buộc bổ sung thông tin trên đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử đối với hành vi quy định tại **điểm c khoản 1, điểm b khoản 2**, điểm d khoản 3 Điều này.  d) Buộc kết chuyển dữ liệu điện tử từ máy tính tiền với cơ quan thuế đối với hành vi quy định tại **điểm đ khoản 3** Điều này.”  **Đề nghị Nghị định hướng dẫn nội dung quy định tại điểm c khoản 1; điểm a, điểm b khoản 2, điểm đ khoản 3 Điều này.**  **Lý do:** Qua nghiên cứu dự thảo Nghị định không có các nội dung tại điểm c khoản 1; điểm a, điểm b Khoản 2; điểm đ khoản 3 Điều này.  **11/ Tại điểm a Khoản 1 và điểm a Khoản 2 Điều *22* Dự thảo Nghị định đã nêu:**  “1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với một trong các hành vi:  a) Nộp thông báo điều chỉnh thông tin tại thông báo phát hành hóa đơn đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp *khi thay đổi tên hoặc địa chỉ kinh doanh;*  *….*  2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với một trong các hành vi:  c) Nộp thông báo điều chỉnh thông tin tại thông báo phát hành hóa đơn đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp;”  **Đề nghị sửa lại như sau:**  “1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với một trong các hành vi:  a) Nộp thông báo điều chỉnh thông tin tại thông báo phát hành hóa đơn đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp *khi thay đổi tên hoặc địa chỉ kinh doanh* ***chậm sau 10 ngày kể từ ngày bắt đầu sử dụng hóa đơn tại địa chỉ mới;***  *…..*  2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với một trong các hành vi:  …  c) Nộp thông báo điều chỉnh thông tin tại thông báo phát hành hóa đơn đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp ***khi thay đổi tên hoặc địa chỉ kinh doanhtừ sau 20 ngày kể từ ngày bắt đầu sử dụng hóa đơn tại địa chỉ mới***;”  **12/ Đề nghị sửa lại Khoản 2, Điều 40 và Khoản 1, Điều 42 và điểm a Khoản 1 Điều 45 Dự thảo Nghị định như sau*:***  **“Điều 40.Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn**  *….*  *2. Thời hạn thi hành quyết định xử phạt là 10 ngày, kể từ* ***ban hành*** *quyết định xử phạt; trường hợp quyết định xử phạt có ghi thời hạn thi hành nhiều hơn 10 ngày thì thực hiện theo thời hạn đó.*  ***“Điều 42. Thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn***  *1. Tổ chức, cá nhân bị xử phạt phải chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày* ***ban hành*** *quyết định xử phạt vi phạm hành chính; trường hợp quyết định xử phạt vi phạm hành chính có ghi thời hạn nhiều hơn 10 ngày thì thực hiện theo thời hạn đó. Tổ chức, cá nhân vi phạm cố tình không nhận quyết định xử phạt thì quyết định xử phạt được thi hành trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày* ***ban hành*** *quyết định xử phạt.*  *Trường hợp, cá nhân, tổ chức bị xử phạt khiếu nại, khởi kiện đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính thì vẫn phải chấp hành quyết định xử phạt, trừ trường hợp trong quá trình giải quyết khiếu nại, khởi kiện xét thấy việc thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính sẽ gây hậu quả khó khắc phục thì người giải quyết khiếu nại, khởi kiện ra quyết định tạm đình chỉ việc thi hành quyết định đó theo quy định của pháp luật.*  ***“Điều 45. Nộp tiền phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn***  *1. Thủ tục nộp tiền phạt vi phạm hành chính*  *a) Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày* ***ban hành*** *quyết định xử phạt, cá nhân, tổ chức bị xử phạt phải nộp tiền phạt tại kho bạc nhà nước hoặc nộp vào tài khoản của kho bạc nhà nước được ghi trong quyết định xử phạt.*  *Trường hợp quyết định xử phạt có ghi thời hạn nhiều hơn 10 ngày thì tổ chức, cá nhân vi phạm có trách nhiệm nộp tiền phạt theo thời hạn ghi trên quyết định xử phạt, kể từ ngày* ***ban hành*** *quyết định xử phạt.”*  **Lý do:**Theo qui định tại Nghị định 129/2013/NĐ-CP thì “Thời hạn thi hành quyết định xử phạt là 10 ngày, kể từ ngày nhận quyết định xử phạt” đã gây nhiều tranh cãi khi NNT không nhận được quyết định xử phạt kịp thời. Thời hạn NNT nhận được quyết định xử phạt có thể trước hoặc sau 10 ngày kể từ ngày ban hành quyết định xử phạt nhưng trên phần mềm vẫn tính tiền chậm nộp sau 10 ngày kể từ ngày ban hành quyết định xử phạt.  **13/ Tại điểm a khoản 3, Điêu 45 dự thảo Nghị định đã nêu:**  “ *Tính tiền chậm nộp tiền phạt*  *a) Tổ chức, cá nhân chậm nộp tiền phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn thì bị tính tiền chậm nộp tiền phạt theo mức 0,05%/ngày tính trên số tiền phạt chậm nộp.”*  **Đề nghị sửa lại là:**  “*3. Tính tiền chậm nộp tiền phạt*  *a) Tổ chức, cá nhân chậm nộp tiền phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn thì bị tính tiền chậm nộp tiền phạt theo mức 0,03%/ngày tính trên số tiền phạt chậm nộp.”*  Lý do: Phù hợp với Luật 38 qui định tại Điều 59. “Xử lý đối với việc chậm nộp tiền thuế”. |  |
| 23 | Trà Vinh | Sở Tài chính:  - Tại Khoản 5 Điều 3 Nghị định về nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính về thuế; hóa đơn đề nghị sửa đổi như sau  *5. Một hành vi vi phạm hành chính chỉ bị xử phạt một lần, cụ thể:*  *…*  *b) Trường hợp hành vi vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn có* ***số thuế trốn đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự cơ quan thuế phải*** *~~dấu hiệu tội phạm đã~~ chuyển hồ sơ đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự,* ***trường hợp cơ quan pháp luật xác định không đủ yếu tố cấu thành tội phạm thì cơ quan thuế được xử phạt hành vi trốn thuế theo quy định.*** *~~và cơ quan tiến hành tố tụng hình sự đã có quyết định khởi tố vụ án mà trước đó người có thẩm quyền xử phạt đã có quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn thì người đã ra quyết định xử phạt phải ra quyết định huỷ bỏ quyết định xử phạt; nếu chưa ra quyết định xử phạt thì không xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn đối với hành vi đó.~~*  Lý do: Trường hợp có số thuế trốn đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự cơ quan thuế phải chuyển hồ sơ đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự xem xét, nên trường hợp này cơ quan thuế không có xử lý.  - Tại khoản 1, 2 Điều 4 đề nghị quy định rỏ về các tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng trong Nghị định để dễ thực hiện trong xử lý vi phạm.  - Đề nghị bãi bỏ Khoản 6 Điều 11 cho phù hợp với Luật Quản lý thuế. Vì theo Luật Quản lý thuế thời gian gian hạn không tính vào ngày chậm nộp.  - Tại Điều 24 về xử phạt hành vi vi phạm quy định về khai báo mất, cháy, hỏng hóa đơn đề nghị bổ sung:  1. *Phạt* ***cảnh*** *cáo đối với hành vi khai báo mất, cháy, hỏng hóa đơn (hóa đơn trước khi thông báo phát hành hoặc hóa đơn đã mua nhưng chưa lập) cho cơ quan thuế quá thời* ***gian*** *từ 01 ngày đến 05 ngày kể từ ngày hết thời hạn khai báo theo quy định và có tình tiết giảm nhẹ.*  *2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi khai báo mất, cháy, hỏng hóa đơn (hóa đơn trước khi thông báo phát hành hoặc hóa đơn đã mua nhưng chưa lập) cho cơ quan thuế quá thời* ***gian*** *từ 01 ngày đến 05 ngày kể từ ngày hết thời hạn khai báo theo quy định (trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này).*  *-* Tại Điểm b Khoản 3 Điều 24 (trang 24) đề nghị quy định rõ ngày thứ mấy trở lên là không khai báo đúng quy định việc mất hóa đơn trước khi thông báo phát hành hoặc hóa đơn đã mua nhưng chưa lập.  *-* Tại Khoản 2 Điều 25 về xử phạt hành vi làm mất, cháy, hỏng hóa đơn của bên bán, bên mua hàng đề nghị sửa đổi như sau:  *2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi làm mất, cháy, hỏng hóa đơn đã lập (liên giao cho khách hàng), người bán và người mua lập biên bản ghi nhận sự việc, người bán đã kê khai, nộp thuế* ***(đối với trường hợp đã hết thời hạn kê khai)****, có hồ sơ, tài liệu, chứng từ chứng minh việc mua bán hàng hóa và một tình tiết giảm nhẹ.*  Lý do: Người bán mất hóa đơn đã lập (liên giao cho khách hàng)trong thời gian chưa hết thời gian kê khai thuế tháng hoặc quý, nên không xác định được người bán đã kê khai, nộp thuế hay chưa.  - Tại Khoản 5 và Khoản 6 Điều 28 về xử phạt hành vi quy định về lập, gửi thông báo và báo cáo cho cơ quan thuế, đề nghị bổ sung:  *5. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng với hành vi nộp thông báo, báo cáo gửi cơ quan thuế quá thời hạn quy định từ ~~sau~~* ***trên*** *20 ngày* ***đến 30 ngày*** *kể từ ngày hết thời hạn theo quy định.*  *6. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng với hành vi không nộp thông báo, báo cáo gửi cơ quan thuế theo quy định.* ***Hành vi không nộp thông báo, báo cáo gửi cơ quan thuế, trừ thông báo phát hành hóa đơn, được tính sau 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn theo quy định.***  Lý do: Nhằm khuyến khích NNT nộp thông báo, báo cáo và xác định cụ thể thời gian không nộp thông báo, báo cáo gửi cơ quan thuế.  - Tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 29 về xử phạt hành vi vi phạm quy định về chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử, đề nghị bổ sung như sau:  2. *Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với hành vi sau đây:*  a) *Chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử cho cơ quan thuế quá hạn từ 06 ngày* ***đến 10 ngày*** *làm việc trở lên;*  b) *Chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử cho cơ quan thuế không đầy đủ theo quy định.*  3. *Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử cho cơ quan thuế theo thời hạn quy định.* ***Hành vi không chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử cho cơ quan thuế*** ***được tính sau 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn theo quy định.***  Lý do: Nhằm khuyến khích NNT chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử và xác định cụ thể thời gian không chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử cho cơ quan thuế. |  |
| 24 | Yên Bái | **UBND giao Sở Tài chính:**  **1. Tại Điều 8, Khoản 3 Dự thảo Nghị định quy định:**  *Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với hành đăng ký thuế* ..... ( thiếu chữ vi*)*  **-** Ý kiến tham gia: Bổ sung thêm chữ vi: *Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với hành vi đăng ký thuế ....*  **2. Tại Điểm b, Điểm c, Khoản 1, Điều 13 Dự thảo Nghị định quy định:**  *“b) Không chấp hành quyết định thanh tra, kiểm tra thuế quá thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày phải chấp hành quyết định của cơ quan có thẩm quyền mà không có lý do chính đáng;*  *c) Từ chối, trì hoãn việc cung cấp hồ sơ, tài liệu, hoá đơn, chứng từ, sổ kế toán liên quan đến nghĩa vụ thuế quá thời hạn 06 giờ làm việc, kể từ khi nhận được yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền trong thời gian kiểm tra, thanh tra tại trụ sở người nộp thuế mà không có lý do chính đáng;”*  - Ý kiến tham gia: Thực tế khi NNT không chấp hành quyết định thanh tra, kiểm tra, hoặc từ chối, trì hoãn việc cung cấp hồ sơ tài liệu, hóa đơn sẽ đưa ra rất nhiều lý do. Vậy lý do chính đáng là gì? Đề nghị sửa lý do chính đáng bằng sự việc bất khả kháng.  **3. Tại Khoản 2, Điều 48, Dự thảo Nghị định quy định:** Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.  - Ý kiến tham gia: Bổ sung mẫu Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.  Các nội dung khác: Cục Thuế nhất trí với dự thảo Nghị định. |  |
| 25 | Vĩnh Phúc | Cục Thuế nhất trí với dự thảo Nghị định |  |
| 26 | Quảng Bình | Khoản 1 Điều 39 đề nghị quy định:  **“Điều *39*. Thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn**  *1. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn phải ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 07 ngày* ***làm việc****, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn.”*  Lý do: quy định rõ ngày làm việc để tránh hiểu nhầm trong quá trình áp dụng. |  |
| 27 | Phú Yên | Cục Thuế nhất trí với dự thảo Nghị định |  |
| 28 | Ninh Bình | Chuyển Cục Thuế đã TG:  - Về trường hợp không xử phạt vi phạm hành chính về thuế (Điều 7): bổ sung quy định về không xử phạt đối với các trường hợp:  + Không xử phạt đối với trường hợp người nộp thuế vi phạm hành chính do thực hiện theo hướng dẫn, quyết định xử lý của cơ quan thuế hoặc cơ quan có thẩm quyền liên quan đến nội dung xác định nghĩa vụ thuế của người nộp thuế.  **+ Bỏ cụm từ *“hướng dẫn”* và *“xử lý”*.** Sửa lại là: Không xử phạt đối với trường hợp người nộp thuế vi phạm hành chính do thực hiện theo “*quyết định”* của cơ quan thuế hoặc cơ quan có thẩm quyền liên quan đến nội dung xác định nghĩa vụ thuế của người nộp thuế.  - Tại Khoản 4, khoản 5 Điều 2; tại Điểm đ Khoản 1 Điều 14; tại Điểm d Khoản 1 Điều 15 và tại Tại khoản 2 điều 27 của dự thảo Nghị định quy định đang sử dụng các cụm từ "*hóa đơn, chứng từ không hợp pháp", "không hợp pháp hóa đơn, chứng từ", "hóa đơn không hợp pháp", "không hợp pháp hóa đơn".* Tuy nhiên theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành hướng dẫn về hóa đơn, chứng từ (Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ; Nghị định số 119/2018/NĐ-CP ngày 12/9/2018 của Chính phủ quy định về hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ...) đều đang sử dụng cụm từ *"hóa đơn bất hợp pháp" hoặc "bất hợp pháp hóa đơn".* Vì vậy, đề xuất sửa các cụm từ nêu trên thành "*hóa đơn, chứng từ bất hợp pháp", "bất hợp pháp hóa đơn, chứng từ", "hóa đơn bất hợp pháp", "bất hợp pháp hóa đơn"* để thống nhất cách dùng từ với quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành hướng dẫn về hóa đơn, chứng từ.  - Tại Khoản 1 Điều 5 dự thảo Nghị định quy định về hình thức xử phạt chính:  *"1. Hình thức xử phạt chính*  *a) Cảnh cáo*  *Phạt cảnh cáo áp dụng đối với hành vi vi phạm thủ tục thuế, hóa đơn không nghiêm trọng, có tình tiết giảm nhẹ và theo quy định áp dụng hình thức xử phạt cảnh cáo..."*  Đề nghị làm rõ nội dung cụm từ "không nghiêm trọng" để có căn cứ cụ thể khi áp dụng hình thức xử phạt cảnh cáo.  - Tại Điểm b Khoản 1 Điều 6 dự thảo Nghị định quy định về thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn:  *"b) Thời hiệu xử phạt đối với hành vi vi phạm thủ tục thuế là 02 năm, kể từ ngày thực hiện hành vi vi phạm đến ngày ra quyết định xử phạt.*  *Ngày thực hiện hành vi vi phạm hành chính về thuế là ngày kế tiếp ngày kết thúc thời hạn phải thực hiện thủ tục về thuế theo quy định của Luật quản lý thuế..."*  **Đề nghị sửa thành:**  *"b) Thời hiệu xử phạt đối với hành vi vi phạm thủ tục thuế là 02 năm, kể từ ngày thực hiện hành vi vi phạm hành chính về thuế đến ngày ra quyết định xử phạt.*  *Ngày thực hiện hành vi vi phạm hành chính về thuế là ngày kế tiếp ngày kết thúc thời hạn phải thực hiện thủ tục về thuế theo quy định của Luật quản lý thuế..."*  **Lý do:** Đề nghị sửa cụm từ "*ngày thực hiện hành vi vi phạm"* thành cụm từ *"ngày thực hiện hành vi vi phạm hành chính về thuế"* để thống nhất với định nghĩa của cụm từ này được nêu ở khổ phía dưới.  - Tại Điều 22 quy định về xử phạt hành vi vi phạm quy định về phát hành hóa đơn:  *"1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với một trong các hành vi:*  *a) Nộp thông báo điều chỉnh thông tin tại thông báo phát hành hóa đơn đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp khi thay đổi tên hoặc địa chỉ kinh doanh;*  *...*  *2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với một trong các hành vi:*  *...*  *c) Nộp thông báo điều chỉnh thông tin tại thông báo phát hành hóa đơn đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp;*  *..."*  **Đề nghị sửa thành:**  *"1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với một trong các hành vi:*  *a) Nộp Thông báo điều chỉnh thông tin tại thông báo phát hành hóa đơn đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp khi thay đổi tên hoặc địa chỉ kinh doanh chậm sau ....ngày kể từ ngày thay đổi tên hoặc địa chỉ kinh doanh;*  *...*  *2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với một trong các hành vi:*  *...*  *c) Nộp thông báo điều chỉnh thông tin tại thông báo phát hành hóa đơn đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp khi thay đổi tên hoặc địa chỉ kinh doanh chậm sau ....ngày kể từ ngày thay đổi tên hoặc địa chỉ kinh doanh;*  *..."*  **Lý do**:  + Bổ sung thêm cụm từ *"khi thay đổi tên hoặc địa chỉ kinh doanh"* vào Điểm c Khoản 2 Điều 22 dự thảo Nghị định để đồng nhất với quy định tại Điểm a khoản 1 Điều 22.  + Đề nghị bổ sung thêm cụm từ "*chậm sau ....ngày kể từ ngày thay đổi tên hoặc địa chỉ kinh doanh"* vào Điểm a và Điểm c khoản 2 Điều 22 dự thảo Nghị định để có căn cứ xử phạt theo từng mức phạt cụ thể quy định tại từng Khoản tại Điều này.  - Tại Điều 25 quy định về xử phạt hành vi làm mất, cháy, hỏng hóa đơn của bên bán, bên mua hàng:  *"1. Phạt cảnh cáo đối với một trong các hành vi sau đây:*  *a) Làm mất, cháy, hỏng hóa đơn đã lập (liên giao cho khách hàng), người bán và người mua lập biên bản ghi nhận sự việc, người bán đã kê khai, nộp thuế, có hồ sơ, chứng từ chứng minh việc mua bán hàng hóa và từ hai tình tiết giảm nhẹ.*  *~~b) Làm mất, chảy, hỏng hóa đơn đã lập ...~~*  *~~c) Làm mất, chảy, hỏng hóa đơn đã lập ...~~*  *2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng..."*  **Đề nghị sửa thành:**  *"1. Phạt cảnh cáo đối với hành vi sau đây:*  *Làm mất, cháy, hỏng hóa đơn đã lập (liên giao cho khách hàng), người bán và người mua lập biên bản ghi nhận sự việc, người bán đã kê khai, nộp thuế, có hồ sơ, chứng từ chứng minh việc mua bán hàng hóa và từ hai tình tiết giảm nhẹ.*  *2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng..."*  **Lý do:** bỏ cụm từ "*một trong các"* và điểm *"a)"* vì tại khoản này chỉ có 1 hành vi phạt cảnh cáo.  - Tại Điều 28 dự thảo Nghị định quy định:  *"Điều 28. Xử phạt hành vi quy định về lập, gửi thông báo và báo cáo cho cơ quan thuế (trừ thông báo phát hành hóa đơn)*  *1. Phạt cảnh cáo đối với hành vi nộp báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn quá thời hạn quy định từ 01 ngày đến 05 ngày mà có tình tiết giảm nhẹ.*  *2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:*  *a) Nộp báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn quá thời hạn quy định từ 01 ngày đến 10 ngày (trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này)..."*  **Đề nghị sửa thành:**  *"Điều 28. Xử phạt hành vi quy định về lập, gửi thông báo và báo cáo cho cơ quan thuế (trừ thông báo phát hành hóa đơn và thông báo điều chỉnh thông tin tại thông báo phát hành hóa đơn)*  *1. Phạt cảnh cáo đối với hành vi nộp thông báo, báo cáo về hóa đơn quá thời hạn quy định từ 01 ngày đến 05 ngày mà có tình tiết giảm nhẹ.*  *2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:*  *a) Nộp nộp thông báo, báo cáo về hóa đơn quá thời hạn quy định từ 01 ngày đến 10 ngày (trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này)..."*  **Lý do:**  + Bổ sung thêm cụm từ "*và thông báo điều chỉnh thông tin tại thông báo phát hành hóa đơn"* vào quy định vì hành vi này đã được xử phạt tại Điều 22 của dự thảo Nghị định.  + thay cụm từ "*nộp báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn"* thành cụm từ "*nộp thông báo, báo cáo về hóa đơn"* vì ngoài báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn thì còn có Thông báo mất, cháy, hỏng hóa đơn (tại Điều 24 dự thảo Nghị định có quy định về việc xử phạt hành vi vi phạm quy định về khai báo mất, cháy, hỏng hóa đơn nhưng chỉ đối với hóa đơn trước khi thông báo phát hành hoặc hóa đơn đã mua nhưng chưa lập nên chưa đủ các trường hợp Thông báo mất, cháy hỏng hóa đơn (như mất, cháy hỏng hóa đơn mua hàng; hóa đơn bán hàng đã lập đang lưu trữ...)  - Tại Điểm đ Khoản 2 Điều 34 của dự thảo Nghị định quy định về lập biên bản vi phạm hành chính điện tử:  *"đ) Lập biên bản vi phạm hành chính điện tử*  *Trường hợp người nộp thuế chậm nộp hồ sơ đăng ký thuế, chậm thay đổi thông tin trên đăng ký thuế, chậm nộp hồ sơ khai thuế, quyết toán thuế bằng phương thức điện tử thì thông báo tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế, hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế, hồ sơ khai thuế, quyết toán thuế bằng phương thức điện tử xác định rõ thời gian chậm nộp và hành vi vi phạm hành chính của người nộp thuế thì thông báo này là biên bản vi phạm hành chính điện tử làm căn cứ ban hành quyết định xử phạt."*  **Đề nghị sửa thành:**  *"Trường hợp người nộp thuế chậm nộp hồ sơ về hóa đơn, chậm nộp hồ sơ đăng ký thuế, chậm thay đổi thông tin trên đăng ký thuế, chậm nộp hồ sơ khai thuế, quyết toán thuế điện tử thì thông báo tiếp nhận hồ sơ về hóa đơn, hồ sơ đăng ký thuế, hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế, hồ sơ khai thuế, quyết toán thuế bằng phương thức điện tử xác định rõ hành vi vi phạm hành chính của người nộp thuế thì thông báo này là biên bản vi phạm hành chính điện tử làm căn cứ ban hành quyết định xử phạt."*  **Lý do:**Bổ sung thêm 2 cụm từ đã được gạch chân vì hồ sơ về hóa đơn cũng đang được người nộp thuế nộp bằng phương thức điện tử. |  |
| 29 | Lâm Đồng | Chuyển Cục Thuế đã TG:  1.Tại điểm a Khoản 1 Điều 6 đề xuất bổ sung thêm “a) Ngày thực hiện hành vi vi phạm hành chính về hóa đơn là ngày hóa đơn được lập hoặc ngày lập hóa đơn thay thế hóa đơn hủy bỏ”.  2.Tại khoản 1 Điều 18 đề xuất bỏ điểm b do trùng với khoản 2.  3. Tất cả các Quyết định không cần thiết phải có dòng diễn giải về đơn vị công tác của người ban hành quyết định xử phạt VPHC “Đơn vị….”, do ở trên (địa danh) đã có tên cơ quan ra quyết định.  VD mẫu số 01/QĐ.  4.Tất cả các quyết định nên bổ sung trên phần căn cứ nội dung: “Tôi…; chức vụ…” để thống nhất theo NĐ 97. VD mẫu số 02/QĐ. |  |
| 30 | Hải Phòng | 1. Tại Điều 7 của Dự thảo Nghị định đề nghị bổ sung thêm 1 trường hợp không xử phạt vi phạm hành chính về thuế:  "Không xử phạt hành chính về thuế đối với hành vi vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn có dấu hiệu tội phạm đã chuyển hồ sơ đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự và cơ quan tiến hành tố tụng hình sự đã có quyết định khởi tố vụ án".  Lý do: Để đồng nhất với nội dung quy định tại điểm b khoản 5 Điều 3 của Dự thảo Nghị định.  \*. Tại Khoản 2, Điều 7 dự thảo Nghị định: "2. Không xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với người nộp thuế vi phạm hành chính về thuế do thực hiện theo văn bản hướng dẫn, quyết định xử lý của cơ quan thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến nội dung xác định nghĩa vụ thuế của người nộp thuế  Quyết định xử lý của cơ quan thuế liên quan đến nội dung xác định nghĩa vụ thuế theo quy định tại khoản này bao gồm: quyết định hoàn thuế; quyết định miễn, giảm thuế; quyết định gia hạn nộp hồ sơ khai thuế; số thuế giá trị gia tăng được khấu trừ hoặc số lỗ chuyển kỳ sau trên quyết định xử lý sau thanh tra, kiểm tra thuế. Trường hợp thanh tra, kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế chưa phát hiện ra sai sót của người nộp thuế trong việc kê khai, xác định số tiền thuế phải nộp hoặc số tiền thuế được miễn, giảm nhưng sau đó hành vi vi phạm hành chính về thuế của người nộp thuế bị phát hiện thì vẫn bị xử lý theo quy định."  - Nội dung tham gia: Đề nghị quy định cụ thể hơn về các quyết định xử lý của cơ quan thuế dẫn đến NNT có hành vi vi phạm hành chính thuế để việc áp dụng được thống nhất trên cơ sở xác định trách nhiệm của cơ quan thuế hoặc người nộp thuế.    Ví dụ: Đối với nhóm quyết định hoàn thuế, quyết định miễn giảm thuế: cần xét thực tế vì việc giải quyết theo đề nghị của NNT, có nhiều yếu tố ảnh hưởng tới số thuế giải quyết hoàn, miễn, giảm mà theo Quy trình thủ tục, cơ quan thuế khi giải quyết, ban hành quyết định không kiểm soát được số thuế không đủ điều kiện khấu trừ, hoàn thuế, vì vậy cần phân loại:  + Trường hợp cơ quan thuế sau khi kiểm tra hồ sơ áp dụng sai trường hợp hoàn thuế, miễn giảm thuế dẫn đến ban hành quyết định hoàn, miễn, giảm sai so quy định;  + Trường hợp NNT có vi phạm làm ảnh hưởng tới số thuế được giải quyết hoàn, miễn, giảm theo quyết định của cơ quan thuế (gồm hoàn trước và kiểm trước) thì vẫn xử phạt hành chính như đang quy định tại Chương II Nghị định.  2. Tại Điều 8 Dự thảo Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi: "đăng ký chấm dứt hiệu lực mã số thuế quá thời hạn quy định"  Đề nghị Ban soạn thảo xem xét lại quy định này có nên đưa vào xử phạt phạt vi phạm hành chính không?  Lý do: Tại Điểm d, Khoản 1, Điều 65 Luật xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012 quy định những trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong đó có trường hợp "tổ chức vi phạm hành chính đã giải thể, phá sản trong thời gian xem xét ra quyết định xử phạt".  Vì khi có quyết định giải thể, phá sản người nộp thuế mới đăng ký chấm dứt hiệu lực mã số thuế, nếu bị chậm thì việc xử phạt hành vi này cũng trái quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012.  3. Tại Điểm a, Khoản 1, Điều 14 dự thảo Nghị định:  1. Phạt 20% tính trên số tiền thuế khai thiếu hoặc số tiền thuế đã được hoàn cao hơn so với quy định đối với các hành vi sau đây:  a) Khai sai căn cứ tính thuế hoặc số tiền thuế được khấu trừ hoặc xác định sai trường hợp được miễn, giảm, hoàn thuế dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn nhưng các nghiệp vụ kinh tế đã được phản ánh đầy đủ trên hệ thống sổ kế toán, hóa đơn, chứng từ hợp pháp;  - Nội dung tham gia: đề nghị Ban soạn thảo xem xét sửa đổi cụm từ " xác định sai trường hợp" thành "xác định sai số tiền" do:  + Việc xác định sai trường hợp hoàn thuế, miễn, giảm thuế có trách nhiệm của cơ quan thuế khi ban hành quyết định;  + "Xác định sai số tiền" phù hợp với thực tế và bao hàm nhiều nguyên nhân dẫn đến thiếu số thuế phải nộp, tăng số thuế được hoàn.  4. Tại khoản 2 Điều 18 của Dự thảo Nghị định đề nghị bổ sung thêm cụm từ: “không ký hợp đồng với tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử trước khi gửi thông báo phát hành hóa đơn điện tử đến Cơ quan Thuế” khi đó nội dung được sửa thành:  “2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với một trong các hành vi tự in hóa đơn, khởi tạo hóa đơn điện tử không đủ hoặc không đúng nội dung theo quy định; không ký hợp đồng với tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử trước khi gửi thông báo phát hành hóa đơn điện tử đến Cơ quan Thuế.”  Lý do: cho đồng nhất với nội dung quy định tại khoản 1 Điều 19 của Dự thảo Nghị định.  \*. Tại điểm c khoản 3 Điều 18 của Dự thảo Nghị định:  “c) Đăng ký sai trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử có mã hoặc không có mã của cơ quan thuế;”  - Nội dung tham gia: đề nghị Ban soạn thảo xem xét bỏ nội dung này  Lý do: Khi đơn vị đăng ký phát hành hóa đơn điện tử theo Nghị định 119/2019/NĐ-CP thì Cơ quan Thuế có trách nhiệm kiểm tra và trả thông báo chấp thuận hay không chấp thuận trong thời gian 1 ngày nên cán bộ Thanh tra - Kiểm tra khi rà soát tiêu chí rủi ro phải là người đầu tiên phát hiện ra việc doanh nghiệp đăng ký sai trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử có mã hoặc không có mã của cơ quan thuế để xử lý, nếu để xảy ra việc đăng ký sử dụng sai trường hợp thì cũng phải gắn trách nhiệm của Cơ quan Thuế trong khâu rà soát.  Thay vào đó nên bổ sung thêm hình phạt đối với việc tổ chức khởi tạo hóa đơn điện tử theo Thông tư số 32/2011/TT-BTC không đáp ứng đúng quy định tại khoản 2 Điều 4 của Thông tư: “c) Tổ chức khởi tạo hóa đơn điện tử theo Thông tư số 32 nhưng không có phần mềm bán hàng hoá, dịch vụ kết nối với phần mềm kế toán, đảm bảo dữ liệu của hoá đơn điện tử bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ được tự động chuyển vào phần mềm (hoặc cơ sở dữ liệu) kế toán tại thời điểm lập hoá đơn”. Áp dụng đối với trường hợp Nghị định xử phạt có hiệu lực giao thời đối với cả hóa đơn sử dụng theo Nghị định số 51/2010/NĐ-CP, Nghị định 04/2014/NĐ-CP và Nghị định 119/2019/NĐ-CP.  5. Tại điểm a khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 22 của Dự thảo Nghị định đề nghị bổ sung thêm từ “ Không” ở đầu câu và cụm từ “khi thay đổi cơ quan quản lý thuế” ở cuối điểm c; Khi đó nội dung sửa thành:  1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với một trong các hành vi:  “a) Không nộp thông báo điều chỉnh thông tin tại thông báo phát hành hóa đơn đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp khi thay đổi tên hoặc địa chỉ kinh doanh”  2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với một trong các hành vi:  “c) Không nộp thông báo điều chỉnh thông tin tại thông báo phát hành hóa đơn đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp khi thay đổi cơ quan quản lý thuế” |  |
| 31 | Hà Tĩnh | **Tại điểm b, khoản 2 Điều 28 dự thảo quy định:**  b) Lập sai hoặc không đầy đủ nội dung của thông báo, báo cáo theo quy định gửi cơ quan thuế, trừ thông báo phát hành hóa đơn.  Trường hợp tổ chức, cá nhân tự phát hiện sai sót và lập lại thông báo, báo cáo thay thế đúng quy định gửi cơ quan thuế trước khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định thanh tra thuế, kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế thì không bị phạt tiền.  **Đề nghị sửa đổi thành:**  b) Lập sai hoặc không đầy đủ nội dung của thông báo, báo cáo theo quy định gửi cơ quan thuế, trừ thông báo phát hành hóa đơn.  Trường hợp tổ chức, cá nhân tự phát hiện sai sót và lập lại thông báo, báo cáo thay thế đúng quy định gửi cơ quan thuế trước khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền ban hành Thông báo về việc người nộp thuế lập sai hoặc không đầy đủ thì không bị phạt tiền  **Lý do:** Hiện nay tình trạng NNT báo cáo (theo biểu BC26) sai hoặc không đầy đủ rất phổ biến, bản thân NNT cũng không biết sai như thế nào, chỉ khi phần mềm quản lý hóa đơn tại cơ quan thuế báo lỗi, cán bộ phụ trách ấn chỉ rà soát qua nhiều công đoạn thủ công mới biết để thông báo (bằng điện thoại) cho NNT sửa lại, nếu không có chế tài xử lý **kịp thời** thì NNT sẽ không **chú ý** khi làm báo cáo dẫn đến nhiều lỗi sai liên tục. |  |
| 32 | Hà Nam | Cục Thuế tham gia:   1. Đề nghị bổ sung thời hạn chậm nộp thông báo điều chỉnh tại điểm a khoản 1 Điều 22 và điểm c khoản 2 Điều 22. 2. Đề nghị sửa lỗi chính tả tại dự thảo Nghị định:  * Khoản 1 Điều 16 đề nghị bổ 01 từ “cầu” vì bị lặp. * Khoản 8 Điều 18 đề nghị xem xét trích dẫn các điều khoản hợp lý. * Điểm b khoản 1 Điều 21 đề nghị bỏ 01 từ “từ” vì bị lặp. * Khoản 2 Điều 21 đề nghị bổ sung từ “đến” trước cụm từ “50.000.000đ”. * Điểm h khoản 4 Điều 23 đề nghị bỏ 01 từ “đơn” vì bị lặp * Khoản 6 Điều 23 đề nghị rà soát trích dẫn điều khoản. * Điều 28 đề nghị xem xét đánh lại số thứ tự các đề mục. * Điểm c khoản 2 Điều 51 đề nghị sửa năm “2019” thành “2016”. |  |
| 33 | Hà Giang | Cục Thuế tham gia:  1.Điều 8 dự thảo Nghị định trùng 2 khoản 3  2. Điểm c Khoản 3 Điều 8 đề nghị làm rõ nội dung này để phân biệt với hành vi nộp chậm hồ sơ, chậm nộp bao nhiêu ngày thì được coi là không nộp hồ sơ khai thuế và thông báo thay đổi thông tin trong hồ sơ đăng ký thuế.  3.Tại Khoản 7 Khoản 8 Điều 3 và Khoản 4, Khoản 5 Điều 28 được ghi liền dòng, đề nghị tách xuống dòng phân biệt các khoản. |  |
| 34 | Bắc Giang | Cục Thuế tham gia:  1 Tại Tiết b3, Điểm b, Khoản 1, Điều 5 đề nghị bổ sung cụm từ *và miễm, giảm và sau chữ được hoàn* sau khi bổ sung sẽ là:  b3) Đối với hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn và miễn,giảm.  Vì tại Khoản 1, Điều 14 Chương II của dự thảo Nghị định có quy định về hành vi vi phạm hành chính về thuế, hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả có quy định miễn, giảm.  2 Tại Điểm b, Khoản1, Điều 6 đề nghị sửa đổi, bổ sung để làm rõ sau khi sửa đổi là:  “Ngày thực hiện hành vi vi phạm hành chính về thuế” là ngày thực hiện hành vi đó; ví dụ: “Ngày thực hiện hành vi vi phạm hành chính về hóa đơn” là ngày ghi trên hóa đơn vi phạm, trường hợp hóa đơn không ghi ngày tháng thì là ngày kết thúc phải nộp báo cáo kỳ sử dụng số hóa đơn đó. “Ngày thực hiện hành vi vi phạm hành chính về thuế” là ngày kết thúc thời hạn phải thực hiện kỳ kê khai thuế theo quy định.  3 Tại Điều 8 nên xem lại thứ tự các Khoản, hiện trên dự thảo có 02 Khoản 3.  4 Tại Khoản 1, Điều 16 Chương II đề nghị bổ sung cụm từ “thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt VPHC” vào sau chữ số tiền sau khi bổ sung là: Phạt tiền tương ứng với số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt vi phạm hành chính không trích chuyển vào tài khoản của NSNN đối với ngân hàng thương mại … cho phù hợp với nội dung quy định tại Khoản 2.  6 Tại Điều 19 nên xem lại thứ tự các Khoản, hiện trên dự thảo không có Khoản 4  7 Tại Khoản 1, Điều 20 ghi : “… *Báo cáo về việc nhận in hóa đơn quá thời hạn theo quy định từ từ 06 ngày đến 10 ngày và có tình tiết giảm nhẹ”*  Nên bỏ chữ từ sau khi bỏ đi sẽ là: “… *Báo cáo về việc nhận in hóa đơn quá thời hạn theo quy định từ 06 ngày đến 10 ngày và có tình tiết giảm nhẹ”.*  8.Tại Điểm i, Khoản 4, Điều 23 Chương III đề nghị bỏ: *Ngày ghi trên hóa đơn đã lập không trùng với ngày ký trên hóa đơn* thành như sau: i). *Ngày lập hóa đơn trên 3 liên không trùng khớp;* Vì tại Điểm e, Khoản 1, Điều 3 Thông tư số 68/2019/TT-BTC ngày 30/10/2019 của Bộ Tài chính quy định: Thời điểm lập hóa đơn điện tử xác định theo thời điểm người bán ký số, ký điện tử trên hóa đơn được hiển thị theo định dạng ngày, tháng, năm (ví dụ: ngày 30 tháng 4 năm 2019) và phù hợp với hướng dẫn tại Điều 4 Thông tư này.  9 Tại Khoản 1, Điều 24 ghi: “*Phạt* ***cáo đối*** *với hành vi khai báo mất, cháy, hỏng hóa đơn”.*  Nên thêm chữ cảnh sau khi thêm sẽ là: “*Phạt cảnh* ***cáo đối*** *với…”.*  10 Tại Khoản 3, Điều 24 ghi: “*đối vớ một trong các hành vi sau đây”.*  Nên thêm chữ i cạnh sau chữ vớ sau khi thêm sẽ là: “*đối với một trong các hành vi sau đây”.*  11 Tại Điều 28 nên xem lại thứ tự các Khoản, hiện trên dự thảo không có Khoản 3, Khoản 5.  12 Tại Khoản 2, Điều 31 ghi: **“**2*. Đội trưởng Đội Thuế trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ có quyền:*  *a) Phạt cảnh cáo.*  *b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm về thủ tục thuế quy định tại Điều 8, 9, 10, 11, 12, 13 Chương II và Chương III Nghị định này*.”  Ghi như vậy liệu có quá thẩm quyền với với các Điều, Khoản sau không?  Điều *8*. Xử phạt hành vi *vi phạm về thời hạn đăng ký thuế; đăng ký tạm ngừng hoạt động, kinh doanh; đăng ký tiếp tục hoạt động, kinh doanh trước thời hạn; đăng ký chấm dứt hiệu lực mã số thuế;*  3. Phạt tiền từ *6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng*  đối với một trong các hành vi sau đây:  5. Phạt tiền từ 5*.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng*  đối với một trong các hành vi sau đây:  Điều *10*. Xử phạt hành vi khai *sai, khai* không đầy đủ các nội dung trong hồ sơ thuế  *3*. Phạt tiền từ *5.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:*  *4. Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với hành vi kê khai không trung thực nội dung hồ sơ đăng ký thuế, hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế, hồ sơ tạm ngừng hoạt động, kinh doanh; hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế đã nộp đến cơ quan thuế*  Điều *11*. Xử phạt hành vi *vi phạm về thời hạn nộp hồ sơ khai thuế*  *3*. Phạt tiền từ *5.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng* đối với hành vi nộp hồ sơ khai thuế quá thời hạn quy định từ trên *30* ngày đến *60* ngày.  *4*. Phạt tiền từ *8.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng* đối với một trong các hành vi:  *5. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi nộp hồ sơ khai thuế sau 90 ngày kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ khai thuế, có phát sinh số thuế phải nộp và người nộp thuế đã nộp đủ số tiền thuế, tiền chậm nộp vào ngân sách nhà nước trước thời điểm cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế hoặc trước thời điểm cơ quan thuế lập biên bản về hành vi chậm nộp hồ sơ thuế theo khoản 1 Điều 143 Luật quản lý thuế.*  *Riêng trường hợp nếu số tiền bị xử phạt áp dụng theo khoản này lớn hơn số thuế phát sinh trên hồ sơ khai thuế thì mức phạt tiền tối đa đối với trường hợp này bằng số tiền thuế phát sinh phải nộp trên hồ sơ khai thuế.*  Điều *13*. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về chấp hành quyết định kiểm tra, thanh tra thuế, cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế  2. Phạt tiền từ *5.000.000 đến 10.000.000 đồng* đối với một trong các hành vi:  CHƯƠNG III  HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH VỀ HÓA ĐƠN, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ  Điều *18*. *Xử phạt h*ành vi vi phạm quy định về tự in hóa đơn;khởi tạo hóa đơn điện tử; *đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử*  *3*. Phạt tiền từ4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với một trong các hành vi:  *4.* Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi tự in hóa đơn giả (trừ trường hợp xác định do lỗi khách quan của phần mềm tự in hóa đơn) và hành vi khởi tạo hóa đơn điện tử giả.  Điều *19*. *Xử phạt h*ành vi vi phạm quy định về đặt in hóa đơn  *3.* Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với một trong các hành vi:  *5.* Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 45.000.000 đồng đối với hành vi cho, bán hóa đơn đặt in chưa phát hành cho tổ chức, cá nhân khác sử dụng.  *6.* Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi đặt in hóa đơn giả.  Điều *20*. *Xử phạt h*ành vi vi phạm quy định về in hóa đơn đặt in  *3*. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với một trong các hành vi:  *4*. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 18.000.000 đồng đối với một trong các hành vi:  *5*. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi chuyển nhượng toàn bộ hoặc một khâu bất kỳ trong hợp đồng in hóa đơn cho cơ sở in khác.  *Trường hợp tổ chức nhận đặt in hóa đơn chuyển nhượng khâu in ra phim (chế bản) cho cơ sở in khác thì bị xử phạt ở mức tối thiểu của khung phạt tiền quy định tại Khoản này.*  *6*. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến45.000.000 đồng đối với hành vi cho, bán hóa đơn đặt in của khách hàng này cho khách hàng khác.  *7*. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi in hóa đơn giả.  Điều *21*. *Xử phạt h*ành vi vi phạm quy định về mua hóa đơn *của cơ quan thuế*  *2*. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng 50.000.000 đồng đối với hành vi cho, bán hóa đơn đã mua nhưng chưa lập.  Điều *22*. *Xử phạt h*ành vi vi phạm quy định về phát hành hóa đơn  *3.* Phạt tiền từ6.000.000 đồng đến 18.000.000 đồng đối với hành vi không lập thông báo phát hành hóa đơn trước khi hóa đơn được đưa vào sử dụng nếu các hóa đơn này gắn với nghiệp vụ kinh tế phát sinh.  Điều *23*. *Xử phạt h*ành vi vi phạm quy định về *lập* hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ  *4*. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với một trong các hành vi:  *5*. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không lập hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ *bao gồm cả các trường hợp hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động (trừ hàng hóa luân chuyển nội bộ, tiêu dùng nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất* cho người mua theo quy định.  *Điều 24. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về khai báo mất, cháy, hỏng hóa đơn*  *2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi khai báo mất, cháy, hỏng hóa đơn (hóa đơn trước khi thông báo phát hành hoặc hóa đơn đã mua nhưng chưa lập) cho cơ quan thuế quá thời từ 01 ngày đến 05 ngày kể từ ngày hết thời hạn khai báo theo quy định (trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này).*  *3. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 18.000.000 đồng đối vớ một trong các hành vi sau đây:*  *Điều 25. Xử phạt hành vi làm mất, cháy, hỏng hóa đơn của bên bán, bên mua hàng*  3. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với một trong các hành vi:  *Điều 26. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về hủy hóa đơn*   1. *Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với hành vi:*   Điều *27.* Xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về sử dụng hóa đơn  *1. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 45.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:*  2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồngđến 50.000.000 đồng đối với *một trong các* hành vi *sau đây:*  Điều *28*. *Xử phạt h*ành vi quy định về lập, gửi thông báo và báo cáo cho cơ quan thuế *(trừ thông báo phát hành hóa đơn)*  *6*. Phạt tiền từ *5.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng* với hành vi không nộp thông báo, báo cáo gửi cơ quan thuế theo quy định.  *Điều 29. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử*  *2 Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với hành vi sau đây:*  *3 Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử cho cơ quan thuế theo thời hạn quy định.*  Điều *30*. *Xử phạt hành vi vi phạm quy định về cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử*  *2 Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với hành vi:*  *3..Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với hành vi cung cấp phần mềm tạo hóa đơn không đảm bảo nguyên tắc sinh số tự động liên tục khi lập hóa đơn điện tử (người sử dụng không thể can thiệp vào quá trình sinh số tự động).*  13 Tại mẫu số 06/BB cần có ghi chú (giải thích) để dễ thực hiện như là thuế GTGT Cột 9 =(6)-(7)-(8), vì kỳ đã hoàn thuế GTGT thì không có phát sinh vậy mà số đã được hoàn thuế GTGT lại được trừ vào số phát sinh trong kỳ phải nộp. |  |
| 35 | Tiền Giang | Cục Thuế tham gia nhất trí với dự thảo Nghị định |  |
| 36 | Lai Châu | Sở Tài chính tham gia nhất trí với dự thảo Nghị định |  |
| 37 | Quảng Ninh | Cục Thuế tham gia:  1.Khoản 5 Điều 11 đối với đoạn “*Riêng trường hợp nếu số tiền bị xử phạt áp dụng theo khoản này lớn hơn số thuế phát sinh trên hồ sơ khai thuế thì mức phạt tiền tối đa đối với trường hợp này bằng số tiền thuế phát sinh phải nộp trên hồ sơ khai thuế.”* . Đề nghị áp dụng đoạn trên cho các khoản 2, khoản 3, khoản 4 khoản 5 Điều 11.  2. Điểm a Khoản 1 Điều 22 đề nghị bổ sung như sau: “a) Nộp thông báo điều chỉnh thông tin tại thông báo phát hành hóa đơn đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp khi thay đổi tên hoặc địa chỉ kinh doanh ***chậm sau 10 ngày kể từ ngày bắt đầu sử dụng hóa đơn tại địa chỉ mới hoặc bắt đầu sử dụng hóa đơn với tên mới****;”*  3. Điểm a Khoản 2 và Khoản 3 Điều 29: đề nghị quy định rõ hành vi không chuyển dữ liệu cho cơ quan thuế được tính từ ngày thứ bao nhiêu kể từ ngày hết thời hạn theo quy định thì doanh nghiệp sẽ bị xử phạt hành vi vi phạm theo quy định tại Khoản 3 Điều 29. |  |
| 38 | Bình Định | Cục Thuế tham gia nhất trí với dự thảo Nghị định |  |
| **III.Ý KIẾN CỦA HIỆP HỘI, CÁC TỔ CHỨC KHÁC** | | | |
| 1 | Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) | 1. Điểm c Khoản 2 Điều 5 quy định “đình chỉ hoạt động từ 01 tháng đến 03 tháng” là hình thức xử phạt bổ sung. Đề nghị xem xét lại quy định nàu để đảm bảo tính thống nhất với các văn bản có liên quan. Bởi vì theo quy định tại pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật chuyên ngành (quy định về điều kiện kinh doanh, giấy phép) thì vi phạm hành chính về thuế không thuộc các trường hợp doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động.   2.Điều 10:  Khoản 1 Điều 10 quy định xử phạt đối với hành vi “ghi thiếu, ghi sai các chỉ tiêu trong hồ sơ thuế nhưng không liên quan đến nghĩa vụ thuế…”, Khoản 4 Điều 10 quy định xử phạt đối với hành vi “kê khai không trung thực nội dung hồ sơ đăng ký thuế, hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế.  Hồ sơ đăng ký thuế là hồ sơ thuế(Khoản 9 Điều 3 Luật QLT) do đó hành vi tại khoản 1 và khoản 4 có sự chồng lấn và có thể được xử phạt hai khung phạt tiền khác nhau cho một hành vi. Đề nghị điều chỉnh lại hai quy định này để tránh chồng lấn (có thể loại trừ Khoản 4 Điều 10 trong quy định tại Khoản 1 Điều 10).  3.Điều 11: quy định số ngày quá hạn nộp hồ sơ khai thuế để xác định hành vi vi phạm và khung phạt tiền. Tuy nhiên không quy định rõ thời điểm là căn cứ xác định thời gian quá hạn (ví dụ: “phạt cảnh cáo đối với hành vi nộp hồ sơ khai thuế quá thời hạn từ 01 đến 05 ngày”, vậy “từ 01 đến 05 ngày” tính từ thời điểm nào? Ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai thuế hay ngày gia hạn cuối cùng của thời hạn nộp thuế theo quy định?). Để đảm bảo tính minh bạch, đề nghị quy định rõ về thời điểm căn cứ để xác định thời gian quá hạn.  4.Điều13  - Điểm c Khoản 1 Điều 13 quy định xử phạt hành vi “từ chối, trì hoãn việc cung cấp hồ sơ, tài liệu, hóa đơn, chứng từ …” trong khung phạt tiền từ 2 triệu đồng đến 5 triệu đồng.  - Điểm a Khoản 2 Điều 13 xử phạt hành vi “không cung cấp số liệu, tài liệu…” trong khung phạt tiền từ 5 triệu đồng đến 10 triệu đồng.  Hành vi từ chối cung cấp hồ sơ tài liệu cũng được xem là hành vi không cung cấp số liệu, tài liệu, sổ kế toán. Điểm a Khoản 2 Điều 13 quy định cho cả hành vi thực hiện trong và ngoài thời hạn cơ quan nhà nước yêu cầu. Như vậy, hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 1 và điểm a khoản 2 trên là chồng lấn và sẽ xảy ra hiện tượng, một hành vi có thể sẽ bị xử phạt hai khung phạt tiền khác nhau. Để đảm bảo tính minh bạch đề nghị loại trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 trong quy định tại điểm a khoản 2 Điều 13.  5. Điều 14  Điểm d khoản 1 Điều 14 xử phạt đối với hành vi sử dụng hóa đơn chứng từ không hợp pháp nhưng chứng minh do lỗi của bên bán.Theo quy định này người mua không có lỗi mà thuộc về người bán. Trong trường hợp này dự thảo xử phạt người mua dường như chưa hợp lý và phù hợp với tính chất của vi phạm hành chính về thuế quy định tại khoản 1 Điều 2 “vi phạm hành chính về thuế là hành vi có lỗi của người nộp thuế”. Đề nghị không xử phạt người nộp thuế trong trường hợp này.  6. Chương III (xử phạt vi phạm hành chính về hóa đơn)  Hiện nay đang có 3 Nghị định điều chỉnh về hóa đơn: NĐ 51/2010/NĐ-CP; NĐ 04/2014/NĐ-CP; NĐ 119/2018/NĐ-CP. Từ ngày 01/11/2020 sẽ chỉ còn lại NĐ 119 (NĐ 51, NĐ 04 đã hết hiệu lực) có nghĩa kể từ thời điểm này sẽ chỉ có hóa đơn điện tử. Như vậy, các quy định về xử phạt hóa đơn giấy sẽ không còn phù hợp kể từ ngày 01/11/2020, ví dụ: xử phạt hành vi vi phạm quy định về đặt in hóa đơn (Điều 19), hóa đơn tự in (Điều 20).  Đề nghị rà soát lại toàn bộ chương II và quy định thời hạn có hiệu lực của các quy định xử phạt liên quan đến hóa đơn giấy (NĐ 51, NĐ 04) tương ứng với thời hạn hiệu lực của hai NĐ này, tức ngày 01/11/2020.  7. Điều 19 (xử phạt vi phạm quy định về hóa đơn đặt in):  Hành vi quy định tại Khoản 1 và điểm a Khoản 3 dường như chưa phù hợp với tính chất của hành vi vi phạm hành chính, bởi đây là giao dịch dân sự giữa bên đặt và nhận in do pháp luật về dân sự điều chỉnh. Xét trong mối quan hệ quản lý nhà nước, các hành vi này không tác động đáng kể (bên đặt in và bên nhận in dù có kỳ hợp đồng bằng văn bản, lời nói, hay hình thức khác hay không cũng không thay đổi bản chất của giao dịch giữa hai bên, nhà nước sẽ nắm được thông tin về số hóa đơn được in và phát hành dựa trên báo cáo của các chủ thể này). Vì vậy, đề nghị bỏ các quy định trên. Tương tự đề nghị bỏ quy định tại điểm a khoản 3 Điều 20.  8. Điều 26 (xử phạt hành vi vi phạm quy định về hủy hóa đơn)  Điểm c khoản 3 Điều 26 quy định xử phạt hành vi không hủy hóa đơn giấy. Quy định này dường như chưa phù hợp tại thời điểm trước ngày 01/11/2020 bởi theo phản ánh của doanh nghiệp thì quy định hiện hành vẫn cho phép được sử dụng song song hóa đơn giấy và hóa đơn giấy. Đề nghị cân nhắc điều chỉnh hiệu lực của quy định này để đảm bảo tính thống nhất. |  |
| 2 | UBMTTQ | 1. Nhất trí quan điểm, sự cần thiết xây dựng Nghị định này để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất việc quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế và hóa đơn, khắc phục được những bất cập trong áp dụng nguyên tắc xử phạt cũng như thẩm quyền xử phạt của hai lĩnh vực.  2. Nhất trí một số quy định về tăng mức phạt tiền đối với một số hành vi vi phạm về thủ tục thuế, cần cân nhắc mức phạt phù hợp để đảm bảo tính khả thi. Thực tế cho thấy, một trong những nguyên nhân dẫn đến việc nhiều cá nhân, doanh nghiệp vi phạm các thủ tục về thuế là mức phạt tiền còn thấp, chưa đảm bảo tính nghiêm khắc, răn đe một cách thích đáng. Việc quy định tăng mức phạt tiền như vậy sẽ nâng cao ý thức của người dân và doanh nghiệp trong chấp hành pháp luật về thuế. Đồng thời cần khắc phục tình trạng như việc phạt chậm nộp thuế dẫn đến nợ đọng, không có khả năng thu phải xét xóa nợ như vừa qua.  3. Dự thảo đã bổ sung một số hành vi vi phạm quy định về lập hóa đơn điện tử (Chương III) là để cụ thể hóa Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14. Tuy nhiên, cần lưu ý về thời điểm áp dụng Nghị định này và một số văn bản đã quy định trước đó để đảm bảo tính thống nhất khi áp dụng. Nghị định 119/2018/NĐ-CP và Thông tư 68/2019/TT-BTC quy định thời hạn việc thực hiện hóa đơn điện tử tại các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, hộ và cá nhân kinh doanh phải được hoàn thành chậm nhất là ngày 01/11/2020. Dự thảo Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01/7/2020, trong đó có một số quy định cụ thể về xử phạt hành vi vi phạm về hóa đơn điện tử (Điều 18). Vì vậy, cần cân nhắc việc quy định về thời điểm áp dụng xử phạt liên quan tới hóa đơn điện tử tại Nghị định này với các văn bản hướng dẫn đã ban hành để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất trong quá trình thực hiện.  4. Đối với các quy định về thẩm quyền, trình tự thủ tục vi phạm về hành chính thuế, hóa đơn.  Điều 33. Buộc chấm dứt hành vi vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn  “*Người có thẩm quyền đang thi hành công vụ phát hiện tổ chức, cá nhân đang thực hiện hành vi vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn thì buộc tổ chức, cá nhân đó chấm dứt hành vi vi phạm hành chính. Buộc chấm dứt hành vi vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn được thực hiện bằng lời nói, văn bản hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật*”.  Việc quy định như trên để nhằm thực hiện chấm dứt kịp thời hành vi vi phạm, đáp ứng yêu cầu khi thực hiện nhiệm vụ, nhằm đơn giản hóa thủ tục hành chính. Tuy nhiên, chúng tôi đề nghị cần quy định rõ hơn về trách nhiệm của người có thẩm quyền khi thi hành công vụ, phải đảm bảo tính công khai, minh bạch, bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của cá nhân, tổ chức. |  |

1. Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 167/2013/NĐ-CP dự kiến phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với hành vi “không chấp hành yêu cầu thanh tra, kiểm tra, kiểm soát hoặc nhiệm vụ khác của người thi hành công vụ theo quy định của pháp luật” (điểm a khoản 2 Điều 19 dự thảo Nghị định) [↑](#footnote-ref-1)